



# Lửa Hòa Bình

## Sơn Tùng

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

# Mục lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12 \(chương kết\)](#)

# Sơn Tùng

## Lửa Hòa Bình

### Chương 1



Giữa tháng 3 năm 1975, Phan Thanh Nhàn đưa ba đứa con rời bỏ Pleiku, cùng rừng người di tản, theo những đơn vị của quân đội miền Nam, vượt con đường tử thần 7-B ra miền biển. Với những gì đã xảy ra trên con đường hãi hùng ấy, Nhàn không hiểu làm cách nào bốn mẹ con đã sống sót và về được tới Lái Thiêu.

Đoàn quân dân di tản khỏi cao nguyên đã bị truy đuổi, bị pháo kính, bị chặn đánh ngày đêm không ngừng. Quá nhiều người đã chết trên con đường từ Pleiku tới Tuy Hoà. Nhàn đã thấy người chết trước mặt, người chết sau lưng, chết bên phải, chết bên trái, đã thấy thây người trên mặt đất, thây người trên cây, thây người dưới nước... Người ta có thể chết trên mỗi tấc đường.

Hàng triệu người đã đạp nhau, chen nhau chạy trốn hoà bình, mặc dầu mọi người đều biết con đường trước mặt là con đường gian nan vô định. Họ đã bỏ lại cho hoà bình tất cả - nhà cửa, ruộng vườn, của cải, có khi cả người thân. Nhàn cũng đã phải bỏ lại chồng, Đại Úy Huỳnh Lâm đang mất tích cùng đơn vị, để đem các con chạy trốn hoà bình.

Khi ấy, mọi người ở miền Nam Việt Nam đều cảm thấy cuộc chiến tranh tàn phá đất nước này trong hơn mười năm sắp chấm dứt. Hoà bình đã ở trước mặt. Nhưng không ai bắt gặp một nụ cười, một ánh mắt hân hoan. Chỉ có những gương mặt thất thần, tiếng khóc đau thương, tiếng kêu la tuyệt vọng của những người chạy trốn. Từ Trung vào Nam, từ Nam ra nước ngoài, hay không biết chạy đi đâu như cô Nhàn.

Không còn nơi nào để chạy, và cũng không còn nơi nào để dung thân trên mặt đất này, Nhàn đưa ba đứa con về Lái Thiêu, nơi có ngôi nhà mà cô đã sống suốt tuổi ấu thơ và niên thiếu. Nhưng đã gần mười năm, Nhàn không

đặt chân về đây, và bây giờ không biết sẽ được đón tiếp ra sao.

Nếu không có chiến tranh, có lẽ Nhàn đã nối nghiệp cha, trở thành một cô giáo tình lẻ trong khuôn phép. Nhưng chiến tranh không phải chỉ có khả năng tàn phá, hủy diệt, mà còn có khả năng sáng tạo. Nó đã tạo ra ba đứa bé - một trắng, một đen, một vàng - mà Nhàn đưa về đây sau mười năm bỏ nhà ra đi.

Nhàn bồn chồn, tim đập thật mạnh khi trông thấy bóng ngôi nhà nổi rõ trong ánh trăng, bên cạnh vườn cây im lìm. Cô dừng lại bên một cây cầu đúc bắc qua một con suối nhỏ. Nước chảy róc rách dưới chân cầu, bình thản như hàng ngàn năm qua. Tiếng dế kêu rền rĩ trong đêm hè. Những con côn trùng nhỏ bé - tin tưởng ở hầm trú sâu trong lòng đất của chúng - có vẻ không run sợ trước tiếng đại bác âm vọng thật gần. Tiếng gầm thét của chiến tranh hay của hoà bình? Nhàn tự hỏi, và nhìn ngôi nhà trước mặt với hàng chục câu hỏi khác. Có những ai đang ở trong nhà? Ai còn sống và ai đã chết? Cô sẽ được mọi người tha tội hay không?

Nhàn đã bị cha cấm đặt chân trở lại nhà từ mười năm nay, và từ đó không biết những gì đã xảy ra cho những người thân trong gia đình, và những người trong gia đình cũng không biết những gì đã xảy ra cho cô trong mười năm chinh chiến.

Tội của Nhàn: lấy Mỹ. Lấy một người lính Mỹ tên là John McCoy.

Câu chuyện về John McCoy bắt đầu với một quả lựu đạn nổ bất ngờ trên đường phố Sài Gòn. Nhàn bị xô ngã xuống và không còn biết gì nữa. Cô tỉnh lại trong một bệnh xá của quân đội Mỹ với những vết thương và bông băng khắp người. Cách đó vài cái giường, McCoy cũng đang nằm bất động trong đồng bông băng. Anh ta bị thương nặng hơn vì là người đã trông thấy cái lựu đạn lăn trên đường phố và xô Nhàn ngã xuống.

Mấy ngày sau, khi đã đi đứng được McCoy làm quen và nói với Nhàn:

- Lúc ấy, tôi đang đi phía sau cô và không thể làm gì khác.
- Tôi biết lấy gì để đền ơn anh? Có ai chết không?
- Hai người chết và độ một chục bị thương. Tôi là nạn nhân người Mỹ duy nhất.
- Nhưng anh mới chính là mục tiêu đấy. Những người Việt Nam như tôi

chỉ là nạn nhân tình cờ...

- Cô nói tiếng Anh giỏi quá. Cô làm gì ở đây?
- Sinh viên Văn Khoa, ban Anh ngữ.
- Hèn nào. Học xong, cô đi dạy học hả?
- Chưa biết. Văn Khoa là cái trường đào tạo ra những kẻ thất nghiệp. Còn anh, anh làm gì ở đây?
- Việt Cộng nói chúng tôi sang đây cướp nước. Còn chính phủ Mỹ thì nói chúng tôi sang làm cố vấn cho quân đội miền Nam chống Cộng sản xâm lược. Và tôi thì đang tìm hiểu coi thực sự mình đang làm gì ở đây.
- Nghe hay đấy! Có vẻ như là một trò đùa. Nhưng quả lựu đạn ném trên đường phố là thực. Người chết là thực. Những vết thương trên thân thể tôi là thực. Những vết thương trong tâm hồn tôi là thực. Có những kẻ đang đùa giỡn trên xương thịt của người Việt Nam chúng tôi.

Họ nói chuyện với nhau mỗi ngày trong suốt thời gian điều trị tại bệnh xá. Nhìn coi đây là cơ hội trau dồi khả năng Anh ngữ của mình. Và, sau khi ra khỏi nhà thương cô vẫn thường nhận lời đi chơi với McCoy.

Một buổi tối, trên sân thượng khách sạn Caravelle, dưới một bầu trời tím thẫm đầy sao, McCoy cầm tay Nhàn nói :

- *I love you.*

Nhàn thở dài:

- Anh có biết đó là câu nói sẽ mở đầu cho một bi kịch? John, nên ngừng lại ở đây.
- Cô cũng ghét người Mỹ?
- Tôi không nói như thế. Nhưng, anh sẽ không hiểu đây. Cũng như các cấp trên của anh, những người lãnh đạo nước anh, họ hăm hở nhảy vào Việt Nam mà không hiểu biết gì về đất nước và con người ở đây cả.
- Nhưng hình như tôi hiểu trái tim của cô.
- Anh lại chủ quan và quá tự tin rồi. Tôi không biết đó là ưu điểm hay khuyết điểm của người Mỹ. John, anh đừng nên quên rằng đất nước tôi đã có một lịch sử hơn bốn ngàn năm và Hoa Kỳ chỉ mới lập quốc chưa đầy hai trăm năm. Các anh có quyền tự hào là một siêu cường hàng đầu thế giới trong khi chúng tôi vẫn còn là một nước chậm tiến. Nhưng, ai cấm người

Việt Nam nuôi dưỡng trong đầu những ý tưởng tự cao điên rồ?

- Thí dụ?

- Thí dụ... tôi mà yêu anh và lấy anh thì sẽ bị cha mẹ đuổi ra khỏi nhà và sẽ bị xã hội nhìn như một con điếm.

- Quả thật tôi không hiểu.

- Dĩ nhiên. Tôi đã nói rồi mà !

Bống Nhàn bật khóc, rồi cố dằn nén cơn xúc động và vừa lấy khăn tay chặm nước mắt vừa nói:

- John, hãy quên tôi đi. Đây là lần gặp nhau cuối cùng. Tôi vẫn còn bị ám ảnh vì cái chết của người yêu tôi hai năm trước đây. Tôi không muốn lại là vai chính trong một bi kịch khác. Các anh đang lao vào một cuộc bắn giết, và nạn nhân vẫn là những người đàn bà, bất kể màu da của xác chết. Tôi đã khóc nhiều rồi, và không muốn khóc thêm nữa. Anh biết không, Nhàn - tên tôi - trong tiếng Việt có nghĩa là "an easy life", hay một cái gì tương tự như thế, nhưng mỗi tình đầu của tôi đã là một tương lai bất trắc.

Sau đêm hôm ấy, Nhàn lánh mặt McCoy. Cô cố gắng quên người lính Mỹ, dù biết hình như đã quá muộn. Cô tự trách mình đã quá dễ dãi, đã bạo dạn bước ra khỏi cái khuôn mẫu của một cô con gái Việt Nam con nhà gia giáo. Nhân mấy tháng hè, Nhàn về sống với gia đình để tìm thêm chỗ dựa tinh thần, thực tế chỉ để cảm thấy không thể quên McCoy.

Chiến tranh vẫn tiếp tục tăng thêm cường độ khắp nơi nhưng Lái Thiêu, nhờ nằm sát nách Sài-gòn, vẫn còn được hưởng những ngày yêu tình với những vườn cây trái xum xuê để đón tiếp dân thủ đô vào các ngày cuối tuần.

Rồi một buổi trưa Chủ nhật trời nóng như rang, Nhàn trông thấy McCoy trong đám người lên đây tìm chút bóng mát trong vườn và thưởng thức những trái cây tươi ngọt. Vừa mừng vừa sợ, Nhàn kéo tay McCoy vào sau một thân cây chôm chôm, hỏi:

- Anh làm gì ở đây?

McCoy trả lời bằng một cái hôn dài Nhàn muốn ngộp thở.

- Anh điên rồi! - Nhàn lắp bắp:

McCoy nắm hai tay Nhàn, và cũng lắp bắp:

- Tôi đã được lệnh đổi lên Pleiku ngày mai. Tôi đề nghị cô bỏ cái vườn trái cây này và lòng tự cao lỗ bịch của người Việt Nam để đi với tôi.

- Anh điên thật rồi! Anh điên thật rồi! - Nhàn kêu lên và bỏ chạy về nhà.

Một tuần lễ sau, trong lúc lái chiếc xe Jeep trên đường phố tỉnh Pleiku, McCoy tưởng mình hoa mắt khi trông thấy Nhàn, với chiếc va-li trên tay, đang đứng trả giá với một người lái xe ôm. Anh ta đập thẳng thật mạnh bên cạnh chiếc xe gắn máy, và nói lớn :

- Tôi nghĩ rằng người khách này là của tôi!

Người lái xe ôm nhún vai, trả lời bằng tiếng Anh khá trôi chảy :

- Dĩ nhiên là tôi không thể giành mối với ông, Trung Úy.

Thế là họ sống với nhau như hai tên điên trong cuộc chiến tranh không ngày mai. Hai kẻ thách đố định mệnh, thách đố quy ước. Một hôm, Nhàn nói:

- Khi nào có anh bên cạnh tôi mới tin đây là hạnh phúc có thật. Tôi vẫn không tin là tôi dám làm việc này. Với một phụ nữ tại Mỹ, hành động của tôi chắc không có gì đặc biệt, nhưng với người Việt Nam, đây là một cuộc nổi loạn. Mà thật vậy, có một cái gì trong tôi chỉ muốn nổi loạn. Nổi loạn chống lại tất cả. Chiến tranh. Xã hội. Tập quán... Nhưng tôi quá nhỏ bé, không thể làm gì được để thay đổi...

- Chúng ta sẽ cùng về Mỹ sau khi tôi mãn nhiệm kỳ. Vài tháng nữa thôi. Mình sẽ tới Toà Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn để làm hôn thú. Cuộc chiến tranh khốn nạn này sẽ chấm dứt với chúng ta.

Cuộc chiến tranh tại Việt Nam đã chấm dứt với John McCoy sớm hơn là anh dự định, và không chấm dứt với Nhàn. Anh ta đã bị tử thương trong một cuộc phục kích, hai ngày trước khi mãn nhiệm kỳ, và không biết Nhàn đã có thai.

Nhàn từ chối nhìn các xác không còn mặt của McCoy trước khi được chở đi "chế biến" - may vá, moi bỏ ruột gan, ướp thuốc - để đưa về Mỹ. Cô cũng không khóc trước mặt mọi người. Cô lặng lẽ khóc một mình cho đến khi khô nước mắt.

Trời khuya đã qua nửa đêm. Sự tĩnh mịch của khu vườn trái cây mang một vẻ giả tạo khác thường giữa một đất nước đang tan vỡ. Nhàn có cảm tưởng



như lạc vào một ốc đảo an bình giữa một sa mạc nóng bỏng, và nó có thể bùng nổ, cháy đỏ bất cứ lúc nào. Cô cúi nhìn ba đứa bé và tự hỏi rồi số phận chúng sẽ ra sao.

Một lá và đôi, ba đứa bé nằm lăn ra ngủ trên bãi cỏ bên cạnh mẹ chúng. Ba đứa trẻ, ba màu da. Chúng nắm tay nhau như cùng buộc chung vào một định mệnh. Ngồi bên cạnh chúng, Nhàn chưa quyết định sẽ phải làm gì. Cô đưa chúng về đây vì không còn biết đi đâu.

- Ai ở đây giờ này?

Nhàn giật bản người, ngược mắt nhìn toán Nhân Dân Tự Vệ vừa từ đâu xuất hiện trước mặt. Dưới ánh trăng, họ xúm lại nhìn mấy mẹ con Nhàn với vẻ tò mò hơn là đe dọa. Toán tự vệ gồm bốn người, hai người có súng, hai người kia cầm đèn bấm và gậy. Một ý nghĩ kỳ dị thoáng qua óc Nhàn khi cô nhớ tới cảnh hàng ngàn quân với xe tăng đại bác đã chen nhau rút chạy. Nhưng Nhàn cảm thấy chán chường hơn là hài hước. Bỗng, người lớn tuổi nhất trong nhóm, tay cầm khẩu carbine, kêu lên như vừa khám phá ra điều gì quan trọng:

- Trời đất! Cô Tư Nhàn đây mà. Đúng không?

Nhàn nhìn anh Nhân Dân Tự Vệ, gật đầu:

- Vâng, tôi đây. Còn anh là anh Sáu, phải không?

Anh Sáu hãnh diện, toét miệng cười, phô ra một chiếc răng vàng ở cửa hàm trên:

- Dữ hôn, có đến chục năm rồi! Y đưa tay không cầm súng chỉ mấy đứa bé

- Cái gì đây?

- Người ta. - Nhàn trả lời.

- Biết rồi, người ta... nhưng...

Anh Sáu Răng Vàng ngậm ngừng. Nhàn biết anh ta thắc mắc về màu da của ba đứa bé nên gạt đi:

- Ba má tôi mạnh giỏi cả, hả anh Sáu?

- Ông bà Hai vẫn bình thường. Nhưng sao cô đi lâu quá vậy không về?

- Thì bây giờ tôi trở về đây!

- Cô ở ngoài Trung chạy về hả?

Nhàn gật đầu:

- Vâng. Còn tình hình ở đây thế nào, anh Sáu?
- Vẫn bình yên, như cô thấy. Nhưng ngày mai không bảo đảm, kể cả cái mạng của tôi. Dù sao cũng mừng cô về tới đây an toàn. Nhưng sao cô không về nhà mà còn ở ngoài này?
- Mấy đứa nhỏ kiệt sức rồi. - Nhàn ngáp ngừng. Cho chúng nghỉ mệt đã.
- Ở ngoài trời đêm khuya như vậy không được đâu. Để tôi tới đánh thức ông bà Hai dậy.

Nghe ồn ào, ba đứa trẻ mở mắt nhìn đám người lạ với vẻ sợ sệt. Bé Thiên Lý tức Lisa, 9 tuổi, da trắng. Ni tức Tony, 6 tuổi, da đen. Tuấn, 3 tuổi, da vàng. Ba sản phẩm hỗn hợp của chiến tranh và tình yêu. Nhàn vuốt ve trấn an chúng:

- Các chú đây sẽ giúp đưa mình về nhà ông bà ngoại. Không còn sợ gì nữa, các con. Nhà ông bà ngoại kia kìa. Cố đi tới đó rồi ngủ tiếp.

Nhàn đứng lên, khoác lên vai chiếc ba-lô đựng tất cả gia sản còn lại của bốn mẹ con. Tay ấm bé Tuấn, tay kia dắt hai đứa lớn, cô đi theo toán Nhân Dân Tự Vệ.

Sáu Răng Vàng gõ cửa và xưng tên mấy lần mới có người bên trong lên tiếng và cánh cửa hé mở. Một người đàn ông xuất hiện, trên tay cầm cái đèn dầu, tay kia chống nạng với một chân bên phải bị cụt ngang đầu gối. Y nhìn đám người lố nhố bên ngoài, hỏi với giọng ngáy ngủ:

- Anh Sáu hả? Có chuyện gì đây?

Nhàn lên tiếng:

- Anh Ba, em Nhàn đây.

Phan Văn Dũng, tức anh Ba, trợn tròn mắt và cứng họng như trông thấy ma. Nhàn nói thêm, và ngạc nhiên thấy mình còn có thể bông đùa:

- Đúng là em đây. Không phải ma đâu!
- Em ở đâu về đây? - Dũng mở miệng một cách khó khăn và đưa mắt nhìn ba đứa trẻ như không tin ở mắt của mình.
- Chuyện dài dòng lắm, kể cả ngày chưa hết. - Nhàn đáp, và nhìn một chân bị cụt của người anh, thấp giọng hỏi - Anh Ba, tại sao thế này?

Dũng đập tay vào chiếc nạng gỗ, thản nhiên trả lời:

- Thương phế binh. - Anh ta quay sang nói với mấy người Nhân Dân Tự

Vệ - Cám ơn các anh. Để tôi lo cho em Tư tôi và mấy đứa nhỏ.

Anh ta mở lớn cánh cửa:

- Tư đưa mấy đứa nhỏ vô nhà đi. Căn phòng của em vẫn còn y nguyên như khi em đi. Em đưa chúng vô đó ngủ. Nếu cần thì tắm rửa cho chúng và ăn uống cho no bụng. Trong nhà có cả mấy thùng mì gói phòng khi giặc giã...

Nhàn ngập ngừng hỏi sau khi toán Nhân Dân Tự Vệ đã đi khỏi:

- Nhưng còn ba má?

- Ba má ngủ rồi.

- Em không hỏi ba má ngủ hay thức. Nhưng...

Dũng chột hiệu Nhàn muốn nói gì, anh ta nắm tay cô em gái:

- Chuyện xưa rồi. Tư biết ba má thương em nhất nhà mà...

Nhàn theo chân Dũng bước vào căn nhà. Cô dừng lạ vài giây nơi phòng khách và có cảm giác kỳ lạ như từ một thế giới khác trở về với cuộc đời cũ tưởng đã mất hẳn hàng ngàn năm. Mỗi món đồ trong nhà đều như hiện ra từ trong một giấc mộng và nhắc lại biết bao kỷ niệm xa xăm. Từ chiếc bàn thờ gia tiên trang nghiêm đến những miếng gạch bông có nhiều chỗ men đã mòn vì những bàn chân của nhiều thế hệ. Bức tranh sơn dầu vẽ Chợ Bến Thành của một họa sĩ vô danh mà suốt thời thơ ấu cô nhìn ngắm như nơi đô hội xa xôi vẫn còn treo trên tường. Giờ đây, trong ánh sáng của ngọn đèn dầu, bức tranh mang một vẻ huyền ảo, gợi nhớ những giấc mơ nhỏ bé hiền lành của những năm tháng đầu đời.

Nhàn có cảm giác như tất cả đều không phải là thực, và sẽ tan biến đi bất cứ lúc nào.

Trong khoảnh khắc, Nhàn mất ý niệm về thời gian và như lạc trong không gian của một vũ trụ không bờ không bến. Và cơn mệt lả sau một cuộc hành trình kinh hoàng lại ập đến. Cô đặt mấy đứa bé vào phòng ngủ như bước đi trong một cơn mộng du.

Thân thể rũ ra, Nhàn mau chóng rơi vào một giấc ngủ vùi. Khi cô thức giấc, trời đã hừng đông. Vài tia sáng nhẹ lọt qua cánh cửa sổ lá sách. Cô nghe một cảm giác ấm áp từ bàn tay phải, và từ từ mở mắt ra nhìn. Cô nhận ra bà mẹ già đang ngồi bên cạnh từ bao giờ. Cô vùng ngồi dậy, ôm

chặt lấy mẹ và bật khóc, toàn thân run lên bần bật. Tất cả khổ đau như tuôn ra thành nước mắt chảy ra không ngừng.

Ở bên ngoài, những con chim chào mào vẫn đua nhau hót, đón chào bình minh.

**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 2**

- Còn thằng Tony? Con Tư nó lấy một thằng Mỹ đen à?

Ông giáo Phan Văn Thế hỏi nhỏ bà vợ, hai bàn tay xoay xoay chiếc bút chì, mắt nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi ba đứa cháu ngoại tạt chùng của ông đang chơi trên sân trong ánh nắng ấm của một buổi sáng yên tĩnh...

Bà Hai Thế ngồi trên chiếc ghế bên cạnh bàn làm việc của chồng, lưng dựa vào vách tường, mắt nhìn xuống tờ báo đang cầm trên tay, trả lời:

- Con Tư không lấy thằng Mỹ đen nào cả. Thằng Tony là con nuôi của nó và nó thương thằng nhỏ không khác gì con nó đẻ ra. - Giọng bà run lên trong cơn xúc động - Lúc trước tôi giận con Tư bao nhiêu, bây giờ thấy thương nó bấy nhiêu. Tội nghiệp, số nó long đong. Nó là một đứa con có lòng nhưng đa truân... Hồng nhan đa truân như người xưa đã nói...

Bà khẽ xoay người nhìn ra sân. Ba đứa trẻ đang chơi "chi chi chành chành" một cách hồn nhiên, như mọi đứa trẻ Việt Nam khác, như trên một đất nước Việt Nam không hề có chiến tranh, như không vừa trải qua một cuộc chạy loạn kinh hoàng, và nhất là, như chúng không có màu da khác nhau.

Nhìn ba đứa trẻ, ông giáo Thế cũng cảm thấy lòng xao động. Lập trường của ông đối với cô con gái "nổi loạn" cũng đã thay đổi từ hôm Nhàn trở về.

Ông không hề nhắc đến những chuyện trong quá khứ, chỉ ân cần hỏi con gái về những gian nan, nguy hiểm trên đường di tản, và người chồng đang mất tích của Nhàn. Hôm nay, nhân lúc Nhàn đi Sài-gòn tìm hỏi tin tức của chồng, ông mới hỏi vợ những chuyện liên quan đến con gái và ba đứa cháu ngoại mà ông bắt đầu cảm thấy thương chúng như những đứa cháu đích tôn. Ông đã bằng bố chúng, hôn chúng, chơi đùa với chúng. Ông cảm thấy hạnh phúc, tuy pha lẫn xót xa.

Năm nay 61 tuổi, ông giáo Thế đã chứng kiến những biến động nối tiếp xảy ra trong suốt cuộc đời ông. Khi còn đi học ông đã tham gia những hoạt động chống Pháp nhưng không theo đảng phái nào. Trở thành một nhà giáo, ông đã tận tụy với chức nghiệp cho đến ngày về hưu một năm trước

đây. Ông đã chứng kiến sự ra đi của thực dân Pháp, sự thế chân nhường của đế quốc Nhật, Vua Bảo Đại trở về rồi Vua Bảo Đại ra đi, và Đệ Nhất Cộng Hòa, Đệ Nhị Cộng Hòa. Ông linh cảm cuộc chiến dài và tàn bạo đang đi đến hồi kết thúc, nhưng không hình dung được nó sẽ ra sao. Một cuộc ngưng bắn và dàn xếp vào phút cuối cùng? Hay một sự sụp đổ toàn diện của chính quyền miền Nam và tai họa sẽ giáng xuống mọi người còn ghê gớm hơn cuộc chiến tranh kéo dài trong suốt gần 20 năm qua?

Bà Thế cũng chia sẻ nỗi lo âu của chồng. Quận Lái Thiêu chưa bị cuốn hút vào cơn bão lửa cuối cùng, nhưng cũng bắt đầu tăng dần hơi nóng cùng với Sài-gòn, trái tim của miền Nam, đang sôi sục trong vòng vây ngày một siết chặt. Những quận ven đô trở thành phòng tuyến bảo vệ Sài-gòn, với các đơn vị quân đội tăng phái và những chướng ngại vật cản chiến xa trên các quốc lộ. Lái Thiêu cũng bắt đầu xáo động.

Bà đưa cho chồng tờ báo đầy tin tức, hình ảnh về các cuộc di tản hỗn loạn từ cao nguyên và miền Trung, cùng những biến chuyển nóng bỏng đang diễn ra tại Sài-gòn.

- Con Tư đưa được ba đứa nhỏ về đến đây an toàn thật là đại phước. - Bà Thế nói với chồng - Thật đúng như lời sấm, " mười phần chết bảy còn ba, chết hai còn một mới ra thái bình ". Thái bình đâu chưa thấy, chỉ thấy người chết như rạ. Ông à, thấy người ta chạy rần rần, rồi mình biết chạy đi đâu đây? " Mấy ông " vô đây, không biết số phận mình ra sao?

- Người ta sao mình vậy chứ sao? Mình có tội gì mà sợ?

Ông Hai Thế trả lời vợ trong lúc mở tờ báo ra đọc. Nhưng bà vợ không cảm thấy yên tâm với câu trả lời cho qua chuyện của chồng. Bà nói:

- Ông không biết mình có tội gì thật à? Chớ hơn ba ngàn người bị giết tập thể ngoài Huế hồi Tết Mậu Thân tội gì? Tội của mình là chủ đất, chủ vườn. Tội có con đi lính Quốc Gia. Tội có con lấy Mỹ...

Ông Hai Thế ngẩng đầu lên gầm gừ:

- Hừ, kẻ nào bước qua ngưỡng cửa nhà này và nói rằng tôi là đứa có tội, tôi sẽ chỉ vào mặt nó và kể cho nó nghe những tội ác của chúng nó.

Ông giáo hồi hưu cúi đầu tiếp tục đọc báo, nét giận vẫn còn hằn trên gương mặt bướng bỉnh với hàng ria mép rậm đã bạc một nửa, cùng màu muối tiêu

với mái tóc hớt ngắn kiểu bàn chải.

Bà Hai Thế kính phục tính khăng khái của chồng, nhưng lần này bà không cảm thấy yên tâm, và lo sợ đức tính ấy sẽ là một tai hoạ hơn là một ưu điểm. Bà nói:

- Thật tình tôi không lo gì cho thân mình. Có chuyện gì thì cũng già rồi, chẳng còn gì mà tiếc... nhưng thương cho con cháu. Còn hai thằng con và một thằng rể đang ở trong quân đội chưa biết sống chết ra sao trong những ngày hỗn loạn này. Mấy đêm nay, tôi chỉ toàn nằm mơ thấy ác mộng.

Bà Hai Thế nghe lời và sùi sụt khóc làm ông giáo cũng không cầm được lòng. Ông đứng lên, bước tới đặt một bàn tay lên vai vợ, vỗ về:

- Thôi mình. Có lo cũng không thể làm thay đổi gì được. Chuyện tới đâu tính tới đó. Còn bao nhiêu triệu người khác chứ có phải một mình mình đâu?

Bà Hai Thế vẫn không ngừng khóc dù cảm thấy được an ủi phần nào vì có ông chồng bên cạnh. Bao nhiêu năm nay, ông là cái bóng mát vĩ đại để bà ẩn tránh những cơn nắng quái của cuộc đời, nhưng lần này bà có linh giác như trời sắp sập và sẽ không còn sinh vật nào sống sót. Bà chỉ hết khóc và vội vàng chấm khô nước mắt khi thấy ba đứa cháu ngoại ngừng chơi và kéo nhau vào nhà.

Đi đầu là Lisa, dắt theo hai đứa em. Chúng chạy vào phòng, cùng khoanh tay cúi đầu nói:

- Thưa ông bà ngoại.

Bà Thế vội vàng đứng lên, ôm ba đứa cháu vào lòng, nỗi lo sợ về cơn "trời sập" tan biến. Bà nói:

- Các cháu ngoan lắm. Chút nữa bà sẽ đưa các cháu qua vườn trái cây chơi, tha hồ ăn chôm chôm, nhưng phải ăn cái gì ở nhà trước đã không thì sẽ bị đau bụng.

Lisa nhanh nhẩu trả lời:

- Trước khi đi Sài-gòn, mẹ có cho chúng cháu ăn bánh mì rồi, bà ngoại.

Lisa có nước da trắng, sống mũi cao và tóc vàng giống cha nên trông như một đứa bé da trắng. Tony, trái lại, trông như một thằng da đen, dù đã lai, với nước da nâu sẫm và mái tóc quăn. Nhưng đó chỉ là vóc dáng bên

ngoài. Bên trong chúng là Việt Nam, không khác gì thằng em út của chúng.

Trẻ em ngây thơ. Dù đã trải qua một cuộc chạy loạn kinh hoàng, chúng không biết đến những biến động đang diễn ra và sẽ ảnh hưởng đến đời chúng ra sao. Chúng cảm thấy vui thích vì lần đầu tiên được sống với ông bà ngoại và có vườn rộng để chơi, có đủ thứ trái cây để ăn. Chúng không biết đến những lo sợ, những khổ đau của người lớn. Thế giới của trẻ thơ là thế giới thần tiên, dù đang ở giữa chiến tranh và chết chóc.

Trong lúc ba đứa trẻ hồn nhiên vui chơi, Nhàn đang chờ đợi ở Bộ Tư Lệnh Biệt Động Quân để hỏi tin tức của chồng. Cô đã đứng ở đây hơn một tiếng đồng hồ sau khi đạp xe từ Lái Thiêu xuống từ sáng sớm.

Hàng trăm người đang chen chúc để được biết chồng, con họ đang ở đâu, sống hay chết. Những bà mẹ già, những người vợ trẻ. Họ đều giống nhau một điểm: không một nụ cười. Họ lo lắng trao đổi với nhau những câu chuyện về chồng con họ, về tình hình chiến sự đang đi đến chỗ tuyệt vọng và sự hoảng loạn ở hậu phương. Họ đến, họ kiên nhẫn chờ đợi, và hầu như tất cả đều ra về lầm lũi với không một tin tức của người thân.

Nhàn viết tên chồng, số quân, đơn vị vào một miếng giấy rồi đưa cho một trung sĩ. Chờ đợi. Cuối cùng rồi cũng được tin. Cái tin như mọi người khác đã nhận được.

- Đại úy Huỳnh Lâm, đơn vị mất liên lạc, chưa có tin tức gì.

Một điệp khúc buồn nản, chũu nặng.

Tuy không hy vọng nhiều về tin tức của chồng. Nhàn cũng cảm thấy bầu trời như tối sầm lại. Cô đi ra bãi gửi xe với đầu óc trống không và chưa biết đi đâu. Cô chưa muốn về nhà ngay, nhưng đi đâu trong cái thành phố thân quen nhưng đã mười năm không trở lại? Có lẽ vào một quán giải khát nào đó trên đường Gia Long, gần Trường Văn Khoa, ăn một ly thạch, ôn lại vài kỷ niệm cũ. May ra gặp một người quen, biết thêm một số tin tức.

Vừa đạp xe tới một ngã tư, Nhàn giật bản mình vì tiếng thảng rít rợn người của một chiếc xe hơi. Cô ngã xuống đường trước khi biết chuyện vì xảy ra. Chiếc xe đạp cong queo nằm dưới bánh trước một chiếc xe Audi bóng loáng. Một người đàn bà ăn mặc lịch sự bước vội ra, chạy tới ngồi xuống



bên cạnh Nhàn.

- Chị có sao không? - Người đàn bà hỏi, giọng bối rối pha lẫn bức bối - Đạp xe sao không trông đèn đường?

Nhàn gắng gương ngồi dậy. Người đi đường bắt đầu bu lại xem. Bà lái xe hơi rờ mó, xem xét những chỗ trầy sát trên người Nhàn. Bà ta có vẻ bình tĩnh lại khi thấy Nhàn chỉ bị thương xoàng. Bà ta đưa bàn tay sờ vết trầy đang rướm máu trên trán Nhàn. Một lần nữa, Nhàn lại giật bản mình khi người đàn bà lạ bóp chặt hai vai cô và kêu rú lên:

- Nhàn! Mà ở đâu hiện ra đây để hại tao?

Nhàn đưa mắt nhìn kỹ người đàn bà, nhận ra người bạn học cũ.

- Xuân. Tao không nhận ra mà vì mà sơn phấn đẹp quá! - Nhàn nói nhỏ, nhăn nhó vì bắt đầu cảm thấy đau nơi những vết thương...

Tai nạn khiến hàng trăm chiếc xe đủ loại bị kẹt lại. Xe hơi, xe gắn máy, xe lam, xích-lô máy... bóp kèn inh ỏi, động cơ chạy rầm rầm, phun khói mù mịt. Một viên cảnh sát vạch đám đông hiếu kỳ, bước tới. Ông ta cầm một cuốn sổ trên tay, định làm biên bản tai nạn.

- Thôi, thầy đội đừng làm biên bản cho mất thì giờ. - Xuân xua tay - Chúng tôi là bà con với nhau, và cũng chẳng có gì để đáng làm biên bản.

Trước vẻ lưỡng lự của viên cảnh sát, Xuân nhét Nhàn vào xe, bỏ chiếc xe đạp cong queo vào cốp xe sau và lên xe, tìm cách ra khỏi rừng xe cộ đang mắc kẹt ở ngã tư.

- May mà tao không cán chết mà. - Xuân vừa thở vừa nói một hơi dài - Đầu óc tao đang để đâu đâu. Mà hình như không ai còn đầu óc nữa. Mọi người đang điên lên tìm đường ra khỏi xứ này trước khi quá muộn... Để tao đưa mà tới một bác sĩ quen nhờ nó khám và băng bó cho mà. Mà biến đi đâu mất hàng chục năm rồi bỗng hiện ra vào giữa lúc mọi người đang tìm đường ra khỏi thành phố nào?

Nhàn đã hoàn hồn và nhận ra vẻ " bà lớn " của người bạn học cũ. Cô nhìn Xuân, trả lời:

- Hình như ta không có duyên với thành phố này. Trông mà có vẻ một bà dân biểu hay nghị sĩ. Mà làm gì ở đây?

- Dân biểu, nghị sĩ cái con khỉ gì! Tao chẳng làm gì cả! Chồng tao làm

giám đốc một cái nha trong Bộ Kinh Tế.

- Hèn nào!

- Thôi, mày đừng nghĩ bậy. Anh ấy không có tham nhũng hay ăn hối lộ gì cả! Con nhà giàu, du học ở Mỹ về nhưng không phe đảng. Nếu có phe đảng thì đã làm tổng trưởng chứ đâu phải nhận cái chức giám đốc quèn! Còn mày, chồng con ra sao? Mày bỏ đi đâu, không nói một tiếng? Tụi nó đồn mày... ra khu.

- Thế à? Mày có tin không?

- Tao không tin, nhưng cũng không bói nổi là mày đi đâu một cách đột ngột và bí mật. Nói thật đi, có phải mày về đây lúc này để chuẩn bị... tiếp thu Sài-gòn và đưa tụi tao vào tù hay ra pháp trường?

- Tao không có cái may mắn ấy. Tao là kẻ thua thiệt hoàn toàn trong cuộc chiến này...

Xuân liếc nhìn Nhàn, với gương mặt ưu tư không son phấn, với chiếc áo sơ-mi nylon và chiếc quần dài khiêm tốn, cộng với cái xe đạp nằm trong cốp xe. Xuân mừng tượng có chuyện gì bất hạnh xảy ra cho người bạn thân từ hồi còn ở Trung học.

- Tao có thể giúp mày được điều gì không? - Xuân dè dặt hỏi.

- Không. Trừ khi mày là thượng đế.

Câu chuyện trao đổi giữa hai người bạn cũ ngưng lại chốc lát. Dường như mỗi người đang theo đuổi những ý nghĩ riêng vì nhận ra đã có những xa cách giữa hai người.

Xuân ngừng xe trước phòng mạch của một bác sĩ trên đường Bùi Thị Xuân. Tấm bảng đồng sáng bóng mang tên bác sĩ còn đó nhưng cửa đóng im ỉm. Một ông già thấp nhỏ, đầu tóc bạc phơ, tay chống gậy từ căn nhà bên cạnh đi ra, dừng lại nói:

- Ông ấy đi Tây rồi.

Và, ông già tiếp tục bước đi chậm chạp, lắc lắc mái đầu bạc như tỏ sự bất lực trước thời thế. Xuân nhìn theo, lẩm bẫm:

- Mày thấy chưa. Thiên hạ cứ theo nhau ra đi một cách lặng lẽ, không một lời từ biệt.

Một bà bác sĩ khác còn mở cửa phòng mạch, khám và băng các vết thương

cho Nhàn. Xong xuôi, bà ta thở dài nói:

- Tình hình có vẻ nguy ngập quá. Không biết rồi sẽ ra sao.

- Anh chị có tính đi không? - Xuân hỏi.

- Đi đâu? Đi cách nào? - Bà bác sĩ hỏi lại - Ông nhà tôi làm việc không nghỉ tay trong Tổng Y Viện Cộng Hoà. Mỗi khi ông ấy về nhà, nếu không muốn nghe ông ấy quát tháo thì đừng nói gì đến chuyện đi đứng.

- Ông ấy đáng được chọn làm người yêu nước số một trong lúc này.

Xuân trả lời và tìm cách chấm dứt câu chuyện. Ra đường, Xuân nói:

- Mà về nhà tao, ăn cơm trưa, nghỉ một lát rồi tao đưa mà về nhà. Ngày mai biết còn gặp nhau nữa không.

Nhà Xuân, một ngôi biệt thự xinh xắn nằm trên con đường Tú Xương yên tĩnh. Gia nhân, một phụ nữ trung niên, ra mở cổng cho xe vào. Xuân nói:

- Nhà tao bây giờ chỉ còn một người giúp việc. Con nhỏ kia vừa bị cảnh sát bắt thàng trước. Nó ở trong nhà này hơn hai năm, bây giờ mới biết nó hoạt động cho Việt Cộng. Người ta khám thấy truyền đơn giấu trong va-li quần áo của nó. Mà thấy có sợ không? Từ Dinh Độc Lập đến xó bếp nhà mình, chỗ nào cũng có Việt Cộng. May mà nó chưa làm nổ tung nhà tao và tan xác cả đám.

Vừa bước chân vào nhà, chuông điện thoại reo rền rĩ, Xuân buông người xuống chiếc ghế bành lớn bọc da màu đen, uể oải nhắc máy nói chuyện hồi lâu. Khi chấm dứt điệ̣m đàm, cô đưa hai tay ôm đầu, nói:

- Một ông chú của tao. Dân biểu đấy. Ông ấy đang phát điên lên vì không tìm được đường nào để đi. Ông ấy bảo tình hình nguy ngập lắm rồi. Việt Cộng đã đánh tới Xuân Lộc, và có thể vào Sài-gòn trong vài ngày. Sài-gòn đã bị vây chặt và một cuộc tắm máu sẽ khó tránh khỏi.

Xuân quay vào trong gọi người giúp việc:

- Chị Hai dọn cái gì cho chúng tôi ăn rồi đi đón giùm Bé Oanh. - Xuân quay sang Nhàn - Tao chỉ có một đứa con gái 5 tuổi. Nó đang học trường mẫu giáo ở gần đây. Phải biết được rồi có ngày sẽ ra nông nổi này... tao đã chẳng để làm gì. Rồi không biết cuộc đời nó sẽ ra sao.

Nhàn không nói gì, nghĩ lan man tới mấy đứa con của mình và cảm thấy thương chúng hơn khi chứng kiến con của bạn sống trong cảnh trường giả,

bình yên giữa một đất nước nát ta vì bom đạn.

Bé Oanh về lúc hai người đang ăn cơm. Con bé mặc " đầm " trông thật sang và dễ thương làm Nhàn không thể không nghĩ tới bé Lisa với hình ảnh tương phản - một "Đầm con" quanh năm mặc quần áo Việt Nam. Bé Oanh khoanh tay chào khách rồi ôm cổ mẹ hôn. Xuân hôn con, âu yếm nói:

- Con đi thay quần áo, rửa mặt rửa tay rồi ra ăn cơm. Đây là Bác Nhàn, bạn học của mẹ từ hồi còn nhỏ.

Bé Oanh nhìn vết thương được dán băng keo trên trán Nhàn, dạn dĩ hỏi:

- Trán bác làm sao thế?

Xuân cười, nói đùa:

- Bác với mẹ đánh nhau đến sứt trán rồi mới nhận ra nhau đấy!

Bé Oanh cười khanh khách. Nhàn cũng cười nhưng không khỏi tự hỏi cảnh bình an hạnh phúc này còn kéo dài trong bao lâu.

Cơm nước xong, Xuân đưa Nhàn đi coi các phòng trong nhà. Một tổ ấm trong mộng.

- Mà coi đó, Nhàn... - Xuân bỗng meo máo - Bây giờ phải bỏ hết để chạy lấy thân mà không biết có thoát không. Không biết tổ tiên mình làm điều gì tàn ác mà con cháu bây giờ phải trả như thế này?

Xuân buông mình ngồi xuống một chiếc giường và ôm mặt khóc rưng rức. Nhàn ngồi xuống bên cạnh bạn, và bỗng nhận ra mình vừa đóng vai người an ủi bất đắc dĩ vừa tự an ủi chính mình. Cô ôm vai bạn, nói:

- Tao vừa đem ba đứa con chạy từ Pleiku về đây an toàn. Ai cũng bảo là đại phước. Chữ "đại phước" thật là cay đắng, mỉa mai... Nhưng, nếu mà thấy được người ta đã chết dọc đường di tản ra sao... Đây là tai ách chung của mọi người, một cơn đại hồng thủy... Nếu người ta nói tao " đại phước " thì mà là... đại đại phước. Nên cảm ơn Trời Phật...

Xuân ngừng khóc, rên rỉ:

- Biết có Trời Phật hay không?... Bây giờ mà ở đâu?

- Ở nhờ nhà ba má tao trên Lái Thiêu. Cũng còn may là có chỗ nương thân cho mấy mẹ con.

- Còn chồng mà?

- Anh ấy mất liên lạc cùng với cả đơn vị trên Pleiku. Hôm nay tao xuống

đây để hỏi tin tức anh ấy.

- Có tin gì không?
- Không. Vì vậy tao bán khoán, không biết nên ở lại chờ chồng hay nên đem mấy đứa con ra khỏi xứ này trước khi quá muộn.
- Để có thể quyết định dứt khoát, mày nên tự đặt mình vào địa vị của chồng để xem anh ấy muốn mày làm gì trong trường hợp này.

Nhàn reo lên:

- Cám ơn mày. Có thể mà nghĩ không ra. Thật lòng, tao không muốn đi chút nào khi chưa có tin tức gì của anh ấy, nhưng trong trường hợp này quá là không thể ở lại chờ đợi... Nhất là hai đứa con lai của tao...

Xuân trợn tròn mắt nhìn Nhàn:

- Mày có chồng Mỹ à?
- Chồng trước.
- Nó bỏ mày hay mày bỏ nó?
- Anh ấy bỏ tao và về Mỹ trong chiếc quan tài.

Xuân ôm bạn:

- Tao không ngờ số mày lận đận như vậy. Mày ngồi đây chờ tao một chút. Xuân chạy đi và trở lại với một túi nhỏ bằng da.
- Tao không biết mày có cần giúp gì hay không, nhưng đây là cách duy nhất để có thể bày tỏ lòng tao với mày lúc này. - Xuân đưa cái túi cho Nhàn.
- Cái gì trong này?
- Một tí đô-la và vàng... Tao quen với ông Đại sứ Martin. Tao sẽ gọi ông ấy để xin hẹn cho mày đến toà đại sứ. Mày có chồng Mỹ tử trận và có con lai, có thể được ưu tiên cho đi trước.

Nhàn nghẹn lời trước lòng tốt của người bạn cũ trong cơn nguy biến.

Tiếp Nhàn là một người Mỹ gầy và cao lóng không, đầu hói và mang kính trắng. Ông ta tự giới thiệu là Steve Foss và vào đề ngay :

- Bà nói bà có chồng người Mỹ đã tử trận và có hai con lai, và mới chạy từ Pleiku về đây?
- Vâng, đúng như vậy.
- Xin chia buồn cùng bà. Tên người chồng Mỹ của bà là gì?

- John McCoy.
- Cấp bậc?
- Đại úy trước khi chết và thiếu tá sau khi chết.
- Bà có giấy hôn thú với Thiếu tá John McCoy?
- Không. Anh ấy chết trước khi chúng tôi định làm hôn thú.

Steve thở ra :

- I see. Vậy giấy khai sinh của con bà có ghi tên cha của chúng không?
- Không, vì tôi không có hôn thú.

Steve nhìn Nhàn với đôi mắt thương cảm và trả lời một cách lịch sự, nhưng dứt khoát:

- Sorry. Hiện giờ chúng tôi chưa được lệnh để giải quyết các trường hợp như của bà. Mỗi ngày tôi phải tiếp hàng trăm người. Họ đứng chờ ở ngoài cổng từ khi trời chưa sáng, nhưng hầu hết đều ra về tay không vì cũng đều không có giấy tờ gì cả. Bà nên ráng chờ đợi. Tôi không thể hứa hẹn gì được... cho đến khi nào có một cái lệnh di tản...

"Lệnh di tản" đã được đưa ra chỉ vài ngày sau, khi tòa đại sứ Mỹ đã đóng cửa và Steve đã xếp va-li để sẵn sàng lên phi cơ trực thăng rời Sài-gòn.

Ngày 29-4, nghe đồn phi cơ trực thăng Mỹ tới Sài-gòn bốc người tị nạn, bất chấp lệnh giới nghiêm được nhắc đi nhắc lại từ chiếc máy thu thanh, Nhàn từ biệt cha mẹ để dắt ba đứa con xuống Sài-gòn. Mọi người đều khóc, kể cả ông giáo Thế. Ông ôm hôn mấy đứa cháu vào lòng như không muốn rời ra.

Nhàn đeo bé Tuấn sau lưng, vai đeo chiếc túi vải đựng một ít quần áo của mấy mẹ con, xấp tiền và vàng Xuân cho được bỏ trong một ruột tượng buộc quanh bụng phía trong áo, cô dắt bé Lisa và thằng Tony đi bộ ven theo đường lộ xuống Sài-gòn. Không còn phương tiện nào khác, ngoài đôi chân. Con người đã ở vào thời đại lên được đến mặt trăng nhưng nó vẫn không cảm thấy an ninh hơn con thú khi đi hai chân trên mặt đất.

Đường lộ vắng tanh không một chiếc xe và không một bóng người, trừ vài chiếc xe nhà binh thỉnh thoảng phóng nhanh qua và những người lính đóng chốt tại những ỗ kháng cự ở dọc đường. Họ nhìn mấy mẹ con Nhàn một cách tò mò và không hỏi một lời. Có lẽ họ đều cảm thấy đây là ngày cuối

cùng của chiến tranh, và trận đánh chót trong đời lính của họ sắp xảy ra. Nhàn đưa được ba đứa con tới trước tòa đại sứ Mỹ trên đường Thống Nhất lúc trời đã xế chiều chỉ để nhận ra không có cách nào tới gần cổng, chưa nói đến vào được bên trong. Mấy ngàn người với những gương mặt thất thần, vừa la ó vừa xô đẩy nhau bên ngoài bức tường cao tám thước. Một số người cố leo lên bức tường bị Thủy Quân Lục Chiến Mỹ dùng súng có gắn lưỡi lê đẩy xuống. Thình thoảng lại có tiếng súng nổ, la hét bằng cả tiếng Mỹ lẫn tiếng Việt.

Những người có thể đi đã tới từ sớm và đã vào được bên trong, một số lớn đã được bốc đi khỏi thành phố Sài-gòn đang trong cơn hấp hối. Những chiếc phi cơ trực thăng đang làm những phi vụ di tản cuối cùng. Chúng đáp xuống nóc bằng tòa đại sứ, nhanh chóng nuốt vào bụng những kẻ chạy trốn hoà bình và cũng nhanh chóng bốc lên. Tiếng động cơ và tiếng cánh quạt gió âm âm, vang động như âm thanh trong cơn vù vù cuối cùng của một con mãnh thú bị tử thương.

Hai mươi năm đại cường quốc Mỹ nhân danh tự do can thiệp vào vùng đất nhiều nhường Việt Nam đã chấm dứt trong một cuộc phô trương sức mạnh kém đẹp mắt như vậy, với cái chết của tự do.

Toán Thủy Quân Lục Chiến đã lên chuyến trực thăng cuối cùng và bay vào đêm tối. Tòa đại sứ uy nghi tráng lệ tượng trưng cho quyền uy Hợp Chúng Quốc Mỹ phút chốc trở thành nơi vô chủ, để mặc cho đám người bị bỏ lại đập phá, lục soát, hôi đồ.

Cuộc hành quân di tản được báo cáo là đã kết thúc tốt đẹp. Chiến tranh đã chấm dứt với người Mỹ, nhưng chưa chấm dứt với người Việt Nam và với những đứa con lai do Mỹ để lại, như Lisa, Tony...

Nhàn hối tiếc đã đưa chúng xuống đây, chen lẫn cực khổ suốt ngày, đã không đi được mà còn có thể gặp nguy hiểm trong một thành phố không còn an ninh. Không thể trở về Lái Thiêu giữa đêm khuya đầy bất trắc, Nhàn đưa ba đứa bé tới nhà Xuân.

Bà Hai mở cổng, cho biết Xuân đã cùng chồng con ra đi. Người giúp việc trung thành vẫn còn đang ở trong trạng thái xúc động tâm thần:

- Hai hôm nay tưởng nhà bỏ hoang, bọn đi hôi của đã leo tường vô mẫy



lần. Tôi phải la hét ầm ĩ chúng mới bỏ đi.

- Dì Hai còn ở đây đến bao giờ?

- Tôi không biết. Ông bà ấy dặn tôi ở giữ nhà độ một tuần lễ để chắc chắn là họ đã đi được rồi. Sau đó thì có trời mà biết! - Bà gia nhân tốt bụng nhìn Nhàn và mấy đứa bé. - Cô không đi được à? Tội quá. Chắc mọi người đều mệt và đói. Để tôi đi hâm thức ăn mời cô và các cháu ăn rồi nghỉ đây qua đêm xem ngày mai ra sao. Có cô tôi cũng đỡ sợ. Cô thấy tình hình ra sao?

- Thì tôi cũng như dì. Phó mặc cho trời.

- Vậy cô không tính đi nữa à?

- Không. Dì cho ngủ nhờ đêm nay. Mai tôi sẽ cho mấy đứa nhỏ về Lái Thiêu sớm.

Sáng hôm sau, 30-4, Sài-gòn mang sắc diện của một thành phố đang hấp hối với những người dân ngơ ngác chạy quanh. Rải rác có những ổ kháng cự nơi các góc phố. Những chướng ngại vật chống xe tăng trên đường.

Có những người lính ghìm súng đằng sau những bao cát, trông "bình thường" như công việc hàng ngày của họ suốt hai mươi năm qua, và không biết đến việc các ông tướng của họ đã lên máy bay rời khỏi Việt Nam, và họ chỉ còn vài giờ nữa để sống nếu tiếp tục chiến đấu.

Ý nghĩ ấy làm Nhàn cảm thấy khó chịu. Tới một ổ kháng cự gần ngã ba Hàng Xanh, Nhàn ngừng lại cho ba đứa bé nghỉ chân và tới gọi chuyện với bốn người lính tại đây.

- Các anh đóng ở đây bao lâu rồi?

- Hai ngày... - Người lính trẻ nhất rĩa ria lờm chờm trên gương mặt xạm đen trả lời và hỏi lại. - Chị không biết có lệnh giới nghiêm à?

- Tôi phải đưa mấy đứa con về nhà.

- Nhà chị xa không?

- Ở Lái Thiêu.

- Chà, đường đi nguy hiểm lắm đấy. Chúng tôi đang chờ xe tăng Việt Cộng tiến vào từ hướng ấy.

- Các anh có chặn nổi chúng không?

Một người lính trông kèn càng với những trái lựu đạn đeo lưng lẳng trên ngực chiếc áo giáp chỉ tay vào mấy ống hỏa tiễn chống chiến xa để trong



một góc, bình thản trả lời:

- Mấy món đồ chơi này sẽ biến xe tăng Liên Xô thành lò nướng Việt Cộng.
- Bắn hết hỏa tiễn ấy thì sao?

Anh lính vỗ tay vào mấy quả lựu đạn: - Thì tới mấy trái mảng cầu này.

Nhàn nhìn bốn người lính với ánh mắt đầy thương yêu:

- Gia đình các anh ở đâu?

Bốn người lính có vẻ ngơ ngác trước câu hỏi bất ngờ của người phụ nữ trên đường phố. Họ đưa mắt nhìn nhau, và người lính già nhất bỗng phá ra cười rồi nói với giọng xứ Quảng:

- Cô có biết đây là lần đầu tiên có người hỏi chúng tôi câu ấy không? Gia đình chúng tôi ở đâu à? Chúng tôi cũng không biết nữa! - Và anh ta tiếp tục cười đầy cay đắng.

Nhàn chờ cho anh lính ngưng cười, hỏi tiếp:

- Cấp chỉ huy của các anh còn ở với các anh không?

Vẫn người lính xứ Quảng:

- Chúng tôi biết các ông tướng đã chạy hết rồi, nhưng ông trung úy của chúng tôi vẫn còn ở gần đây. Chúng tôi sẽ cùng nhau đánh trận cuối cùng...

Nhàn buột miệng:

- Các anh không sợ chết à?
- Sợ chết thì có thoát chết không?

Nhàn nhìn bốn người lính và quay vội mặt đi, trước khi nước mắt ứa ra.

Qua khỏi cầu Bình Triệu không bao lâu, Nhàn thấy một đoàn xe tăng T-54 cắm cờ nửa xanh nửa đỏ với ngôi sao vàng ở giữa chạy trên quốc lộ 13 tiến vào Sài-gòn. Qua khỏi cầu một đoạn, chiếc đi đầu trúng hỏa tiễn bốc cháy. Những chiếc đi sau dừng lại, hạ nòng đại bác bắn phản công. Thêm một chiếc nữa bốc cháy. Cuộc giao tranh chỉ kéo dài trong mười lăm phút, trước khi tiếng súng im bật. Chỉ còn những cụm khói đen đang bốc lên cao.

Lần đầu tiên Nhàn cảm thấy cuộc đời mình đã hoàn toàn đổi khác. Bầu không khí mà cô đang thở bỗng trở nên ngọt ngào như bị ảnh hưởng bởi những làn khói đen đang tỏa ra bầu trời âm u.

**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 3**

Bảy Kế, trưởng công an huyện Lái Thiêu, cúi đầu đọc tập hồ sơ trên bàn. Chẳng có gì nhiều, chỉ gồm vài trang giấy mỏng. Nhìn liếc nhìn bức ảnh Hồ Chí Minh và lá cờ đỏ sao vàng treo trên bức tường phía sau viên công an, hít thở một cách khó khăn.

Nhàn có cảm tưởng anh ta đang cố ý kéo dài sự chờ đợi của cô để uy hiếp tinh thần kẻ đối diện trước khi tung ra một cơn dông tố. Nhưng không, Bảy Kế chỉ thổi ra một làn gió nhẹ từ đôi môi xám vì bệnh sốt rét lâu năm: - Thế nào, cô Nhàn mạnh khoẻ chứ?

Anh ta nói giọng Bắc đặc và làm ra vẻ thân thiện nhưng sự lạnh lùng tỏa ra trong ánh mắt.

Nhàn không chờ đợi ở viên công an một lời hỏi thăm sức khoẻ thân mật như thế, cũng như không chờ đợi ở anh ta một nụ cười. Từ ngày chiến tranh chấm dứt cô chưa thấy ai cười - kẻ thắng cũng như người thua. Cô nghĩ đến viên công an không cần nghe câu trả lời nên hỏi lại:

- Ông gọi tôi lên đây có việc gì ạ?

- Chị cứ gọi tôi bằng anh đi. Đất nước ta bây giờ giải phóng và xã hội chủ nghĩa rồi. Xưng hô như thế không tiến bộ. - Anh công an đột nhiên nghiêm giọng. - Chị làm gì thì chắc chị đã tự biết. Nhưng tôi nghĩ chị vì chị chưa thông suốt đường lối chủ trương của cách mạng mà thôi. Tôi biết đồng bào ở vùng mới giải phóng đã bị ngụy quyền tuyên truyền nên nhiều người đã vô tình chống lại cách mạng. Đấy, chị nhìn xem chúng tôi có đuôi sau đít và có lấy kìm rút móng tay phụ nữ như tuyên truyền của ngụy không?

- Tôi không nghe ai tuyên truyền như vậy nhưng... dân miền Nam khó mà quên được mấy ngàn người vô tội đã bị các anh giết ở Huế trong vụ tổng công kích Tết Mậu Thân và không biết bao nhiêu đàn bà trẻ thơ đã chết trong các cuộc pháo kích vào trường học, chợ búa, giựt mìn xe đò...

Đang buộc tội bỗng trở thành bị cáo, mặt Bảy Kế tối xâm lại.

- Thảo nào các đồng chí công an xã buộc tội chị là phản động.

- Nếu nói sự thật là phản động thì tôi là kẻ phản động. Nhưng tôi không làm gì để chống lại cách mạng của các anh. Tôi chỉ là một người dân.
  - Chị có biết chị đang ở trong tình trạng cư trú bất hợp pháp không?
  - Đó là điều mà công an xã đã nói với tôi, và tôi không chấp nhận.
  - Chị không nhận là đang cư trú bất hợp pháp khi chị không có một tờ hộ khẩu?
  - Tôi đang ở nhà cha mẹ tôi, nơi tôi đã sinh ra và lớn lên... mà gọi là cư trú bất hợp pháp? Còn các anh cư trú ở đây hợp pháp hay bất hợp pháp, và các anh ở đâu tới đây?
  - Chị này thật ngoan cố! Thế chị có tờ khai gia đình của chế độ cũ không?
  - Tôi có tờ khai gia đình.
  - Ở đâu?
  - Ở Pleiku nhưng không mang theo khi di tản về đây. Tôi là người chạy giặc, đã mất hết tài sản và may mắn không chết dọc đường. Đòi hỏi tôi phải đem theo một tờ khai gia đình thì thật là vô lý.
  - Chị nói chạy giặc à? Giặc gì vậy? - Bảy Kế gằn giọng.
  - Giặc giã, chiến tranh.
- Bảy Kế thở ra, dịu giọng
- Tôi khuyên chị nên tuân theo quy định của nhà nước cách mạng. Khai hộ khẩu trong vùng mới giải phóng là để quản lý trị an và chăm lo cho mọi công dân theo chủ trương của cách mạng.
  - Tôi đang tự hỏi tôi là công dân của nước này hay là một kẻ bị lưu đày ngay chính trên quê hương của mình?
- Bảy Kế nhìn Nhàn dăm dăm:
- Chị nói như vậy có ý gì?
- Chính các anh đã làm cho tôi có cảm nghĩ như vậy. Nhà nước chăm lo cho tôi bằng cách bắt tôi phải làm đơn xin tạm trú ngay tại nơi chôn nhau cắt rún của tôi à?
- Đó là pháp lệnh, chúng tôi chỉ là những kẻ chấp hành.
  - Vâng, tôi biết các anh chỉ là những kẻ thừa hành, và tôi là nạn nhân của những cái máy. Những cái máy không có tim và những nạn nhân không có mồm.

- Tôi có tim và chị có mồm đấy chứ!

- Vậy à?

- Bằng cớ là tim tôi đang sôi lên khi nghe chị chửi chúng tôi. Nhưng tôi vẫn không coi chị là kẻ thù. Chị chỉ là một người dân trong vùng mới giải phóng cần được giúp đỡ để giác ngộ.

Bảy Kế ngưng nói, nhìn xuống tập hồ sơ vài phút rồi lại ngẩng lên nhìn Nhàn:

- Thế là chị còn thêm cái tội là đã lấy một thằng giặc Mỹ.

- Đó là tội của các anh thì đúng hơn. - Nhàn dẫn cơn giận, nhẹ nhàng phản công. - Tại các anh đã giết hết thanh niên miền Nam nên tôi phải lấy một thằng giặc Mỹ.

- Quả thật chúng tôi đã lầm. Nhân dân miền Bắc đã hy sinh chiến đấu trong hai thế hệ để đánh đuổi đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam nhưng những gì chúng tôi nhìn thấy chỉ là sự bỏ chạy và sự vô ơn của dân miền Nam...

- Các anh giải phóng chúng tôi hay chúng tôi giải phóng các anh?

- ???

- Không phải là các anh đã được chúng tôi phải phóng hay sao? Chúng tôi đã giải phóng các anh khỏi đời sống lạc hậu, bít kín ở miền Bắc, chúng tôi đã giúp các anh nhìn thấy ánh sáng văn minh, văn hóa.

Bảy Kế bật dậy như bị điện giật dưới đất, quắc mắt:

- Láo! Chị đã đi quá trớn rồi. Chồng hiện tại là lính ngụy, thảo nào!

- Chồng tôi không phải là lính ngụy.

- Thế lính gì?

- Lính quốc gia.

- Hừ, đi lính đánh thuê cho đế quốc Mỹ mà quốc gia, dân tộc cái gì!

- Vâng, các anh thắng, các anh muốn lăng nhục kẻ thua thế nào là quyền của các anh. Sự thật vẫn là sự thật.

Bảy Kế cảm thấy tất cả bạo lực cách mạng đã không đủ để khống chế người đàn bà tay không này. Y đưa tay nhìn đồng hồ và chấm dứt cuộc " làm việc " bằng một câu lạnh lùng:

- Chị cần được giúp đỡ để sửa lại những ý nghĩ lệch lạc và hiểu rõ đường

lối chính sách của nhà nước cách mạng.

Bảy Kế quay vào trong gọi một viên công an.

Nhàn thẳng thốt:

- Các anh bắt tôi hả?

- Chúng tôi không bắt chị. Chúng tôi chỉ giúp chị trở thành một công dân tốt của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trước khi Nhàn kịp nói gì thêm, một viên công an đã xuất hiện, nắm hai cổ tay Nhàn bẻ ra sau và đẩy cô ra khỏi phòng.

Chờ đến khuya không thấy Nhàn trở về, ông Hai Thế biết chuyện gì đã xảy ra cho con gái.

Cuộc chiến dài gần hai mươi năm đã chấm dứt được một tuần lễ. Dân miền Nam được hưởng những ngày hòa bình đầu tiên trong sự ngơ ngác trước cuộc đổi đời quá đột ngột, với những cuộc khám nhà bất kể ngày đêm và những vụ bắt giữ lạng lẽ.

Cuộc tắm máu mà nhiều người lo sợ đã không xảy ra. Sĩ quan, công chức chế độ cũ được lệnh ra trình diện để đi học tập cải tạo một vài tháng mà người ta mừng rỡ đến những lớp học có bàn ghế, có bục giảng, có giáo sư, và có thảo luận, giải lao.

Những nhà cai trị mới được gọi là "quân quản", tiếp thu chính quyền từ chế độ cũ. Họ là những người từ chiến khu ra, từ miền Bắc vào, hay là những người nằm vùng trong xã hội miền Nam.

Một buổi tối, một toán công an đã bất ngờ tới kiểm soát giấy tờ và khám nhà ông Hai Thế. Họ không báo trước và cũng không xin phép gia chủ. Họ chỉ đơn giản tới nhà, súng lục giắt lưng, đi lục soát khắp nhà, tịch thu một số sách và băng nhạc, kiểm tra từng người trong nhà so với tờ khai gia đình cũ để làm lại tờ khai hộ khẩu.

Nhàn và ba đứa con không có tên trong tờ khai gia đình, bị gọi ra công an xã "làm việc" và được yêu cầu trở về "nguyên quán" ở Pleiku. Nhàn cãi rằng nguyên quán của cô là Lái Thiêu chứ không phải Pleiku và chất vấn những câu mà các anh công an ít chữ không trả lời được.

Và, họ đã có cách "trả lời" khác.

Ông Hai Thế cho rằng bọn công an địa phương đã lộng hành và làm sai

chính sách nhà nước cách mạng mà một số người lãnh đạo từng sát cánh tranh đấu với ông từ khi còn đi học ở Sài-gòn. Một người mà ông quen biết nhiều qua những cuộc tranh đấu sôi nổi thời trai trẻ là Huỳnh Tấn Phát, nay đang là thủ tướng chính phủ lâm thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam. Tuy đã mấy chục năm không gặp lại nhau, ông giáo Thế tin rằng Huỳnh Tấn Phát vẫn còn nhớ ông. Và ông quyết định đi tìm thăm ông thủ tướng chính phủ cách mạng để hỏi chuyện thời thế và nhờ can thiệp với chính quyền địa phương trả tự do cho con gái ông. Ông tin Huỳnh Tấn Phát là một trí thức miền Nam thực lòng yêu nước, và là một nhà cách mạng có tình có nghĩa. Quả thật Huỳnh Tấn Phát đã mừng rỡ ôm chặt người bạn tranh đấu năm xưa khi nghe ông Hai Thế tự giới thiệu:

- Trời ơi! Anh Hai. - Huỳnh Tấn Phát thân mật kêu lên - Ai ngờ mà anh em còn gặp lại nhau trong cảnh đất nước hòa bình thống nhất hôm nay, sau mấy chục năm đấu tranh gian khổ.

Ông thủ tướng mặc sơ-mi trắng cụt tay, quần ka-ki dài, tự tay rót nước mời khách và cùng nhau bàn chuyện nước chuyện dân. Cuối cùng, ông Hai Thế ngập ngừng trình bày lý do chính đã khiến ông đi tìm người bạn cách mạng năm xưa và kết luận:

- Tôi biết anh đang bận trăm công ngàn việc lớn lao, nhưng việc này cũng không phải là nhỏ với mọi người dân trong Nam. Sự bắt bớ bừa bãi không duyên cớ sẽ gây thêm khổ đau cho dân và làm dân mất lòng tin vào cách mạng.

Thủ tướng Phát trầm ngâm suy nghĩ hồi lâu rồi đáp:

- Quả đúng như anh vừa nói. Có cả ngàn công việc phải làm trong lúc này nếu muốn thực hiện lý tưởng của chúng tôi. Nhưng, tôi phải thú thật với anh Hai là tôi đang gần như vô quyền. Chắc anh cũng rõ là bên quân đội đã tiếp thu chánh quyền ở mọi nơi, mọi cấp và giải quyết mọi việc, từ trị an đến văn hóa, xã hội, kinh tế. - Huỳnh Tấn Phát đăm chiêu.- Trong mấy chục năm qua, chúng tôi đã hy sinh ghê gớm lắm, anh Hai à, và cũng đã xảy ra không biết bao nhiêu oan khiên, khổ đau. Ngay chính bản thân tôi cũng đã chịu nhiều cay đắng mà phải cắn răng làm thinh.

Ông Hai Thế biết Huỳnh Tấn Phát muốn ám chỉ việc cha, chú và cô ruột

của ông ta đã bị đảng sát hại vì thanh toán nội bộ trong lúc ông ta hết lòng phục vụ cách mạng.

Sau một hồi im lặng, Huỳnh Tấn Phát thở dài:

- Anh Hai biết không, giấc mơ của tôi sau cả một đời tranh đấu chỉ là lúc về hưu có được một chiếc xe Honda để chở vợ hay cháu nội, cháu ngoại đi chơi.

Cuối cùng, Huỳnh Tấn Phát nói:

- Để tôi viết một thư giới thiệu anh với anh Trần Văn Trà. Anh Trà là chủ tịch Ủy Ban Quân Quản thành phố Hồ Chí Minh, chắc anh biết. Anh ấy có thể giúp anh việc này.

Ông Hai Thế cầm lá thư của Thủ tướng Huỳnh Tấn Phát tới tư dinh Tướng Trần Văn Trà theo địa chỉ ghi trên phong bì.

Lính gác cổng hỏi tới hỏi lui, xem đi xem lại cái phong bì và gọi điện thoại vào trong báo cáo sĩ quan trực. Cuối cùng, một anh bộ đội béo tốt ít thấy đi ra đưa ông Hai Thế vào gặp Trần Văn Trà.

Tướng Trà mặc bộ đồ bà ba đen, chân mang dép nhựa, tóc hoa râm. Một nhà cách mạng bằng xương bằng thịt mà ông Hai Thế mới thấy lần đầu.

Trà đọc lá thư của Huỳnh Tấn Phát xong, thân mật hỏi ông Hai Thế:

- Anh Hai tham gia hoạt động cách mạng với anh Phát từ hồi nào?  
- Tôi tham gia phong trào Đông Dương Đại Hội vào các năm 1936-38 với anh Phát, cùng nhau lên gặp phái đoàn Godard của chánh phủ Mặt Trận Bình Dân Pháp để đưa thỉnh nguyện thư đòi độc lập. Năm 1945 lại gia nhập phong trào Thanh Niên Tiền Phong cùng các anh Huỳnh Tấn Phát, Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Văn Tiểng...

Trần Văn Trà mỉm cười:

- Anh Hai mà đi trọn con đường với cách mạng thì nay chắc phải làm lớn hơn tôi.

Ông Hai Thế ngơ ngác cười theo.

Tướng Trà đi lấy giấy viết lá thư, bỏ vào phong bì, dán lại và đưa cho ông Hai Thế, dặn:

- Anh Hai đưa thư này cho đồng chí chủ tịch Ủy Ban Quân Quản tỉnh Sông Bé. Trong vùng mới giải phóng còn nhiều lẩn cẩn vì chính sách không

thống nhất. Tôi mong sẽ giúp được anh Hai để cháu về nhà lo cho các con. Sáng sớm hôm sau, ông Hai Thế tới Ủy Ban Quân Quản tỉnh với lòng tự tin và thâm cảm phục Huỳnh Tấn Phát và Trần Văn Trà, những con người cách mạng vừa có tình vừa có lý.

Chủ tịch Ủy Ban Quân Quản tỉnh mặc một bộ đồ xanh màu phân ngựa nhàn nheo không ủi, cổ áo mang quân hàm thượng tá và chân mang một đôi dép râu. Trên đầu có một mớ tóc hoa râm biếng chải. Chung quanh mồm có những sợi râu lờm chờm cái trắng cái đen. Ông ta nhìn ông Hai Thế rồi cúi xem chiếc phong bì và xé ra đọc. Hai Thế hồi hộp chờ đợi tin mừng, và không phải chờ đợi lâu. Viên thượng tá nhăn mặt, vò nát lá thư của ông trung tướng rồi vứt vào cái giỏ rác để bên cạnh bàn. Y nhìn ông Hai Thế, gằn giọng:

- Anh có bạn làm lớn nhỉ! Nhưng ở đây không có... trà lá gì cả! Chúng tôi làm việc theo pháp lệnh và theo quyết định của nhân dân. Anh cứ yên tâm ra về. Cách mạng chủ trương nhân đạo, công bằng. Bao giờ học tập giác ngộ rồi thì chị ấy sẽ về với gia đình thôi.

Ông Hai Thế biết không nên nói gì thêm nữa, và đứng dậy bước ra cửa.

"... Anh Hai mà đi trọn con đường cách mạng thì nay chắc phải làm lớn hơn tôi"... "Ở đây không có trà lá gì cả..." Những tiếng ấy cứ réo bên tai ông lẫn với những tiếng cười giễu cợt... như của một lũ ma quái. Ông cúi đầu bước nhanh trên hè phố và xuýt đâm vào một người quét đường. Ông ngẩng mặt lên định nói một lời xin lỗi nhưng miệng ông vừa há ra thì không phát được nên lời.

Đứng trước mặt ông là ông bác sĩ trưởng ty y tế với cây chổi dài trên tay, với mái đầu bạc không chải và một gương mặt bơ phờ của người mất ngủ.

Ông ta lăm bắm giải thích trước khi ông Hai Thế tìm được câu hỏi:

- Ông Tổng trưởng Y tế Trần Minh Tùng ông ấy hại tôi. Ông ấy bắt tôi làm chủ tịch tỉnh bộ Đảng Dân Chủ của ông Thiệu vì chẳng ai chịu nhận. Bây giờ các ông ấy đi hết rồi, mình ở lại lãnh đủ.

Ông bác sĩ chột im bật và tiếp tục quét đường khi có tiếng quát lớn phát ra từ một bóng mát dưới gốc cây phượng trở hoa đỏ rực:

- Anh kia nói cái gì đấy? Đã tới giờ nghỉ đâu! Làm việc đi! Chỉ quen thói



ươn lời gian dối tư sản!

Từ ngày ở Ủy Ban Quân Quản tỉnh Sông Bé về, ông Hai Thế bị sa sút tinh thần trầm trọng. Ông bị mất ngủ nặng và thường uống rượu. Ông hoàn toàn không được tin tức gì của Nhà. Giam ở đâu? Tội gì? Có ra tòa xử hay không? Và bao giờ mới được ra khỏi nhà tù?

Những câu hỏi của Hai Thế chỉ được đập lại bằng tiếng vọng của chính ông.

Như hầu hết người dân miền Nam, ông không trông đợi cuộc cách mạng này nhưng cũng không làm gì để chống lại, và cảm thấy bánh xe nặng nề của nó đang nghiền trên cuộc sống của ông và gia đình ông, cũng như của mọi người chung quanh đang quần quai một cách bất lực.

Trước tiên là ông giáo Thế không còn được lãnh số tiền hưu hàng tháng sau cả một đời làm việc. Nó tự nhiên biến đi mà không ai cần giải thích với ông một lời. Kế đến là phải trả tiền thuế truy thu cho cách mạng đánh trên vườn trái cây của ông từ năm 1960. Tại sao lại 1960? Cái này thì được giải thích: 1960 là năm Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam được thành lập. Nhưng đau đớn nhất cho ông bà Hai Thế là sau khi chiến tranh chấm dứt, đáng lẽ là lúc gia đình đoàn tụ xum họp thì cảnh ly tán đã diễn ra bi đát hơn bao giờ, kể cả trong thời chiến.

Con trai cả của ông bà Hai Thế, Hùng, một thiếu tá Không quân, đã bay ra ngoại quốc với vợ và hai con. Con trai thứ ba, Trí, em cô Nhà, một sĩ quan Hải quân, cũng đã theo tàu đi tị nạn, không kịp đem vợ con theo. Cô con gái út, Nhã, có chồng là một sĩ quan Công binh, bị đi tập trung cải tạo, dù anh là con của một cán bộ cộng sản tập kết ở Bến Tre. Và, Nhà không làm gì cho chế độ miền Nam cũng bị đi cải tạo, để lại ba đứa con nhỏ cho ông bà ngoại coi sóc.

Ba đứa bé tuy nhớ mẹ nhưng ngoan ngoãn cũng là một niềm an ủi cho ông bà Hai Thế, dù đôi lúc họ xót xa nhìn chúng sống hồn nhiên mà không biết tương lai sẽ ra sao. Mọi người trong nhà cố tạo cho chúng một cuộc sống bình thường trong một hoàn cảnh không bình thường. Ông dạy chúng học ở nhà vì bị từ chối thu nhận vào trường học với lý do không có tên trong tờ khai hộ khẩu.

Sau khi tặng cho anh công an xã một chiếc đồng hồ đeo tay, ông Hai Thế xin được ghi tên ba đứa bé vào tờ khai hộ khẩu và hai đứa lớn được cấp sách tới trường với tên trên giấy khai sinh là Phan Thiên Lý và Nguyễn Ni.

Một ngày nọ, bé Lisa đi học về ôm chầm lấy bà ngoại òa khóc:

- Cháu không muốn tới trường nữa... Cháu muốn học ở nhà... - Con bé nức nở trong vòng tay bà ngoại.

Bà Hai Thế hỏi lý do mấy lần bé Lisa mới chịu nói:

- Chúng nó gọi cháu là "con Lý Mỹ lai", là con hoang không có cha.

Một ngày khác, Tony về nhà với một con mắt bầm tím. Lý do: đánh nhau với một bọn chế nhạo nó là thằng "Ni Ma-rốc", thằng mọi đen con hoang.

Ông bà Hai Thế đành để hai đứa cháu học ở nhà.

Bánh xe cách mạng vẫn vô tình tiến tới. Các Ủy ban Quân Quản đã giao quyền lại cho các Ủy Ban Nhân Dân, và Chính phủ Lâm thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam đã bị âm thầm giải thể mà không được một ngày nắm quyền. Lá cờ nửa xanh nửa đỏ với ngôi sao vàng ở giữa đã biến mất giống như lá cờ trên sân khấu phường chèo khi màn hạ. Chỉ còn lá cờ đỏ sao vàng từ Lạng Sơn tới Cà Mau.

Các chủ vườn trái cây ở Lái Thiêu được nhà nước thông báo chính sách nông nghiệp mới, chuẩn bị để vào tập thể. Mọi người xôn xao bàn tán, và một bầu không khí căng thẳng đã tăng dần cường độ cho đến một buổi tối đã bùng nổ tại một cuộc họp giữa Ban Cải Tạo Nông Nghiệp huyện và các chủ vườn trái cây.

Trưởng Ban Cải Tạo Nông Nghiệp, Năm Tánh, một người đánh xe ngựa ở chợ Lái Thiêu trước khi thoát ly theo cách mạng, xách chiếc cặp nhựa ọp ẹp và mang đôi dép râu tới giải thích về chính sách cải tạo nông nghiệp:

- Tập thể hoá nông nghiệp là bước đầu để tiến tới nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Bà con ta cần hạ quyết tâm dứt bỏ thói quen làm ăn kiểu cò con, bỏ đầu óc tư sản tư lợi. Ngày nay, tại những nông trang tập thể bên Liên Xô, người ta dùng phi cơ tưới nước, rải thuốc trừ sâu, công nhân lái xe cơ giới mặc áo "lu" trắng làm việc như bác sĩ. Chỉ có nền sản xuất lớn của xã hội chủ nghĩa ưu việt mới đạt tới trình độ sản xuất hiện đại ấy.

Ai đó giơ tay phát biểu:

- Thừa đồng chí, sản xuất hiện đại như vậy sao Liên Xô vẫn không có đủ lương thực để nuôi dân?

- Ai bảo với anh Liên Xô không sản xuất đủ lương thực để phục vụ nhân dân?

- Thì báo chí, thông tin...

- Báo chí thông tin nào? Của ta hay của địch? Bà con phải cảnh giác, bỏ ngoài tai tuyên truyền phản động của địch, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của nhà nước cách mạng để một ngày không xa Việt Nam cũng sẽ tiến tới đời sống ấm no hạnh phúc như tại Liên Xô.

Không còn ai thắc mắc, đồng chí Năm Tánh loan báo:

- Việc tập thể hoá các vườn trái cây trong huyện ta sẽ được bắt đầu trong một tuần lễ nữa với việc đo đạc diện tích vườn và đếm gốc cây, xếp loại cây trái.

Bỗng ông Hai Thế đứng lên nói:

- Tôi nghĩ bây giờ đất nước giải phóng, độc lập tự do rồi, sao nhà nước ta lại độc đoán bắt nhân dân sản xuất tập thể..

Năm Tánh ngắt lời Hai Thế:

- Cách mạng không bắt buộc ai. Đó là quyết định của nhân dân. Nhà nước cách mạng là chính quyền của nhân dân.

Ông Hai Thế tiếp tục phát biểu:

- Vậy thì chúng tôi, những chủ vườn ở đây, có phải là nhân dân không? Chúng tôi đã tạo dựng nên những vườn trái cây này bằng mồ hôi nước mắt sau bao nhiêu năm lao động cực nhọc mà bây giờ không được quyền quyết định gì cả về tài sản của mình và cũng không ai thèm hỏi ý kiến chúng tôi. Như vậy sao gọi là giải phóng, tự do?

Mọi người im phăng phắc, lăm lét đưa mắt nhìn ông Hai Thế rồi lại lăm lét nhìn đồng chí Năm Tánh đang ngơ ngác lúng túng như băng cát-xét bị kẹt bất ngờ. Bỗng một bà to béo với chiếc khăn rằn vắt vai đứng vụt dậy. Đó là "Má Bảy", một bà "mẹ chiến sĩ" nổi tiếng trong vùng. Mặt đỏ bừng trong cơn giận dữ, hai tay chống nạnh, Má Bảy nói sang sảng:

- Đứa nào tới vườn của tao đo đất, đếm gốc cây, tao chém ráng chịu. Tập thể hoá vườn trái cây là cái gì, hả? Trước kia sao không nói mà chỉ hứa hẹn

là đánh cho Mỹ cút ngụy nhào rồi thì mọi người sẽ ấm no, hạnh phúc, tự do, độc lập... Bây giờ hạnh phúc tự do như vậy hả? Hừ, trước kia cũng chỉ vì thấy chúng bay gian khổ, tội tao lén lút che chở, nuôi dưỡng chúng bay bất kể ngày đêm. Bây giờ bay trả ơn bằng... tập thể hoá, đo đất, đếm gốc cây hả? Trước kia cần cái gì nửa đêm bay cũng gõ cửa, bây giờ bay ngồi bàn giấy hạch sách đủ điều như quan Tây không bằng... Trước kia chúng tao tiếp tế cho bay nào thuốc Tây, pin đèn, vải vóc... bao nhiêu không kể. Bây giờ đứng xếp hàng cả ngày được cấp một cái phiếu mua miếng vải che không kín cái mu l... Phải biết như vậy, trước kia tao chế nước sôi xuống hầm bí mật cho bay chết hết đi.

Cơn phần uất cao độ biến mặt Má Bảy từ màu đỏ sang tái mét. Nói hết những lời kinh thiên động địa xong, bà ngồi phịch xuống ghế, lắp bắp:

- Bây giờ bay làm gì tao thì làm.

Năm Tánh mặt tái mét, đứng chết trân như trời trồng. Mọi người cũng bất động như những cái xác bị đông lạnh, không nhúc nhích, và không một lời. Không khí trong phòng họp im phăng phắc. Chỉ còn tiếng mấy con muỗi bay vo ve. Cuối cùng, đồng chí Năm Tánh ấp úng mở đường tháo lui:

- Xin bà con ra về. Tôi sẽ phản ánh ý kiến của một số bà con lên trên để trên sẽ có quyết định sau.

"Trên" đã có quyết định vào năm ngày sau. Việc đo đất và đếm gốc cây bị đình hoãn vô hạn định. Má Bảy được cách mạng để yên, nhưng ông Hai Thế đã bị dùng làm con dê tế thần để dẫn mặt các chủ vườn khác.

Một buổi tối, Công an đưa một nhóm Thanh Niên Xung Phong tới nhà ông Hai Thế. Trong khi Thanh Niên Xung Phong kiểm kê mọi thứ trong nhà, Hai Thế bị Công an còng tay dẫn đi. Ông vùng vẫy kêu la cầu cứu nhưng không ai nghe vì nhà ở cách xa nhau, và nếu có ai nghe cũng không dám ra khỏi nhà lúc đêm tối. Ông bị bịt mõm bằng một miếng vải buộc phía sau ót và bị đẩy lên một chiếc xe Jeep chạy biến vào bóng đêm.

**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 4**

Sau gần ba năm bị giam cầm về tội "phản động", Nhân được ra khỏi nhà tù, cũng bất ngờ như khi bị tống vào đấy.

Một buổi chiều đầu năm 1978, sau một ngày lao động trở về trại, Nhân được gọi lên văn phòng trưởng ban an ninh trại.

- Chị ở đây bao lâu rồi?

- Hai năm bảy tháng sáu ngày.

- Tội của chị đáng bị ngồi tù ít nhất là mười năm nhưng cách mạng khoan hồng... sau khi chị đã học tập tốt. - Viên trưởng ban an ninh đưa cho Nhân tờ giấy ra trại. - Kìa, sao trông chị không có vẻ vui mừng gì cả? Chị không thích được tự do à?

Nhân giật mình, đáp:

- Có chứ! Ai mà không thích tự do? Bác đã nói là "không có gì quý hơn độc lập, tự do" mà!

- Nhớ trình giấy này cho công an địa phương đấy và nhớ là chị còn bị quản chế sáu tháng đấy nhé.

Nếu có điều gì đã làm Nhân thay đổi sau hơn hai năm học tập cải tạo, đó là không nên nói thật ý nghĩ của mình với một anh Việt Cộng. Nói thật là một trọng tội. Nói dối là công dân tốt. Trong một xã hội khi mọi người đều tiêu bạc giả, kẻ xài bạc thật không những là người đại dột mà còn là kẻ có tội. Tội ấy Nhân đã phải trả bằng ba mươi mốt tháng tù.

Khi nghe báo tin được ra trại, Nhân đã không tin ở lỗi tai của mình. Cô không còn hy vọng vào ngày về nữa sau một năm ở tù. Tuy không bị tòa nào xét xử và tuyên án, Nhân còn biết tội của mình - tội nói thật - trong khi nhiều người khác không biết là họ đã phạm tội gì, và một số người đã chết ở đây - tự tử, bệnh hoạn, tai nạn...

Nhân đã hối hận về việc tranh cãi với các anh công an ở xã, ở huyện, và cảm thấy có tội với ba đứa con, với cha mẹ già. Cô sẵn sàng làm mọi điều để lo cho các con và giúp đỡ cha mẹ, nhưng cô không im được trước những

hành động ngang ngược và những lời lẽ chói tai. Cô biết cãi lý với những người điếc chẳng những vô ích mà còn mang hoạ vào thân. Nhưng làm sao thay đổi được tính trời? Nhàn đã nổi tiếng là đứa hay cãi bướng từ thuở nhỏ.

Bây giờ Nhàn đã thay đổi - không phải thay đổi tư tưởng, nhưng là thay đổi bằng cách không bộc lộ tư tưởng để biến thành một kẻ tiêu bạc giả với những ai tiêu bạc giả với mình. Đó là một thành công lớn của những nhà tù được mệnh danh là trại học tập cải tạo. Một thành công khác của các trại học tập cải tạo là đã làm những người chống cộng trở nên thù ghét chế độ ấy hơn. Nó cũng hạ thấp con người xuống gần hàng thú vật, chỉ còn biết xoay xở để sinh tồn. Nhưng không phải trại học tập cải tạo chỉ có toàn chuyện xấu xa. Trong độc ác, tàn bạo và tuyệt vọng người ta mới thấy được những viên ngọc quý của tình người. Như hoa sen đã ngoi lên và nở ra trong trắng trên mặt nước bùn.

Nhàn cầm tờ giấy ra trại trở về phòng giam, báo tin cho các bạn tù ở chung phòng:

"Xơ" Maria Trần thì Tâm nắm tay Nhàn nói:

- Mừng cho em. Về nhà, đừng cãi nhau với Việt Cộng nữa. Các con cần em lắm đấy. Chị sẽ cầu nguyện cho em mỗi ngày.
- Em cũng sẽ cầu Trời khẩn Phật cho "Xơ" sớm ra khỏi chỗ này.
- Nhưng em phải nhớ cầu khẩn Phật Trời giác ngộ cho các ông lãnh đạo Việt Cộng thì mới có hiệu quả. Chị cũng vẫn cầu Chúa Giê-su như vậy. - "Xơ" Maria khôì hài. - Không thì ở đâu trên nước Việt Nam này cũng như ở trong tù. Chỉ khác là nhà tù lớn hay nhà tù nhỏ mà thôi.

"Xơ" Maria bị đưa vào trại cải tạo sau Nhàn vài tháng - về tội "quan hệ với một cha cố phản động". Trái với thân hình nhỏ bé, mảnh mai, "Xơ" Maria có một tinh thần vững chắc như một viên đá sỏi. Mỗi đêm, "Xơ" đều ngồi đọc kinh trong bóng tối, mặc cho các cán bộ quản giáo chỉ trích, đe dọa. Bị trừng phạt bằng cách không cho thân nhân tiếp tế, thăm nuôi, "Xơ" Maria vẫn không nao núng. Cuối cùng, các anh quản giáo đành làm ngơ.

Những bạn tù khác cũng xúm vào chúc mừng và góp tiền giúp Nhàn làm lộ phí về nhà, vì từ ngày vào đây Nhàn không liên lạc được với gia đình.

Những lá thư gửi về nhà đều không được hồi âm.

Nhàn lo lắng không biết việc gì đã xảy ra ở nhà và tưởng tượng ra nhiều bi kịch, nhưng không có tưởng tượng nào giống những bi kịch đã xảy ra trong lúc cô vắng mặt.

Khi Nhàn trở về, ngôi nhà xưa chỉ còn lại cái nền và vài bức tường nám khói đen. Một người đàn ông ở trần đi ngang, đặt bó củi đang vác trên vai xuống, bước lại gần Nhàn, hỏi nhỏ:

- Cô Tư mới về hả?

Nhàn ngỡ ngàng nhìn người đàn ông vài giây:

- Kìa, anh Sáu. Tôi nhìn không ra...

- Lần trước cô về sau mười năm, cô nhận ra tôi ngay. Nay mới có chưa tới ba năm mà tôi già đi như một ông cụ... Sáu Răng Vàng chỉ một ngón tay lên đầu - Cô nhìn coi, đầu tôi bạc gần hết rồi...

Nhàn thở dài, và không thể chờ đợi lâu hơn, hỏi:

- Anh Sáu, nhà tôi sao ra nông nỗi này? Ba má tôi đâu? Các con tôi đâu? Anh Ba tôi đâu?

- Sau khi ông Hai bị bắt, nhà bị tịch thu, cậu Ba đã nổi điên chế xăng đốt và tự thiêu luôn. Ông Hai cũng qua đời trong trại cải tạo rồi. - Sáu Răng Vàng nhìn Nhàn bằng đôi mắt đỏ ngầu - Nếu còn khẩu súng, tôi cũng bắn chúng nó vài phát rồi tự vẫn cho rồi.

Nhàn đứng chết trân vài giây và hỏi tiếp:

- Còn má tôi và ba đứa con tôi ở đâu, anh Sáu?

Sáu Răng Vàng chỉ tay về phía căn nhà nhỏ lọt tôn nằm ở cuối vườn cây:

- Tội quá! Không ai giúp gì bà Hai và ba đứa con của cô được.

Bà Hai Thế đã òa lên khóc và ôm lấy Nhàn khi cô bước vào nhà. Nhàn cắn môi để không bật khóc nhưng sự uất hận đã tạo thành hai dòng nước mắt cay đắng chảy dài trên má. Cô ôm chặt lấy mẹ như muốn hút lấy tất cả nỗi đau thương của bà. Khi cơn xúc động lắng xuống, Nhàn mới nhìn rõ cảnh tồi tàn trong căn nhà trước đây được dùng làm kho chứa vật liệu và dụng cụ làm vườn. Đồ đạc được dồn vào một góc, góc bên kia kê một chiếc giường gỗ rế tiền có trải chiếc chiếu rách, quần áo vắt trên một sợi dây thép treo ngang một góc nhà.



Không thấy ba đứa con đâu, Nhàn hỏi mẹ khi có thể nói được. Bà Hai Thế mếu máo trả lời:

- Con Út đưa hai đứa nhỏ xuống Sài-gòn. Còn Lisa ở lại đây với má. Nó lớn lắm rồi, đang làm việc ở ngoài vườn.

Bà Hai Thế kể, không bao lâu sau khi chồng bà bị bắt đưa đi cải tạo, "Má Bảy" đã bị giết chết một cách bí mật. Người ta tìm thấy xác bà bỏ nằm trong một vườn chôm chôm, đầu bị đập vỡ, hai con mắt lòi ra, và bị lấy mất một sợi dây chuyền vàng đeo ở cổ và một chiếc nhẫn hột xoàn. Không có kẻ tình nghi, không tìm ra thủ phạm, nhưng công an kết luận đây là một vụ giết người cướp của, và đóng hồ sơ. Sau đó, việc tập thể hoá các vườn trái cây được tiến hành suông sẻ, không còn ai chống đối. Chủ vườn được chia lời theo lao động, sau khi trừ tiền thuế còn thiếu cách mạng từ năm 1960. Lisa phải ra vườn làm việc vì trong nhà không còn ai khác.

Nhàn chạy ra vườn tìm con. Hai mẹ con gặp nhau trên một con đường mòn trong vườn. Lisa mặc một bộ đồ bà ba đen và đang gánh hai thùng sầu riêng. Mới hơn 12 tuổi nhưng nó cao lớn gần bằng mẹ nên Nhàn không nhìn ra cho đến khi nó bỏ gánh sầu riêng, chạy lại ôm lấy mẹ. Lisa đã trở thành một cô gái đang tuổi dậy thì, và tính tình cũng đã thay đổi sau cuộc đời khốc liệt với những cảnh kinh hoàng diễn ra trước mắt. Đứa bé lên mười bỗng nhận ra có một trách nhiệm trên vai phải mang gánh, và đã trở thành người lớn trước tuổi. Lisa đã không còn là đứa bé chạy về nhà, vừa khóc vừa mách bà ngoại vì bị chọc gheo ở trường học. Trong đôi mắt nâu màu hạt dẻ của Lisa lấp lánh nét u hoài Đông phương pha lẫn cái bùng cháy của người phương Tây.

- Con của mẹ lớn quá rồi, và giỏi lắm.- Nhàn nói thầm bên tai con trong nước mắt.

Lisa đưa ngón tay thon dài quẹt nước mắt cho mẹ nói:

- Con thương mẹ lắm. Con sẽ giúp mẹ lo cho bà ngoại và các em. Mẹ khổ nhiều rồi.

Nhàn ôm chặt lấy con và hôn như mưa lên mặt nó. Lisa nhắc cô nhớ tới McCoy, người chồng khác màu da đã bước vào đời cô và biến đi nhanh chóng như tất cả mọi cái phi lý của chiến tranh. Cùng một lúc, Nhàn có



cảm giác vừa cay đắng vừa êm dịu. Lisa như một món quà vô giá mà định mệnh khắc nghiệt đã để lại cho cô sau những đau thương đã phải gánh chịu. Nhìn ôm con hồi lâu, sợ cái cảm giác hạnh phúc tung cánh bay đi như đã xảy đến với cô nhiều lần trong đời. Cuối cùng, Nhìn mỉm cười nói như trong một giấc mơ.

- Cám ơn con, cám ơn con.

Nhìn tới Công an xã trình diện và hôm sau đi Sài-gòn - nay đã đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh - để gặp hai đứa con nhỏ và Nhã, cô em út có chồng đang ở trong trại cải tạo. Nhã đã đậu Cử nhân Luật năm 1971, và có mộng trở thành một luật sư, nhưng sau khi lấy Hữu, một sĩ quan công binh, đã phải theo chồng di chuyển không ngừng, cho đến sau ngày 30-4 mới trở về căn nhà trong Khu Nguyễn Tri Phương mà hai vợ chồng đã mua được mấy năm nhưng ít khi ở. Hữu trình diện đi cải tạo, Nhã ở lại với đứa con trai chưa đầy một tuổi. Sau hơn một năm ở nhà ôm con chờ chồng, và bán dần đồ đạc để ăn, Nhã gửi con cho cô em chồng ở cùng xóm để ra bán chợ trời, khỏi chết đói.

Chợ trời quả là thành quả vĩ đại của cách mạng vô sản Việt Nam, là trung tâm của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nơi mua bán và trao đổi mọi tàn sản của xã hội từ vàng bạc kim cương cho tới quần áo cũ, nơi "bán cái gì cũng có người mua" và "mua cái gì cũng có người bán", là nơi tập hợp đủ hạng người của xã hội cũ - kỹ sư, giáo sư, luật sư, vợ sĩ quan cải tạo, lưu manh... - và những giai cấp của xã hội mới - cán bộ, bộ đội, và người Nga được mệnh danh là những "người Mỹ không có đô-la". Chợ trời ở Thành phố Hồ Chí Minh đã nuôi sống hàng triệu người sau cơn đói đời bất ngờ, đã giúp hữu sản hóa cho giai cấp vô sản từ trong khu ra và từ miền Bắc vào. Qua chợ trời, tài sản của dân miền Nam sau bao năm làm ăn tích lũy đã được chuyển dần sang cho giai cấp thống trị mới.

Và như thế, Nhã đã xếp xó cái bằng cử nhân luật để trở thành một tay kinh doanh chợ trời, thay vì là một luật sư. Nay, sau khi mừng rỡ gặp lại Nhìn từ trại cải tạo trở về, Nhã cũng khuyên chị nên xuống Sài-gòn bán chợ trời. Thấy Nhìn lưỡng lự, Nhã nói:

- Chị ôm lấy cái vườn làm gì? Trước sau gì cũng vào tay chúng nó. Bỏ đi

cho xong. Ở trên ấy ngày nào chỉ để chúng hành hạ ngày ấy. Trước đây đã mấy lần em định đón má xuống đây nhưng má muốn ở lại chờ chị. Nay chị đã về, còn để má trong cái nhà kho ấy làm gì?

- Họ bắt chị phải trình diện công an xã mỗi ngày trong thời gian quản chế.  
- Chị đã học tập tốt rồi đấy! - Nhã cười lớn - Tội nghiệp chị tôi quá. "Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách đường lối của nhà nước cách mạng" chỉ còn được áp dụng trong các trại cải tạo thôi. Rồi chị sẽ thấy. Bây giờ chị nên nghe lời em, đưa mẹ và Lisa xuống đây ở với em. Nhà này chật nhưng còn hơn cái nhà kho ở Lái Thiêu. Giấy tờ hộ khẩu để em lo. Thằng công an khu vực ở đây em biểu gì nó cũng làm, trừ hạ ảnh Bác Hồ đem liệng xuống cống!

Nhàn đã nghe lời em, đưa mẹ và con gái xuống Sài-gòn. Thuyết phục được bà Hai Thế bỏ cái vườn trái cây ở Lái Thiêu ra đi là cả một sự khó khăn, vì đó là đời sống của bà, tình cảm của bà, quá khứ của bà, sự nghiệp của bà trong gần trọn một đời người. Bà sẵn sàng sống những ngày còn lại trong cái nhà kho ở xó vườn cho đến lúc nhắm mắt và được chôn vùi thân xác tại đây. Bà đã bằng lòng ra đi một phần cũng vì không thể sống tại đây mà thiếu cô cháu ngoại Lisa. Đứa cháu lai Mỹ, kết quả hành động nổi loạn của Nhàn mà trước đây bị coi như một vết nhơ cho gia đình, nay đã trở thành một phần đời sống của bà.

Bà Hai Thế gạt nước mắt theo con cháu xuống Sài-gòn, dần dần cũng nguôi ngoai với mấy đứa cháu ngày đêm quây quần chung quanh.

Công an Lái Thiêu không thắc mắc về việc bà Hai Thế bỗng nhiên biến mất mà không xin giấy di chuyển hay xin phép "tạm vắng". Bà bỏ đi, vườn trái cây của bà trở thành "tài sản của xã hội chủ nghĩa" và do nhà nước quản lý, thu hoạch hoa quả. Công an cũng không thắc mắc về việc Nhàn không tới trình diện mỗi ngày và không còn ở Lái Thiêu. Có thể họ đã trốn ra nước ngoài rồi, công an kết luận.

Xuống Sài-gòn, hàng ngày Nhàn theo Nhã đi bán chợ trời. Lisa muốn theo giúp mẹ nhưng Nhàn không bằng lòng cho cô con gái ra phơi mặt nơi tập trung đủ hạng người trong những sinh hoạt làm hạ giá nhân phẩm. Nhàn không biết ngày mai ra sao nhưng cũng cố giữ gìn cho con được ngày nào

hay ngày ấy. Lisa ở nhà săn sóc bà ngoại và giữ mấy đứa em, cùng nhau học bài làm bài được mẹ dạy mỗi đêm. Nhà dạy chúng cả tiếng Anh với hy vọng mong manh một ngày nào đó có cơ hội đưa ba đứa con ra khỏi nước này. Có những người vẫn âm thầm ra đi và đã làm thành tin tức trên các chương trình tiếng Việt của các đài phát thanh ngoại quốc mà Nhà đã lên nghe hàng đêm. Cô hy vọng Lâm sẽ trở về và cùng nhau trốn đi, dù chưa biết ra đi bằng cách nào. Cô vẫn chưa hoàn toàn tuyệt vọng về số phận của chồng, vẫn lặng lẽ chờ đợi, dù đã ba năm trôi qua không một tin tức, và dù Lâm có sống sót trở về cũng không biết tìm nhau ở đâu.

Nhà hy vọng vu vơ một ngày nào đó sẽ trông thấy Lâm trong đám đông ở chợ trời, đi mua một cái áo sơ-mi cũ, hay bán một cái đồng hồ đeo tay, hay không mua bán gì cả, mà chỉ đi dạo quanh quần cho hết những ngày tháng rỗng không như nhiều người đang làm. Chợ trời đã trở thành một văn hóa của xã hội mới, và cũng là nơi xảy ra những cuộc hội ngộ bất ngờ giữa những người hiện ra như những bóng ma, thì thầm bên tai nhau vài lời và vội vã bước đi, mắt nhìn lăm lét như những tên gian phi. Biết đâu Lâm sẽ không bất ngờ hiện ra như vậy?

Nhưng hy vọng ấy đã nhỏ dần theo ngày tháng, cùng lúc với sự lớn lên từng ngày của nỗi chán chường cảnh đứng chợ trời. Nhà cảm thấy đời sống đã mất hết ý nghĩa và hoàn toàn bế tắc. Nhà không thấy con đường nào mở ra trước mắt, ngoài con đường từ xóm Nguyễn Tri Phương tới khu chợ trời trên đường Hàm Nghi, nơi những con người bị đào thải từ một xã hội đã sụp đổ sống lây lất trên những món đồ cũ còn sót lại.

Một hôm, Nhà tìm thấy một chút thú vị trong công việc bán chợ trời. Nói chuyện với một khách hàng người Nga biết tiếng Anh. Ông ta hỏi mua một chiếc cặp Samsonite và nói về cảm tình của ông với con người và đất nước Việt Nam, và trông cũng có vẻ hài hước như những người Mỹ. Nhà cười trả lời:

- Người Mỹ cũng đã yêu chúng tôi như vậy nên chúng tôi mới khổ như thế này!
- Chúng tôi là những... người Mỹ không có đô-la mà!

Người Nga cười lớn, trả tiền và xách chiếc cặp Samsonite đi. Nhà cười

theo và lấy một cuốn truyện gián điệp ra đọc tiếp trong khi chờ một người khách khác.

- Cô nói tiếng Anh giỏi quá!

Nhàn ngẩng lên và thấy một người đàn ông khoảng bốn mươi với cặp kính mát trên gương mặt không đến nỗi khó coi.

- Trước đây, chắc cô là một giáo viên dạy Anh văn?

- Ông tới đây mua hàng hay để điều tra lý lịch tôi? - Nhàn lấy giọng bông đùa.

- Tôi không có ý định mua hàng và cũng điều tra lý lịch của cô. Tôi đang đi tìm một người dạy Anh văn.

- Tìm người dạy tiếng Anh ở chợ trời à? - Nhàn tròn mắt ngạc nhiên. Nhưng cho ai vậy?

- Cho tôi.

- Ông học tiếng Anh làm gì thời buổi này? Ông không thấy tôi đây sao?

- Dĩ nhiên là thấy chứ! Vì vậy tôi xin đề nghị cô một điều: bỏ cái chợ trời này đi, vì nó không xứng đáng với cô, một người trí thức có phẩm cách.

Câu nói cũng người đàn ông khiến Nhàn chú ý đến anh ta hơn, nhưng vẫn cố ý bông đùa:

- À, ông muốn đóng vai Lê-nin trong phim "Chuông đồng hồ Điện Krem-li" để khuyên bảo tôi hãy bỏ chợ trời để tìm một chỗ đứng trong xã hội mới như anh chàng kỹ sư đã nghe lời Lê-nin. Nhưng ông không phải là Lê-nin và tôi cũng không phải anh chàng kỹ sư để bị thuyết phục.

- Thế là cô có xem phim ấy rồi đấy. Tôi cứ tưởng...

- Cứ tưởng tôi chỉ là một con mẹ đứng chợ trời đầu óc tào lao... Ông không sai đâu. Sở dĩ tôi đi coi phim ấy vì nghe cái tựa đề có vẻ như là một phim trinh thám ly kỳ, và đi xem cho đỡ buồn. Tôi thích truyện trinh thám, gián điệp. - Nhàn giơ cuốn truyện đang cầm trên tay.

Người đàn ông mỉm cười thú vị và nói:

- Tôi cũng thích đọc truyện trinh thám, và những gì không phải chỉ là lao động, ăn, ngủ, và... hết. Vì vậy tôi đề nghị mình làm một cuộc trao đổi: cô dạy tôi tiếng Anh và tôi sẽ giúp cô khỏi phải đứng bán chợ trời nữa.

Nhàn thực sự tò mò. Người đàn ông này là ai mà lại đi tìm thầy học tiếng

Anh và dám hứa một điều mà không một người bình thường nào có thể làm trong lúc này - giúp một người nào khác, ngoài chính bản thân mình. Một cán bộ cách mạng cao cấp, hay chỉ là một tay bịp thuộc loại cao cường?

- Tôi biết cô đang nghĩ gì nên không dám thúc hối. - Người đàn ông nói tiếp. Để cô có thì giờ suy nghĩ, tôi xin đưa cô địa chỉ cùng tên của tôi. Mai tôi sẽ trở lại để biết quyết định của cô.

Người đàn ông viết tên và địa chỉ vào một miếng giấy và trao cho Nhàn, lễ phép cúi đầu chào rồi biến vào đám đông. Nhàn nhìn theo, nhưng không còn thấy anh ta đâu nữa trong đám người lơ nhơ ồn ào. Nhàn tò mò nhìn xuống miếng giấy của người khách lạ để lại và nhíu mày suy nghĩ. "Nguyễn Quang Thái, số... đường Tú Xương". Cái địa chỉ làm Nhàn băn khoăn. Cô nghĩ tới ngôi nhà của Xuân, người bạn đã di tản ra ngoại quốc trước ngày 30-4-1975. Cô không nhớ số nhà, nhưng nhìn tên đường, Nhàn có linh cảm chính là ngôi nhà của Xuân.

Tối hôm ấy, Nhàn kể lại với Nhã câu chuyện lạ lùng về người đàn ông tên Thái. Nhã nói:

- Có thể hẳn là một anh Việt Cộng có hạng. Những ngôi nhà vô chủ trong khu ấy không đến phần bọn rãng hô mã tấu đâu.
- Em có ý kiến gì về việc anh ta muốn học Anh văn với chị?
- Việc đó thì tùy chị, nhưng em nghĩ mọi việc làm kiếm ra tiền trong lúc này đều tốt cả. Cái bao tử của mình và của con cái mình là tối thượng.
- Có thể chị sẽ nhận dạy cho anh ta mỗi tuần vài giờ, kiếm thêm chút đỉnh tiền chợ.
- Ngoài ra, quen biết với một quan lớn cách mạng để dựa hơi lúc này cũng đỡ khổ lắm.

Ngày hôm sau, Thái trở lại như đã hứa. Anh ta mừng ra mặt khi Nhàn cho biết nhận lời dạy anh ta ba giờ mỗi tuần.

- Tôi tới nhà cô giáo hay cô giáo tới nhà tôi?
- Có lẽ để tôi tới nhà anh. Tôi không có nhà ở đây. Tôi ở nhà cô em chậ chội, đông người không tiện.

Thế là mỗi tuần ba lần, Nhàn đạp xe tới dạy tiếng Anh cho Thái. Đúng là ngôi nhà của Xuân khiến Nhàn không thể không nghĩ đến bạn mỗi khi bước

chân tới đây. Nhàn thắc mắc không biết Xuân đang ở đâu, và đời sống ra sao. Nhưng không bao giờ Nhàn nói với Thái mối liên hệ giữa mình với ngôi nhà này. Ngôi nhà nay nhìn từ bên ngoài không có gì thay đổi, tuy trông cũ đi một chút, nhưng bên trong hoàn toàn khác với khi gia đình Xuân còn ở đây. Trước kia sang trọng ấm cúng, nay chỉ như một cái xác không hồn. Những món đồ đắt tiền đã biến mất, chỉ còn lại một ít bàn tủ chông chơ. Thái sống độc thân ở đây với một thằng cháu gọi bằng chú mà Nhàn ít khi gặp. Cô tới dạy học rồi đi về, không hỏi gì về đời tư của Thái. Anh ta cũng không tò mò lắm về gia cảnh của Nhàn. Anh ta tỏ ra là một con người biết điều và tế nhị.

Một hôm sau giờ học, Thái nói với Nhàn:

- Trước đây, tôi có đề nghị với cô một cuộc trao đổi. Cô đã nhận lời dạy tôi tiếng Anh, nhưng tôi chưa làm nghĩa vụ của mình và cô vẫn còn phải đứng bán chợ trời. Hiện nay đang có một cơ hội để mình sòng phẳng với nhau. Sở Du Lịch đang cần một số người giỏi tiếng Anh, lương bổng khá, ngoài ra còn có những thu nhập phụ. Tôi có thể giúp cô việc này.

Nhàn không có lý do gì để từ chối, và trở thành nhân viên của Sở Du Lịch. Cuộc đời cô đã bước vào một khúc quanh mới. May mắn chiếc áo dài để mặc đi làm. Uốn lại đầu tóc. Sơn phấn mỗi ngày. Tiếp xúc với du khách nước ngoài.

Nhàn bỗng nhận ra mình đã thuộc về một phần của xã hội mới, thay vì là một món đồ phế thải của xã hội cũ. Mỗi buổi sáng, soi bóng mình trong gương khi trang điểm, Nhàn thường khó tránh khỏi mỉm cười. Mới hôm nào còn ngồi tù về tội phản động, nay đã trở thành công nhân viên nhà nước cách mạng! Cuộc đời đâu phải chỉ toàn bảo tố? Nhàn tự ví mình như một con chim nhỏ đã bay qua cả một vùng trời mưa gió, và bây giờ dừng chân đứng bên khung cửa sổ một ngôi nhà lạ, vừa rìa lông rìa cánh, vừa hưởng nhờ chút hơi ấm từ bên trong. Nhàn thầm cảm ơn Thái, một anh Việt Cộng có tình người. Ngoài việc giúp Nhàn một chỗ làm, thỉnh thoảng Thái còn cho Nhàn những món quà, tuy rất tầm thường nhưng trong một xã hội đang thiếu thốn mọi thứ làm chúng trở thành những món quà quý - những nhu yếu phẩm được phân phối cho các cán bộ có tiêu chuẩn cao, như

xì-dầu, khăn lau mặt, vải tốt, tiêu sọ, thịt hộp, v.v... Nhàn đem những món đồ này về cho Nhã, một phần được dùng trong gia đình và một phần đưa ra chợ trời.

Trong khi Nhàn đã thay đổi, Nhã vẫn còn phải sống bám vào chợ trời. Nhàn rất thương cô em út, nhưng không thể làm gì để giúp, ngoài những món quà của Thái. Nhã tính thực tế và tâm hồn đơn giản hơn chị nên dễ xoay sở và dễ sống, và đã có sẵn một kế hoạch dứt khoát trong đầu. Ngày nào Hữu ra khỏi trại cải tạo là hai vợ chồng sẽ đem con đi vượt biên. Có lần Nhã nói với chị:

- Chị thử nhìn ông già chồng và chú em chồng của em. Ông bố theo cách mạng hơn mười năm trong Nam, hai mươi năm tập kết ra Bắc bây giờ về đây, em phải mua cho từng chiếc áo, đôi dép. Nghe em nói anh Hữu phải đi học tập cải tạo, ông già ngơ ngác hỏi "học tập gì vậy". Còn chú em chồng theo cha tập kết ra Bắc nay trở về với cái bằng phó tiến sĩ Liên-Xô thì vẫn còn đạp xe cộc cạch đi làm và ước mơ một cái xe Honda. Thử hỏi cái thứ dân "ngụy" như mình làm sao mà khá được?

Nhàn thở dài, nghĩ đến người chồng còn mất tích và tương lai của ba đứa con. Cuộc đời mình, Nhàn coi như không còn nữa nhưng không thể bỏ mặc cho những đứa trẻ cứ lớn dần như những cây cỏ dại trong một vũng lầy cạn. Từ ngày vào làm ở Sở Du Lịch, Nhàn thấy đời mình tạm yên nhưng tương lai ba đứa con vẫn còn mù mịt và hy vọng gặp lại Lâm hầu như đã lịm tắt.

Một lần Nhàn hỏi ý kiến Thái về số phận của chồng, anh trả lời:

- Bốn năm rồi. Nếu còn sống và đang ở một trại cải tạo nào đó thì cũng đã có tin tức. Không phải chỉ có quân lính miền Nam mới mất tích, bộ đội miền Bắc còn mất tích nhiều hơn. Mất xác thì đúng hơn. - Thái nhìn vào mắt Nhàn. Tốt hơn nên quên đi để sống cuộc đời còn lại của mình...

Nhàn cảm thấy cái nhìn và câu nói của Thái chứa đầy xao xuyến. Nhàn quay đi chỗ khác để giấu một giọt nước mắt.

Cuối năm 1979, Hữu từ trại cải tạo trở về. Căn nhà nhỏ của Nhã ở khu Nguyễn Tri Phương rộn tiếng cười. Nhàn mừng cho em nhưng lại cảm thấy đau xót cho mình. Mỗi lần tới nhà Thái, Nhàn lưu lại lâu hơn sau giờ



học để nói vài câu chuyện, tránh về nhà sớm chứng kiến cảnh vợ chồng cô em út quần quýt bên nhau.

Sau giờ học cuối năm, Thái nói:

- Để đền ơn cô giáo, tôi xin phép mời cô giáo dự buổi liên hoan đặc biệt mừng năm mới dương lịch.

Không suy nghĩ, Nhàn nhận lời ngay. Mục đích chỉ để tránh khỏi phải đóng vai phụ trong cuộc vui cuối năm ở nhà cô em. Nhàn trang điểm, mặc chiếc áo dài ưng ý nhất. Lisa đứng ngắm mẹ khen:

- Mẹ đẹp và sang quá!

Nhàn hôn con:

- Các con ở nhà đón Tết Tây với ngoại và dì Út. Mẹ sẽ cố về sớm...

Hữu và Nhã nhìn nhau mỉm cười khi thấy Thái lái xe hơi mang bảng số nhà nước tới đón Nhàn. Nhã giễu với chồng:

- Anh là gia đình cách mạng thứ... dỏm. Em mới là gia đình cách mạng thứ thiệt!

Thái đưa Nhàn tới Khách sạn Độc Lập, tên mới của Caravelle. Trải qua một cuộc biến đâu, nơi đây vẫn là một thế giới khác với đời sống ở bên ngoài. Vẫn là ốc đảo biệt lập của những người da trắng và những người da vàng có quyền thế. Vẫn sức nức nức hoa ở giữa một xã hội lở lói tanh hôi. Vẫn lóng lánh kim cương ngọc thạch giữa những người thân xác gầy còm đói rách.

Nhàn nghĩ thầm: "Chẳng lẽ với tất cả xương máu, đau thương của cả một dân tộc trong ba thế hệ chỉ là để đổi một cái tên."

- "Độc Lập" thì có cái gì khác với "Caravelle"? - Nhàn hỏi Thái

- Khác chứ! Cái tên! - Và Thái cười lớn.

Họ cùng nhau hòa vào cuộc vui với mọi người. Khi tới tiệc mục khiêu vũ, Thái mời Nhàn:

- Mình nhảy vài bản cho đỡ buồn.

- Sao anh biết tôi biết khiêu vũ?

- Phụ nữ Sài-gòn, cô nào chẳng biết khiêu vũ?

- Anh lầm rồi. Đã hơn mười năm nay, tôi không hề nhảy.

- Tại sao?



- Khi người chồng đầu tiên của tôi chết. Còn anh, Việt Cộng mà cũng biết nhảy đầm?

- Tôi biết khiêu vũ khi học ở Mátxcơva, và cũng không bao giờ nhảy từ khi trở về Hà Nội.

Họ ôm nhau nhảy hai bản, và Thái dìu Nhàn ra bao lơn. Trước mặt họ, bên dưới là thành phố Sài-gòn đã đổi tên với hơn ba triệu con người đang trần trở trong giấc ngủ không ngày mai, trên trời vẫn những ngôi sao nhấp nháy như bao nhiêu triệu năm trước.

Nhàn nghe rạo rức vì ảnh hưởng của ly Champagne. Bỗng cô nhìn thấy đôi mắt sáng của Thái như lẩn với những vì sao, và nghe hơi thở của anh.

- Anh yêu em.

Nhàn rùng mình. John McCoy đã nói với cô câu ấy cũng tại nơi này, mười lăm năm trước. Và những gì xảy ra sau đó theo nhau chạy vụt rất nhanh qua óc Nhàn. Cô cảm thấy chân tay lạnh ngắt.

- Em làm sao thế? - Thái ôm Nhàn hỏi.

- Tôi sợ.

Thái đưa Nhàn về. Nhưng thay vì về nhà của Nhã, anh đưa Nhàn về ngôi nhà ở đường Tú Xương. Nhàn không phải đổi, ngoan ngoãn để Thái dìu vào nhà. Ngôi nhà tối thui. Thằng cháu của Thái chắc đang có cuộc vui riêng nơi khác. Thái đưa tay bật đèn. Nhàn rên:

- Anh tắt đèn đi. Em sợ ánh sáng.

Họ cùng nhau ngã xuống chiếc giường nệm của vợ chồng Xuân. Nhàn cắn môi, ôm chặt lấy Thái, bật ra những tiếng rên pha lẫn tiếng khóc. Trong bóng tối hiện ra hình ảnh của McCoy, của Lâm. Cô không biết đang làm tình với ai. Đang hạnh phúc hay đang đau khổ...

**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 5**

Nhàn đã đưa ba đứa con tới ở với Thái, vì sự khẩn khoản của anh và cũng vì muốn ra khỏi căn nhà nhỏ của cô em út ở khu Nguyễn Tri Phương nay đã trở nên quá chật chội và bất tiện vì sự hiện diện của Hữu.

Những thay đổi diễn ra quá nhanh và quá mạnh khiến Nhàn như bị chóng mặt và mất định hướng. Trước kia, Nhàn có khuynh hướng chống lại khi có sự thay đổi nhưng nay có vẻ như cô đang buông trôi cuộc đời.

Nhàn không còn kịp suy nghĩ việc cô chấp nhận mối tình của Thái là đúng hay sai, và đem các con tới sống chung với anh ta là nên hay không khi cô vẫn còn là vợ của Lâm, ít nhất thì cũng về mặt pháp lý vì tờ hôn thú chưa bị huỷ bỏ. Nhàn không biết rõ có yêu Thái hay không, hay đã chỉ hành động như trong một cơn mê sáng khi Thái làm cho cô cảm thấy an ninh hơn và cho cô một chỗ nằm trong lúc đang chơi với giữa một dòng nước xoáy.

Khi ấy, mọi người như đang sống trong một cơn mê sáng. Mê sáng vì thua bất ngờ. Mê sáng vì thắng bất ngờ. Cả một đất nước đã sống trong sự mê sáng suốt năm năm và đang đi gần đến sự tan vỡ.

Kế hoạch tập thể hóa nông nghiệp ở thôn quê đã hoàn toàn thất bại. Các cuộc đánh tư sản ở thành thị là một thảm họa cho nền kinh tế không còn sản xuất. Mấy vụ đổi tiền bất ngờ đã làm người dân khánh tận. Một số ít người được ra khỏi các trại cải tạo nhưng phần đông vẫn chưa biết ngày về, và việc bắt bớ có thể xảy ra cho bất cứ ai, bất cứ lúc nào. Con đường thoát duy nhất cho mọi người: vượt biên.

Một lần nữa sau đợt ra đi hoảng hốt trước ngày 30-4-1975, dân Việt nam lại đổ xô ra đi. Lần này không phải chỉ từ thành phố Sài Gòn nhưng cả từ những xóm làng miền quê, từ cao nguyên đến các bờ biển. Không phải chỉ từ miền Nam mà cả từ miền Bắc. Không phải chỉ những người thua bỏ ra đi mà cả những người thắng. Cán bộ, công an, gia đình cách mạng cũng vượt biên, bỏ nước ra đi, không chấp nhận xã hội chủ nghĩa.

Các đài phát thanh ngoại quốc hàng ngày hàng đêm đưa tin về những làn

sóng "thuyền nhân" tràn ngập các bờ biển ở Đông Nam Á và Hong Kong. Người ta ra đi bằng tàu sắt, tàu gỗ, và cả bằng những chiếc ghe nhỏ, phó mặc sinh mạng cho sóng bão, cướp biển, biên phòng. Phần đông ra đi bằng đường biển, nhưng cũng có không ít người ra đi bằng đường bộ, vượt qua hai biên giới hung hiểm và nước Campuchia không luật pháp. Một số ít đã cướp máy bay, cướp tàu ra đi.

Kẻ đi thoát, người bị bắt lại và ngồi tù, hay bỏ thây dưới đáy biển. Nhưng không có gì làm nhụt chí những người đã quyết định ra đi. Có người đi hàng chục lần chưa thoát, nhà cửa bị tịch thu, tiền bạc không còn, sống như những con thú hoang trong một xã hội mà con người chỉ chực ăn thịt nhau.

Thế giới sững sốt trước những làn sóng người Việt Nam theo nhau bỏ nước ra đi, vì loài người ngu ngơ đã được các nhà báo thông thạo thời cuộc ở Tây phương bảo đảm rằng bi kịch Việt Nam sẽ chấm dứt một khi người Mỹ rời khỏi Việt Nam. Nay, thế giới không muốn tin rằng ngày 30-4-1975, ngày chấm dứt chiến tranh, chỉ là để mở đầu cho màn hai của bi kịch Việt Nam mà trong đó người Mỹ lại không đóng vai trò gì.

Thế giới càng sững sốt và kinh hoàng khi biết chính nhà cầm quyền Hà Nội cũng đã tổ chức tổng dân ra nước ngoài qua một chương trình được gọi là đi "bán chính thức" để vợ vét vàng và tài sản của những người ra đi. "Bán chính thức" chỉ khác "đi chui" là chủ tàu phải nạp vàng cho nhà nước để khỏi bị bắt về tội vượt biên. Ra khơi rồi, số phận "thuyền nhân" đều giống nhau.

Vào đầu năm 1980, hàng triệu người đã bỏ nước ra đi - "đi chui" hay đi "bán chính thức", hàng trăm ngàn người đã mất xác dưới đáy Biển Đông hay trong rừng rậm phía Tây, và hàng triệu người khác vẫn còn xuôi ngược tìm đường ra đi. Không đủ khả năng để cả gia đình cùng đi thì cố gắng cho một người ra đi, thường là người chồng hoặc con trai.

Đã trở thành chuyện hàng ngày ở Việt Nam khi tối nay ông hàng xóm còn đi họp "tổ dân phố", sáng mai cả nhà đã biến mất, cửa đóng im im cho đến khi công an tới kiểm kê, vợ vét tài sản. Cũng là chuyện bình thường khi một vài người trong nhiều gia đình bỗng dưng biến đi, không một lời từ biệt bà con, bạn bè.

Người ta gặp nhau chỉ để rỉ tai nhau tìm đường đi. "Nếu có chân, cột đèn cũng đi". Hay, "những người còn ở lại chỉ là vì nghèo, hoặc nhát, hoặc ngu". Những câu truyền miệng thời thượng. Thật ra, việc đi hay ở không chỉ đơn giản như vậy. Nó là một quyết định cực kỳ quan trọng mà ít khi con người phải đối diện trong đời, liên quan đến những đêm suy tư, những ngày tính toán, những cân nhắc lựa chọn về các giá trị của đời sống. Mỗi cuộc vượt biên là một mạo hiểm phi thường, không phải chỉ là ném mạng sống vào một canh bạc rủi may mà nếu sống sót cũng còn cả một tương lai mù mịt trước mắt.

Khi được Nhã rủ đi, Nhàn đã lúng túng không biết quyết định ra sao. Nhã thúc:

- Chị còn hy vọng gì nữa ở xã hội này? Hay chị mơ tưởng... đồng chí Thái của chị sẽ là lá bùa hộ mạng của chị và con cái chị?

Nhàn ôn tồn trả lời em:

- Em lầm rồi. Đã từ lâu, chị không còn hy vọng hay mơ tưởng gì trong cuộc sống, không phải đợi đến bây giờ. Chị đã mất khả năng kháng cự và cả khả năng ước mơ. Chị cầu Trời khẩn Phật cho gia đình em đi bình an. Để chị ở lại chăm lo cho má.

- Nếu chị bằng lòng đi thì em sẽ thuyết phục má cùng đi. Phần gia đình chị không cần đóng góp nhiều. Em đã kiếm đủ khách cho chủ tàu để mình cùng đi.

- Chị cảm ơn em đã hết lòng lo cho chị và các cháu, nhưng chị cảm thấy chưa dứt khoát trong quyết định này. Chị chỉ xin em giúp chị một điều. Đem thằng Tony đi giùm chị. Nó muốn đi để tìm cha nó, và đó cũng là ước vọng cuối cùng của mẹ nó. Bà ấy có để lại một tấm ảnh và địa chỉ của cha nó.

Nhã nhận lời và chuẩn bị ra đi. Đêm cuối cùng, Nhàn nói dối Thái, đưa Tony về nhà em. Hữu đã đem con trai xuống Rạch Giá trước. Hai chị em nằm bên nhau, thì thầm nói chuyện suốt đêm. Nhắc lại những kỷ niệm xưa cũ, bàn bạc chuyện tương lai. Nhàn không ngớt xoa đuổi nỗi sợ hãi sẽ không bao giờ gặp lại em nữa.

Đôi lúc Nhàn muốn vùng ngồi dậy, khuyên can em: "Thôi, em đừng đi

nữa! Ngày mai muốn ra sao thì ra nhưng ít nhất chị em mình còn có nhau. Em đi nguy hiểm lắm. Chị sợ lắm!" Nhưng Nhàn đã kịp dừng lại. Cô đã biết quyết tâm của em. Đã có lần Nhã nói: "Mạng sống ai không quý? Nhưng khi cuộc sống đã mất hết ý nghĩa thì sinh mạng còn có giá trị gì?" Sáng hôm sau, Nhã đã ra đi khi trời còn tối và bà Hai Thế chưa thức dậy. Trông cô bình thản đi như chuyến buôn về tỉnh thường lệ. Vẫn bỏ quần áo bình thường như mọi ngày, với chiếc túi vải đeo trên vai và đôi dép nhựa lẹp xẹp. Tony đi theo, không nói một lời, cũng không cầm gì trên tay. Nhàn đứng trong nhà, nhìn theo qua khe cửa, nước mắt trào ra. Nước mắt của xót thương và uất hận. Cô nhắm mắt lại, nắm chặt tay vào khung cửa và một câu hỏi vang lên trong óc: "Những con người này phạm tội gì mà phải trốn khỏi quê hương như những can phạm đại hình? Tại sao họ không có một khoảng không gian để sống trên đất nước này?"

Nhàn đã đứng như thế không biết bao lâu, cho đến khi trời sáng, bắt đầu một ngày khác buồn chán trên quê hương u ám.

Bà Hai Thế thức dậy, và linh cảm có chuyện bất thường. Hai ngày trước, Hữu dắt con đi, nói là về Bến Tre thăm gia đình bên nội. Nay đến lượt Nhã biến mất, không một lời từ biệt. Bà hỏi nhỏ Nhàn, giọng run run:

- Vợ chồng con Út giấu má, đem con nó đi rồi phải không?

Nhàn tới ngồi sát bên mẹ, nói thì thầm để đừng lọt vào tai hàng xóm:

- Chúng nó sợ cho má biết sẽ không chịu nổi cảnh chia tay. Má đừng lo nghĩ nhiều. Phật Trời và linh hồn ba linh thiêng sẽ phò hộ cho mọi người được bình an. Mai con sẽ đem Lisa và thằng Tuấn về đây ở với má.

Nhàn về lại căn nhà của Nhã, ngoài việc chăm sóc bà mẹ già còn để giữ căn nhà khỏi bị tịch thu, và khởi đầu cho những ngày chờ đợi buốt tim. Cũng như những người có thân nhân đi vượt biên, Nhàn sẽ phải thấp thỏm chờ đợi, từng giây từng phút, một bức điện tín từ một trại tị nạn đâu đó ở Đông Nam Á, hay từ một nước ở Tây Âu, Bắc Mỹ, Úc Châu, hay có khi từ một nơi không ai mong đợi ở Phi Châu.

Nhàn nói thật với Thái việc gia đình Nhã đi vượt biên và lý do phải trở về với mẹ. Thái đón nhận một cách bình thản và nói:

- Không biết đến bao giờ mới chấm dứt cảnh lũ lượt kéo nhau ra đi này.

- Có lẽ cho đến ngày không còn người nào trên đất nước này, hay không còn cộng sản...

Bỗng Thái đứng vụt dậy như vừa tìm thấy một chân lý, thao thao nói:

- Anh đã nghe nhiều tiếng chửi Việt cộng, kết án Việt cộng. Nhưng không nghe những người trong Nam tự chửi mình, tự kết án mình... Chiến tranh là chiến tranh. Là mạnh được yếu thua. Nếu anh có chính nghĩa và có một cuộc sống tốt đẹp để bảo vệ, anh phải chiến đấu đến cùng. Tôi không hiểu sao những người có ngôi nhà đẹp như thế nào lại bỏ chạy, không ở lại chiến đấu. Những kẻ ấy có đáng được hưởng một đời sống tốt đẹp không? Chiến tranh đời nay cũng không khác gì chiến tranh thời xưa. Phe chiến thắng thường là phường man rợ. Chúng chiếm nhà cửa, tài sản, vợ con của những kẻ có đời sống văn minh hơn nhưng hèn nhát.

- Và em cũng là một chiến lợi phẩm của anh - tên linh của đoàn quân chiến thắng man rợ?

- Không hoàn toàn đúng. Chắc em cũng nghe nói người miền Bắc trông đợi được giải phóng hơn là đóng vai đi giải phóng. Họ cũng không anh hùng gì hơn dân miền Nam.

- Thật à?

- Sự anh hùng đôi khi chỉ là tổng hợp của nhiều sự hèn nhát. Người ta nổi đuôi nhau vượt đường mòn Trường Sơn để bỏ xác trong Nam không phải vì anh hùng mà là vì hèn nhát, không dám chống lại những cái mệnh lệnh điên rồ.

- Anh là một tên Việt cộng thành thật.

Thái ngồi xuống bên Nhàn, hạ thấp giọng:

- Và cũng là một kẻ hèn nhát vì chỉ dám nói những điều ấy với một mình em. Những gì chúng ta đang được hưởng hôm nay là hậu quả của sự hèn nhát qua nhiều thế hệ, của nhiều người, của bên này và bên kia. Chiến thắng Điện Biên, cải cách ruộng đất, giải phóng miền Nam... Bao nhiêu xương máu đã đổ ra cho một cuồng vọng đã được khởi đầu cũng bởi sự hèn nhát... Năm 18 tuổi, anh đã chứng kiến cảnh đấu tố bà ngoại anh, một người đàn bà thánh thiện. Sự sợ hãi đã làm anh tê cứng, các ông cậu của anh - những anh hùng kháng chiến chống Pháp - cũng chỉ đứng nhìn, không

một phản ứng. Thế đấy, anh hùng, anh hùng!... Họ là những con người, hay là những công cụ?

Xúc cảm hơn hai mươi năm trước vẫn còn sức lay động một chiến sĩ cách mạng sau một cuộc chiến đấu dài và khốc liệt khiến Thái nghẹn lời, hai mắt long lanh, đưa hai bàn tay ôm đầu. Nhàn âu yếm vuốt nhẹ mái tóc đã loáng thoáng mấy sợi bạc của Thái, thì thầm:

- Em yêu anh.

Nhàn bỗng nhận ra đây là lần đầu tiên cô nói với Thái ba tiếng tuyệt diệu ấy. Khác với nam giới, người phụ nữ chỉ thốt ra ba tiếng ấy khi trái tim họ thực sự bị rung động, và những âm thanh nhẹ nhàng nhiệm màu ấy có thể làm sụp đổ một băng sơn hay đốt cháy một kinh thành. Những âm thanh nhiệm màu ấy dường như không phát ra từ đôi môi nhưng từ một cùng thẳm vô tận nào, ngoài sự hay biết và kiểm soát của con người.

Ba tiếng ấy đã làm Thái rung động và ý thức một điều rất kinh khủng vừa xảy ra. Anh đã nói với Nhàn những điều chất chứa trong lòng bao nhiêu năm tháng chưa một lần nói với ai. Và bây giờ, một thế giới khác đã mở ra giữa hai người.

Thái quay lại, nhìn sâu và đôi mắt đầy yêu thương của Nhàn hồi lâu, và nói nhỏ:

- Anh vừa giao đời sống của anh cho em.

- Còn anh thì đã nắm đời sống của em từ mấy tháng nay rồi.

Họ hôn nhau. Thái nói:

- Em có nghĩ đến chuyện chính thức hóa quan hệ của mình không?

- Nghĩ đến, và em sợ. Mỗi khi em quyết định làm việc gì quan trọng trong đời thì đều hỏng. Có lẽ cứ để như vậy hay hơn...

Vừa trở về nhà của Nhã, Nhàn đã được Tấn, anh công an khu vực tới thăm. Dân Lục tình khoảng hai mươi tuổi, trông rất hiền, anh ta đảo mắt nhìn quanh căn nhà và nói với Nhàn:

- Gia đình chị Nhã đi rồi à? Bao giờ có tin thì cho em hay. Để cho tới đảo chăn ăn đã.

- Đi đâu mà tới đảo? - Nhàn lơ lửng. - Chỉ về thăm ông bà già chồng ở Bến Tre thôi.



Anh công an cười:

- Bến Tre hay bến Mã Lai? Giấu em làm gì. Chị ấy đi được thì mừng cho gia đình. Khi nào có điện thì cho em hay để em báo cáo.

Nhàn im lặng vì thấy không nên nói gì thêm. Anh công an đã tỏ ra biết điều thì còn nói dối làm gì, và Nhàn cũng chẳng mong gì hơn. Công an bây giờ rất dễ thương, và được gọi là "công an nhân dân" cũng không đến nỗi khôì hài. Họ rất thân thiện với nhân dân, nhất là nhân dân đi vượt biên. Một món quà nhỏ của những người này từ nước ngoài gửi về cũng bằng mấy tháng lương nhà nước. Nhàn đã định sau khi Nhã và mọi người đã tới nơi an toàn, sẽ cho Tấn một ít đồ của em để lại trước khi giao nhà cho công an và dọn tới ở với Thái. Nhưng bây giờ phải im lặng chờ đợi.

Thời gian đợi tin là một hình phạt ác nghiệt cho thần kinh của những người ở lại. Đêm ngày ngong ngóng mong tin. Mặt trời lên là bắt đầu chờ đợi người đưa thư còn hơn là chờ đợi người tình, và tim đập thình thịch khi thấy bóng anh ta xuất hiện ở đầu ngõ. Anh ta dừng lại trước nhà, tim càng đập mạnh hơn. Nhưng không, chỉ là để phát một lá thư thường rồi vô tình bước đi. Thất vọng, và lại trông đợi ngày mai. Nhưng đêm tối sẽ hiện ra những ác mộng không có cách nào trốn thoát, với những thảm kịch xảy ra ngoài biển khơi. Tàu chìm vì bị công an biên phòng bắn, đông bão, hải tặc... hay ít hải hùng nhất là bị bắt lại và đang bị giam tại một nơi nào đó... Cứ chờ đợi như thế cho đến bao giờ nhận được một bức điện. Người ta sẽ rú lên như trúng số độc đắc, và có thể ôm hôn người đưa thư kèm theo với tiền thưởng rộng rãi. Thế giới bỗng trở nên huy hoàng và ngào ngạt hương hoa.

Nhưng, nếu bức điện không bao giờ đến? Người ta sẽ héo mòn và chết khô như cây cỏ trong mùa hạn hán. Thế giới sẽ u buồn, sâu thẳm vĩnh viễn. Sẽ không bao giờ còn có bình minh với tiếng chim. Và, sẽ ghét luôn cả người đưa thư.

Nhàn đã bắt đầu chờ đợi sau khi Nhã đi được một tuần - thời gian đủ để biết không bị bắt lại. Mỗi buổi sáng, trước khi đi làm cô đều dặn Lisa canh chừng người đưa thư và nhớ cho ông ta tiền thưởng nếu có điện tín. Mỗi buổi chiều, khi đi làm về Nhàn đều hỏi con: "Có điện tín không, con?" Một



câu hỏi thừa thãi. Nếu nhận được điện tín, Lisa đã không đợi mẹ hỏi. Cô bé sẽ nhảy dựng lên, tay giơ cao bức điện, với gương mặt tươi như hoa và "reo lớn" bằng đôi mắt màu hạt dẻ long lanh niềm vui: "Thành công rồi!"

Nhưng đã hơn một tháng không có tin gì của Nhã. Thông thường, một tháng là thời gian trung bình để những người ở lại nhận được tin của những người ra đi, nếu cuộc vượt biên thành công. Sau một tháng mà không có tin tức gì, những người ở lại bắt đầu sống trong ác mộng thực sự.

Người ta sợ hãi nghĩ đến những tai nạn đã xảy ra cho người thân ngoài biển khơi, hay đang lênh đênh lạc hướng trên đại dương mênh mông nhưng không còn nước ngọt để uống, hay đã trôi dạt vào một đảo hoang nào đó và sẽ chết dần mòn không ai hay biết...

Nhàn sợ mỗi buổi chiều phải trở về nhìn vẻ thất vọng của con và gương mặt sầu thảm của mẹ. Những bữa cơm thường diễn ra lặng lẽ trong không khí nặng nề. Dường như mỗi người đều bị ám ảnh về sự bất tin của gia đình Nhã nhưng ai cũng sợ phải nói đến. Thịnh thoảng Nhàn cố nói một câu chuyện gì khác để bầu không khí trở nên dễ thở hơn nhưng cũng chỉ chấm dứt trong nhạt nhẽo.

Mỗi ngày trôi qua là một ngày sự thật càng hiện rõ hơn trước mắt Nhàn: gia đình Nhã và Tony đã không tới được một trại tị nạn. Nhàn đi tìm hỏi thăm vài người có thân nhân cùng đi chung chuyến tàu với Nhã. Không một ai có tin.

Một buổi tối, không còn chịu nổi khối buồn đau đè nén trong lòng, bà Hai Thế vừa khóc sụi sùi vừa rên rỉ với Nhàn:

- Suốt đời ba má ăn hiền ở lành, có làm điều gì ác đâu... mà bây giờ trời phạt như vậy?...

Nhàn ôm mẹ an ủi, nhưng cũng là để trấn an chính mình:

- Mọi người đều ở trong cảnh này cả, má à. Đâu phải chỉ có gia đình mình. Má đừng lo nghĩ nhiều, lỡ bệnh. Con nghĩ dì Út chỉ chậm có tin thôi. Đánh điện từ các đảo rất khó khăn. Có người đi cả năm ở nhà mới được tin.

Đó là đốm lửa hy vọng duy nhất leo lét trong lòng mà Nhàn cố giữ cho khỏi tắt lịm. Nhưng đốm lửa ấy cứ nhỏ bé dần mỗi lần Nhàn nghe một

người quen ra đi sau Nhã mà ở nhà đã nhận được tin. Nhàn thường ở lại qua đêm với Thái để tìm chỗ dựa tinh thần và để khỏi phải nghe tiếng khóc rấm rức thâu đêm của mẹ.

Một buổi tối, nằm với nhau trên giường, Thái nói:

- Em cần nhìn vào sự thật. Hơn ba tháng rồi. Tối đâu thì cũng phải có tin. Hay nếu bị bắt lại thì cũng phải biết đang bị giam ở đâu. Em nên đưa mẹ và hai đứa bé tới đây với anh để hàng ngày khỏi phải nhìn thấy căn nhà ấy cùng những đồ đạc chỉ gợi lên bao nhiêu kỷ niệm đau lòng...

Thái chưa nói hết, Nhàn bật lên khóc lớn, và trong một cơn phẫn uất đột phát, cô quay sang Thái vừa cào cấu anh vừa gào lên:

- Tôi ghét anh! Tôi ghét cộng sản! Tôi thù cộng sản!

Thái cố giữ tấm thân đang run lẩy bẩy của Nhàn. Khi Nhàn đã dịu cơn bi phẫn, Thái nhẹ nhàng nói:

- Anh không chối bỏ đã có một phần trách nhiệm trong những thảm kịch đang diễn ra, nhưng như anh đã nói với em, tội chính của anh là tội hèn nhát, và anh cũng đang mang những khổ đau không kém gì em và những người khác. Nỗi khổ đau của những con người còn có một lương tâm.

Nhàn thôi khóc, và rên rỉ trong vòng tay của Thái như một con mèo nhỏ. Cô không phải chờ đợi lâu để thực hiện lời khuyên của Thái.

Một buổi tối, Tấn tới gặp Nhàn và nói:

- Đã đến lúc em phải báo cáo sự vắng mặt của gia đình chị Nhã. Công an phường đã biết và em không thể nào kéo dài hơn được nữa. Bác gái và chị chỉ tạm trú ở đây nên sẽ không được giữ căn hộ này. Nhà nước sẽ quản lý. Chị có định dọn đi đâu chưa?

- Cám ơn chú. Tôi sẽ dọn ra khỏi căn nhà này trong ba ngày. Chú coi trong nhà có món gì cần thì cứ lấy.

Anh công an nhân dân mừng ra mặt nhưng còn làm ra vẻ e ngại:

- Em không dám làm như vậy đâu. Chị cho em cái gì thì em xin cái đó.

Nhàn soạn ra vài món đồ đưa cho Tấn và nói:

- Ngày mai anh trở lại đây, muốn lấy gì thêm thì lấy.

Tuy nói vậy nhưng ngày hôm sau, Nhàn lấy các món đồ cần dùng và một số kỷ vật của Nhã dọn sang ở với Thái.

Bà Hai Thế không phản đối quyết định của con gái, nhưng từ ngày ấy tinh thần bà sụp đổ nhanh chóng, kéo theo sự suy đồi của thể chất. Bà mất trí nhớ trầm trọng, thường nói lảm nhảm một mình và bỏ ăn uống, nằm liệt trên giường, trên tay lúc nào cũng cầm tấm ảnh chụp gia đình Nhã. Sáu tháng sau, bà Hai Thế qua đời sau khi bị ngã trong phòng tắm và hôn mê mấy ngày.

Nhàn đã hoàn toàn mất hết hy vọng về gia đình Nhã, nay lại thêm cái chết của mẹ, cô tìm nguồn an ủi nơi hai đứa con và tình yêu của Thái.

Công việc ở Sở Du Lịch tưởng là giúp Nhàn tạm quên nỗi buồn đau nhưng lại chỉ nhắc cô cay đắng nhớ tới thân phận bị đày ải kèm kẹp của người dân Việt Nam. Khách du lịch tới thăm Việt Nam tuy không nhiều, chỉ gồm một ít người Nhật và người Tây Âu, nhưng trông họ bình thản yên vui, hạnh phúc. Họ là những con người tự do, đến đây từ những miền đất tự do, họ đi để tìm thú vui và được tiếp đón niềm nở, ân cần. Còn người dân Việt nam, sao phải sợ hãi trốn đi trong đêm tối để phải đương đầu với bao hiểm nguy và bị xua đuổi ở khắp nơi?

Phải chăng dân tộc này không đáng được sống như những con người, vì hèn nhát? Nhưng, những người đã và đang ra đi - những người trẻ, những người già, những thanh niên, những phụ nữ, những trẻ thơ...? Dù thành công hay thất bại và bỏ thân trong lòng biển, họ cũng đã nói lên một sự phản kháng. Và bóng đêm vẫn bao trùm trên đất nước bất hạnh này, trong đó dường như không một ai biết tới hạnh phúc thật sự - kẻ thua cũng như người thắng. Nhàn nghĩ đến Thái, đến hai đứa con đang tới tuổi vị thành niên của mình với một tương lai vô vọng trước mắt. Cô lại nghĩ đến vượt biên, và nói ý định ấy với Thái.

- Em không thể chịu đựng lâu hơn cuộc sống này và không thể để hai đứa con của em ở đây, anh ạ.
- Rồi em làm gì?
- Anh biết rồi. Vượt biên.
- Cả gia đình cô Nhã và thằng Tony chưa đủ sao? Em không sợ à?
- Sợ chứ, nhưng chính anh đã kết tội sự hèn nhát. Chế độ này không cho con người một lựa chọn nào khác, ngoài sự hèn nhát. Em không muốn hai

đứa con của em lại tiếp tục sống một cuộc đời hèn nhát. Anh hiểu rõ chế độ này hơn em. Nếu anh làm gì được để thay đổi thì làm đi. Nếu biết không làm gì được để chống lại guồng máy quái đản này thì hãy từ bỏ nó, cùng em ra đi. Em không ra đi để tìm một thiên đường, nhưng để thoát khỏi một địa ngục. Thiên đường là điều không có trên thế giới này, nhưng địa ngục thì có thực. Anh là một tên gác cửa địa ngục hay cũng là một kẻ bị đày ải trong địa ngục? Anh xứng đáng có một đời sống khác hơn.

Thái bóp trán suy nghĩ hồi lâu và nói:

- Thôi được, anh sẽ cùng đi với em. Nhưng anh không muốn giao sinh mạng cho những người mà anh không biết là ai. Anh sẽ làm lấy, tổ chức lấy, và ra đi một cách an toàn.

Nhàn mừng rỡ ôm lấy Thái. Cô tin tưởng ở sự thành thật và khả năng tổ chức của Thái nên yên tâm chờ đợi ngày ra đi.

Sống chung với nhau được gần một năm, Nhàn tự coi như vợ của Thái, tuy không có ràng buộc gì về pháp lý. Nhàn kín đáo ngăn ngừa để đừng có con với Thái, nhưng cuối cùng cũng mang thai ngoài ý muốn, nhất là vào lúc đang chuẩn bị đi vượt biên. Cô không cho Thái biết và quyết định phá thai. Phá thai không còn bị coi là một trọng tội như trong xã hội cũ. Trái lại, nhà nước khuyến khích phụ nữ phá thai để làm chậm lại đà gia tăng dân số đang bộc phát sau chiến tranh. Thủ tục phá thai rất đơn giản. Người phụ nữ chỉ cần ký vào một tờ giấy là xong. Nhàn nghe nói về những tai nạn chết người vì thiếu thuốc man, thiếu nhân viên y tế đủ khả năng, nhưng cái sợ có thêm một đứa con trong lúc này lớn hơn những cái sợ khác. Và, Nhàn tới Bệnh viện Hùng Vương để xin được phá thai.

Cô mới mang thai được ba tháng và tự mua các thứ thuốc ngoài chợ trời theo yêu cầu của bệnh viện nên không trải qua nhiều đau đớn lắm. Cô nằm nghỉ tại bệnh viện vài tiếng đồng hồ và ra về.

Phá thai có vẻ là một công việc đơn giản với các nhân viên y tế, nhưng không đơn giản với người phụ nữ phá thai. Không kể sự nguy hiểm đến tính mạng, nó là một vết thương suốt đời trên cơ thể và trong tâm hồn người phụ nữ. Nhàn bị xáo động mạnh sau khi trực đưa con ra. Cô có cảm giác tội lỗi và sợ hãi điều gì không hình dung rõ rệt. Cô trùm một chiếc

khăn mỏng lên đầu và che kín hai tai, một phần để tránh gió, phần sợ gặp người quen tình cờ nhìn thấy mặt.

Trời đã gần tối và vừa dứt một cơn mưa lớn cuối mùa. Không khí mát lạnh.

Vừa ra khỏi cổng bệnh viện, Nhàn thấy một chiếc xích-lô đang chạy tới từ phía bên trái. Cô định giơ tay ngoắc nhưng kịp dừng lại và kéo vội khăn che kín mặt. Nhàn có cảm giác vừa trông thấy ma. Chân tay lạnh ngắt, cô quay vào trong, vịn một tay lên cánh cổng để dừng ngã xiêu. Cô không thể làm được. Chính là Lâm đã đạp chiếc xe xích-lô vừa đi qua trước mặt.

Nhàn không biết đã đứng đằng sau cánh cổng bệnh viện bao lâu cho đến khi cảm thấy hồi tỉnh, thận trọng bước ra đường, đón một chiếc xe xích-lô khác về nhà. Cô vào phòng ngủ, để nguyên quần áo, nằm ngửa lên giường, chân tay buông thõng, mắt nhìn trừng trừng lên trần nhà.

Thái chưa về, chắc bận việc ở cơ quan hoặc đi đâu đó để lo tổ chức vượt biên. Thấy cử chỉ khác thường của mẹ, Lisa và Tuấn kéo nhau vào phòng Nhàn hỏi thăm.

Lisa ngồi xuống cạnh giường nắm tay mẹ, lo sợ hỏi:

- Tay mẹ lạnh ngắt. Để con lấy dầu cù là xức và cạo gió cho mẹ

Nhàn vẫn nằm bất động và không trả lời khiến hai đứa bé hoảng sợ. Lisa đứng lên nói:

- Hay con gọi điện thoại vào cơ quan cho bố Thái về.

Nhàn giật bắn người, vội chồm dậy:

- Đừng, Lisa! Đừng gọi gì cả. Mẹ chỉ bị xây xâm một lúc, chắc vì hôm nay làm việc nhiều.

Lisa dừng lại, mừng rỡ nhìn mẹ.

- Để con đi pha cho mẹ một ly sữa nóng.

Lisa ra khỏi phòng. Tuấn ngồi xuống bên cạnh mẹ. Nhàn quay lại ôm lấy thằng bé, vừa khóc vừa rên rỉ:

- Con ơn, chắc mẹ chết mất.

**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 6**

Sau khi bình tĩnh lại và tỉnh táo suy nghĩ, Nhàn quyết định đi tìm gặp Lâm và nói tất cả sự thật về những gì xảy ra từ khi cô đưa ba đứa con rời Pleiku hơn bốn năm về trước. Rồi thì sau đó ra sao cô cũng chấp nhận. Cô không cảm thấy có gì sai trái với Lâm, và anh cũng có quyền được biết về bé Tuấn, nhất là về quyết định quan trọng của Nhàn đưa nó vượt biên.

Nhàn không cho Thái biết gì về sự xuất hiện của Lâm vì cô nghĩ đó là việc của cô với người chồng cũ. Nhàn biết cuộc gặp Lâm sẽ rất khó khăn nhưng đó là việc không thể không làm. Nó là một mệnh lệnh của lương tri.

Một hôm, ăn mặc đơn giản, không phấn son. Nhàn tới khu những người đạp xích-lô thường tụ họp bên ngoài Bệnh viện Hùng Vương chờ khách, hỏi thăm về Lâm. Ai cũng lắc đầu. Cuối cùng, một người có mái tóc dài chấm vai và một chòm râu dê gật đầu sau khi nghe Nhàn cho biết một số chi tiết về Lâm.

- À, Lâm đầu trọc. Tôi biết, dân "Cọp ba đầu răn" với tôi. Nhưng, chị quan hệ thế nào với hắn? Anh ta nhìn Nhàn, quan sát.

- Em bạn dì.

- Vô lý. Bà con gần sao không có liên lạc?

- Thời buổi này, mà anh. Còn nhiều cái vô lý hơn mà không ai dám thắc mắc, khiếu nại.

Anh tóc dài gật gù:

- Nghe nói hắn ở nhờ nhà một anh Tàu trong vùng Chợ Lớn này nhưng tôi không biết đích xác địa chỉ. Tốt hơn, chị viết vài lời nhắn vào một miếng giấy hoặc nói miệng với tôi, tôi sẽ nói lại. Ngày nào hắn cũng ghé qua đây kiểm khách, ít nhất một lần.

Nhàn định viết vài lời nhắn nhưng không có miếng giấy nào trong người, bèn nói:

- Nhờ anh nói lại với anh Lâm là có cô Nhàn muốn gặp. Xin anh ấy cho địa chỉ để tôi tới thăm.

- Được rồi. Ngày mai chị trở lại đây. Từ giờ đến tối có thể hăn ghé qua đây nhưng không biết lúc nào.

- Cảm ơn anh nhiều lắm. Mai tôi sẽ trở lại. Nhưng, nếu không gặp anh ở đây?

- Ờ nhỉ! Hẹn cô trễ một chút cho chắc ăn, 5 giờ chiều mai nhé. Tôi sẽ chờ cô tại đây và không đón khách.

Hôm sau, Nhàn xin về sớm, thay chiếc áo dài ra, mặc vào một chiếc áo ngắn, rửa sạch son phấn. Soi mặt trong gương, Nhàn thoa ít phấn hồng lên hai má, một chút son lên môi, và đạp xe tới nơi hẹn đúng giờ.

Lâm đang chờ Nhàn tại nơi hẹn, thay vì anh râu dê. Đang ngồi trong một quán cà-phê lộ thiên ở bên kia đường. Lâm đứng lên đi về phía Nhàn. Anh ta ăn mặc khá tươm tất với một cái áo sơ-mi trắng ngắn tay, chiếc quần dài và một đôi dép nhựa. Tóc đã mọc lờm chờm trên cái đầu trọc.

Nhàn đứng sững nhìn Lâm, không biết phản ứng ra sao. Cô biến thành một pho tượng đá trong mấy giây rồi cảm thấy đất trời quay cuồng, cảnh vật trước mặt tối sầm lại.

Nhàn tỉnh dậy trong khi chờ các thủ tục giấy tờ để vào phòng cấp cứu của bệnh viện. Cô vẫn còn nhắm mắt khi nghe một cô y tá nói với Lâm:

- Có lẽ vì... đói bụng hay bị xúc động vì một việc gì đấy thôi. "Ca" này đã quá quen với chúng tôi. A, chị ấy tỉnh lại rồi và có thể về nhà. Nếu điều kiện tài chánh cho phép, nên bồi dưỡng một tô phở nóng là khoẻ lại ngay. Ở đây chúng tôi cũng không làm được gì hơn.

Lâm gọi một chiếc xích-lô để chở Nhàn và đạp chiếc xe của cô chạy phía trước dẫn đường. Họ vào một quán ăn Tàu nằm sâu trong một xóm Hoa Kiều mà Nhàn chưa bao giờ đặt chân tới. Quán vắng khách và mọi người đều nói tiếng Trung Hoa, kể cả Lâm. Nhàn có cảm tưởng đang lọt vào một nơi nào đó ở nước Tàu.

Lâm rót trà nóng cho Nhàn và gọi hai tô mì. Không khí như đông lại giữa hai người. Nhàn nhìn xuống tách trà đang bốc hơi nóng và có vẻ lúng túng. Phản ứng khác lạ của Nhàn từ khi gặp lại Lâm dường như đã báo cho anh một sự thật cay đắng mà cô không biết mở đầu cách nào.

- Em có chồng khác rồi à? - Lâm bất chợt hỏi nhỏ.



Nhàn khẽ gật đầu và im lặng. Lâm nghe đặng ở cổ họng, anh nhắm nháp tách trà và không nói gì thêm.

Phổ ky bưng hai tô mì ra. Hai người lặng lẽ ngồi ăn, không ai nói một lời nào, và cũng không nhìn nhau. Trông họ giống như hai người từ hai hành tinh khác tới đây và ngồi chung một bàn. Nhàn chỉ ăn nửa tô mì rồi ngưng lại, bỏ dở. Cô nhìn vắn vợ chung quanh rồi lại nhìn Lâm đang cúi đầu ăn.

Khi Lâm ăn hết tô mì và đặt đĩa xuống, Nhàn bắt đầu nói, rất nhỏ, giọng đều đều như không còn cảm xúc về một chuyện xảy ra đã quá lâu. Cô thuật lại mọi việc trong khi vắng mặt Lâm, và ngưng lại ở quyết định đem hai đứa con đi vượt biên với Thái.

Lâm ngồi nghe mà không nói gì cả. Không cả nhìn Nhàn. Anh nhìn xuống tách trà và không một phản ứng trên nét mặt.

Sau một lúc im lặng, Nhàn nói:

- Em định đem hai con đi vượt biên.

Lâm từ từ ngẩng lên, nhìn sâu và mắt Nhàn:

- Với cả thằng Việt cộng ấy à?

Nhàn gật đầu và hỏi:

- Anh có đồng ý để em đưa bé Tuấn đi và anh có muốn gặp nó không?

Lâm trầm ngâm một lát và trả lời:

- Em đưa nó đi, và cứ để nó coi như anh đã chết có lẽ hay hơn, dù anh rất muốn gặp con. Nhưng gặp nó trong hoàn cảnh này chắc chỉ tạo thêm đau khổ và rắc rối cho cả hai cha con.

Nhàn cúi mặt, dùng một đầu khăn tay chấm nước mắt. Một khoảng im lặng kéo dài giữa hai người trước khi Nhàn hỏi:

- Mấy năm qua, có bao giờ anh nghĩ em còn sống không?

Lâm khẽ thở dài và ngửa mặt nhìn trần nhà.

- Anh hỏi trời nhiều lần, và hứa cạo đầu cho đến bao giờ gặp lại vợ con. Anh mới ra khỏi trại cải tạo được vài tháng, và có lên Lái Thiêu hỏi thăm tin tức...

Nhàn cúi đầu, giấu mặt trong chiếc khăn tay, để mặt nước mắt tuôn ra. Khi cô hết nước mắt và ngẩng mặt lên thì Lâm đã biến mất.

Mấy người Trung Hoa kín đáo nhìn Nhàn và nói tiếng Tàu với nhau.



Nhàn trở về nhà, cố sống bình thường và chuẩn bị cho ngày ra đi. Cô không ngờ Lâm đã kín đáo theo dõi để biết chỗ ở của cô. Anh thường đạp chiếc xích-lô tới một chỗ khuất, quan sát những người ra vào ngôi nhà.

Lâm không rõ lắm anh làm như vậy với mục đích gì mà kết quả chỉ là sự dẫn vật, khổ đau của chính mình. Anh đã trông thấy Thái, kẻ thù của anh và đã chiếm đoạt vợ anh. Có những đêm ở ngoài nhìn vào ngôi nhà với ánh đèn ấm cúng. Lâm sôi gan lên, muốn xông vào bẻ cổ Thái nhưng chỉ lặng lẽ đạp xe về, uống vào mấy ly rượu để cho quên đời. Có những buổi chiều trông thấy Nhàn đi làm về, chải chuốt và khêu gợi trong chiếc áo dài, Lâm muốn vào nhà, giật phăng những gì che đậy tấm thân yếu điệu ấy và nói với Nhàn rằng cô vẫn còn là vợ của anh và anh vẫn còn yêu cô rồi quấn lấy nhau trong những cơn làm tình say đắm. Nhưng Lâm chỉ đứng như tượng đá và nuốt xuống đáy lòng mỗi hờn căm của kẻ thua bại. Anh đã nhìn thấy Lisa và thằng Tuấn, đứa con anh nay đã tám tuổi. Anh muốn ôm con vào lòng và nói với nó anh thương nó rồi đem nó tới một nơi không ai hay biết để cha con sống vợ chồng, nhưng cũng chỉ để nhận ra đó là một ý nghĩ ngông cuồng. Cuộc sống này dường như không còn gì dành cho Lâm, và đứa con của anh chắc cũng không có gì hãnh diện về cha nó và biết đâu nó chẳng nhìn anh một cách lạnh nhạt và từ chối tình cha con của anh.

Lâm tới lui ngôi nhà ở đường Tú Xương trong mấy tháng cho tới một buổi tối, anh thấy ngôi nhà tắt đèn tối om, cửa đóng im ỉm. Những ngày kế tiếp, cửa nhà vẫn đóng và đèn vẫn tắt cho đến một tuần sau có những người khác dọn đến ở. Lâm biết ba mẹ con Nhàn và Thái đã ra đi. Họ đã hoàn toàn cắt khỏi đời sống của Lâm. Anh đã thấm thía tất cả nỗi cay đắng của một tên lính bại trận.

Bốn lần bị thương, hơn nửa tá anh dưng bội tinh trên ngực, bây giờ phải cam chịu làm thân bại binh, sống cuộc đời lẩn khuất như một con chó hoang trước sự ngạo nghễ của kẻ thù và bị vợ con bỏ rơi, cái đầu trọc của Lâm có những lúc muốn nổ tung ra.

Từ hôm gặp lại Nhàn, dù gặp để mà mất, Lâm đã để tóc lại, nhưng tóc không mọc nhanh như những cảm nghĩ buồn đau trong đầu. Một buổi tối, Lâm tấp vào một quán "cà-phê đèn mờ" có "nhạc vàng". Để làm gì, không

biết.

Khách thưa vắng, hầu hết là thanh niên. Họ không có việc gì để làm. Họ để tóc dài. Họ không cạo râu. Họ ngồi im lìm trong ánh đèn mờ màu tím trông như những đạo sĩ đã lạc nẻo lên thiên đường. Những dòng nhạc điệu vơi êm nhẹ như vắng tới từ một quá khứ xa xăm đã mất tạo cho Lâm một cảm giác khó chịu hơn là vuốt ve, an ủi. Sau mấy bản nhạc tiền chiến lãng mạn và vài bản "nhạc vàng" bị cấm hát, chủ quán cho chơi một bài hát của Trịnh Công Sơn mới viết. Bài "Em ra đi nơi này vẫn thế".

Lâm lắng nghe vài đoạn rồi bực bội đứng lên định ra về. Một con gái, rất trẻ, bước tới, mỉm cười và nói nhỏ bên tai Lâm:

- Sao chú vội đi thế? Chú ngồi lại chút nữa đã.

Cô gái ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh Lâm, đưa mắt nhìn anh một cách tình tứ. Vẻ thơ ngây trong sự lẳng lơ của cô gái làm Lâm chú ý, và anh ngồi lại xuống ghế. Anh nhìn vào mắt cô gái như muốn tìm hiểu những bí ẩn đằng sau khiến cô gái bối rối nhìn xuống, lẩn tránh.

Lâm có cảm tưởng cô gái muốn nói với anh một điều gì trước khi anh bỏ đi.

- Chú... chơi cháu, đi chú!

Tiếng cô gái rất nhỏ, nhưng Lâm nghe như tiếng nổ của một quả bom nguyên tử. Anh kinh hoàng nhìn cô gái chỉ khoảng 15, 16 tuổi, vừa lúc cô gái cũng ngẩng lên, nhìn Lâm một cách sợ hãi như cũng vừa nhận ra sự ghê gớm của câu nói mà cô vừa thốt ra.

Một sự im lặng nặng nề kéo dài giữa hai người. Cuối cùng, Lâm là người lên tiếng trước:

- Cháu cần tiền lắm à?

Cô gái gật đầu, không nói.

- Để làm gì? - Lâm hỏi tiếp.

- Mua thuốc cho bố cháu.

- Bố cháu đau gì?

Cô gái ra vẻ suy tư một lát và sau khi đã lấy lại sự bình tĩnh, cô thở dài và nói:

- Bố cháu là thương phế binh ngụy. Một viên đạn còn kẹt nơi xương sống

khiến bố cháu bị liệt hai chân nhưng thường bị những cơn đau ghê gớm ở lưng. Bố cháu cần thuốc giảm đau mua ở chợ trời...

- Mẹ cháu làm gì?

- Trước khi mẹ cháu làm thợ may, nhưng nay thì mấy ai còn có vải để may quần áo?

- Cháu có anh em gì không?

- Cháu có hai đứa em trai. Chúng đi lang thang cả ngày nơi các bãi rác, lục tìm vỏ chai và bao ni-lông, nhưng vỏ chai và bao ni-lông thì ít mà người đi lượm thì nhiều...

Lâm nghe đặng và tắc nghẹn ở cổ họng. Anh đã từng thấy những cựu đồng đội què cụt của mình lê lết xin ăn trên các hè phố, đã từng nghe có những thương phế binh tự sát... Nhưng câu chuyện của cô gái này khiến Lâm bị xúc động mạnh. Anh tự hỏi: "Ta có thể làm gì để giúp?"

Lâm có thể đưa cho cô gái một ít tiền, nhưng còn những ngày sắp tới thì sao? Và cuộc đời của cô gái đáng thương này sẽ trôi về đâu? Anh moi túi, lấy hết số tiền kiếm được trong ngày đưa cho cô gái và hỏi:

- Cháu tên gì?

Cô gái cầm lấy tiền và nói lí nhí:

- Cảm ơn chú. Tên cháu là Tú Anh.

- Tên thật hay giả?

- Tên giả. - Cô gái ngập ngừng.

- Cháu có thể đưa chú về thăm bố cháu không? Chú cũng là lính ngự như bố cháu.

Cô gái cắn môi suy nghĩ và nói:

- Cháu sẽ đưa chú về gặp bố cháu, nhưng phải trưa mai, và chú hứa là không nói cho bố cháu biết chuyện xảy ra giữa chú và cháu tối nay. Và nhớ gọi cháu là Phượng. Trưa mai, 12 giờ cháu sẽ đợi chú ở đây.

Ngày hôm sau, đúng 12 giờ trưa Lâm tới quán "cà-phê đèn mờ" đã thấy Phượng đứng chờ ở ngoài cửa.

Nhà Trung sĩ Kiếm, cha của Phượng, nằm ở sâu trong một con hẻm lầy lội ở Xóm Chiếu. Trên chiếc giường gỗ ọp-ẹp trải manh chiếu cũ, Lâm thấy một người đàn ông nằm nghiêng quay mặt ra cửa, trên người chỉ có một

chiếc quần xà-lỏn, bộ xương sườn nổi rõ bên trong lớp da vàng ố. Ông ta chống tay phải xoay xở để ngồi dậy, tay trái bị cụt tới cùi chỏ. Hai chân bị liệt trông như được nhồi bông dính liền vào thân mình.

Lâm nói trong lúc Phượng chạy tới đỡ bố dậy:

- Xin anh cứ nằm nghỉ. Tôi là Lâm. Chắc cô Phượng đã cho anh biết lý do tôi tới đây.

Trung sĩ Kiểm ngồi dậy, nhăn mặt để nén cơn đau, nói giọng khàn khàn:

- Cám ơn anh. Cháu nó nói làm cho tổ hợp sản xuất mì sợi của anh và anh có lòng tốt giúp đỡ cho cháu nhiều. Nhờ có mấy viên Librium mới bớt đau không thì chịu không nổi. Trước đây anh ở đơn vị nào?

- Biệt Động Quân.

- Cấp bậc gì?

- Đại úy.

Trung sĩ Kiểm ngồi thẳng lưng, đưa tay chào kính theo kiểu nhà binh. Lâm ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh giường, nhìn Kiểm hồi lâu, óc tưởng tượng cố vẽ ra những hình ảnh một thời ngang dọc của người thương phế binh trước mặt.

- Anh là lính gì ngày trước?

- Mũ đỏ.

- Hèn nào. Anh bị thương trong trận nào?

- Trận cuối cùng ở Xuân Lộc. Tôi được đưa về Tổng y viện Cộng Hòa, vài ngày sau thì chúng nó vô đuối tất cả thương bệnh ra. Nhiều người đã chết vì không được tiếp tục điều trị. - Trung sĩ Kiểm nghiêng rãnh, nước mắt ứa ra, chảy thành hai hàng dài trên đôi má cốp làm nhô hai chóp xương lưỡng quyền nhọn - Thật tàn bạo hết sức. Tôi sống được là nhờ vợ con còn thương.

Lâm nhìn xuống đất, không nói gì. Anh không biết tình thương của vợ con Trung sĩ Kiểm có phải là điều tốt cho anh ta hay không, nếu anh ta biết được sự thật về những việc mà cô bé Phượng đã phải làm. Lâm thấy rõ sự bế tắc của mọi người, và của cả chính mình. Anh loay hoay tìm một lối thoát mà mọi ý nghĩ cuối cùng cũng chỉ đưa đến một con đường: vượt biên. Lý Thành, người bạn Hoa Kiều của Lâm, từ mấy tháng nay đang âm thầm

tổ chức một cuộc vượt biên. Năm trước, anh ta đã đóng một chiếc tàu ở Bến Tre để đăng ký ra đi bán chính thức. Tàu đã xong, lương thực và xăng dầu đã chuẩn bị sẵn sàng. Danh sách hành khách và mấy trăm lượng vàng đã được nạp cho Công an Bến Tre. Mọi người phấn khởi, chuẩn bị ra đi. Nhưng đến ngày nhổ neo ra khơi thì có lệnh từ Hà Nội đình hoãn tất cả các chuyến đi "bán chính thức". Có những chiếc tàu đã rời bến ra khỏi cửa biển cũng được lệnh dừng lại, thả neo chờ đợi. Mọi người được cho biết đây chỉ là lệnh tạm thời, và nên chờ đợi để sẵn sàng ra đi bất cứ lúc nào, khi có lệnh giải tỏa. Sáu tháng sau, vẫn không có lệnh giải tỏa. Những chiếc tàu neo ngoài khơi biển thành những nhà tù nổi. Hành khách tự động tìm cách trốn trở về đất liền. Có người đã chết trên tàu, và cũng có những đứa bé đã ra đời trên tàu.

Chiếc tàu của Lý Thành, cũng như những chiếc khác còn đậu ở bến, bắt đầu mục nát. Hàng ngàn "cây" vàng của hành khách đóng góp do chủ tàu nạp cho công an đã ra đi không bao giờ trở lại. Các cán bộ phụ trách vượt biên "bán chính thức" đã được điều động đi nơi khác. Nhiều chủ tàu phải bỏ trốn vì bị hành khách đòi lại vàng và thừa kiện.

Lý Thành phải bỏ nhà trốn ra Phan Thiết nhờ làm đại lý phân phối nước suối Vĩnh Hảo. Nhà máy sản xuất nước suối Vĩnh Hảo ở Phan Thiết đã bị kiểm kê từ tay một tư sản Hoa Kiều và trở thành quốc doanh nhưng vẫn phải cần đến hệ thống phân phối lâu năm của Lý Thành ở Sài-Gòn. Khéo léo xã giao và chịu bỏ tiền mua chuộc, Lý Thành đã trở thành bạn của Huỳnh Điền, một cựu công nhân nhà máy la-ve ở Sài-Gòn tập kết ra Bắc nay trở về làm giám đốc nhà máy sản xuất Nước Suối Vĩnh Hảo. Núp bóng Huỳnh Điền và công việc phân phối nước suối, Lý Thành âm thầm tổ chức một chuyến vượt biên từ Phan Thiết.

Lâm đã ngưng đạp xích-lô từ mấy tháng nay để giúp Lý Thành điều hành cửa hàng phân phối nước suối ở Chợ-Lớn. Lý Thành rủ Lâm cùng vượt biên vì tình bạn, và cũng vì anh ta không tìm được người lái tàu. Lâm tuy không phải Hải quân nhưng biết lái tàu và xem hải bàn vì xuất thân từ một gia đình đánh cá ở Phan Rang, rất quen thuộc vùng Biển Đông. Lâm chưa dứt khoát trả lời Lý Thành vì ngại phải sống cuộc đời tui nhục của một tên

lính bại trận ở nước ngoài. Từ ngày Nhàn đem 2 đứa con đi với một cán bộ Việt Cộng, Lâm càng thêm chán đời và càng không muốn mạo hiểm ra đi. Nhưng từ lúc gặp Phượng với cái tên giả "Tú Anh", và nhất là khi chứng kiến tận mắt cảnh ngộ đau thương của người đồng đội tàn phế, Lâm thấy cần phải ra đi, ít nhất thì cũng cứu được cuộc đời cô gái đáng thương và có thể giúp cho Kiểm một cách thực tế hơn. Chỉ khi nghĩ đến người khác, người ta mới tìm thấy lẽ sống cho chính mình.

Lâm cho Lý Thanh biết quyết định của mình và đi tìm một chiếc hải bàn ở chợ trời, học hỏi thêm về bờ biển của các nước ở Đông Nam Á.

Một buổi tối, Lâm tới quán cà-phê đèn mờ, thì thầm nói với Phượng:

- Cháu có muốn đi chui với chú không?
  - Chui... xuống lỗ hả chú? - Phượng hỏi lại với giọng khô hài vì không tin
- Lâm nói chuyện vượt biên một cách đứng đắn.
- Không, đi vượt biên thật. Chú sẽ đưa cháu đi.
  - Nhưng, cháu làm gì có "cây"?
  - Không cần "cây". Chú lái tàu cho người ta, và chú đem cháu đi...

Phượng bắt đầu hiểu đây không phải là một câu chuyện trong giấc mơ. Cô bé nhìn Lâm trong cơn xúc động mạnh, và ngập ngừng nói:

- Nhưng mà... thay vì cho cháu đi, chú có thể đem một trong đứa em trai của cháu đi được không? Cháu thương chúng nó và cũng không xa bố cháu.
- Không. Chú muốn giúp chính cháu. Chú muốn đưa cháu ra khỏi nơi này ngay. Sau này, nếu đi thoát được thì cháu sẽ giúp đỡ gia đình cháu.

Phượng cúi đầu, căn môi suy nghĩ hồi lâu rồi ngẩng lên hỏi:

- Bao giờ "đánh" hả chú?
- Nội trong tháng này. Cháu nhớ tuyệt đối không tiết lộ chuyện này với ai.
- Kể cả bố mẹ cháu?
- Cháu có thể nói với bố mẹ cháu, nhưng chỉ một ngày trước khi đi.

Sau đêm hôm ấy, thỉnh thoảng Lâm ghé vào quán cà-phê đèn mờ để cho Phượng biết các tiến triển của tổ chức vượt biên. Một buổi tối trời mưa lớn, Lâm ghé vào quán lúc vắng khách. Không thấy Phượng đâu, Lâm ngồi xuống một chiếc ghế và lấy thuốc lá ra hút.

Một cô gái ngồi nói chuyện với khách nơi một chiếc bàn trong một góc đưa lưng lại phía Lâm. Anh biết không phải là Phương, nhưng dáng người cô gái tạo cho Lâm một cảm giác quen quen khiến anh chăm chú nhìn.

Bỗng cô gái quay mặt lại. Bốn mắt gặp nhau, và cả hai cùng sững sờ bất động. Cô gái trước mặt Lâm rõ ràng là Lisa mà anh đã kín đáo quan sát nhiều ngày trước khi cô bé theo mẹ đi vượt biên. Có lẽ Lisa cũng đã nhận ra Lâm vì anh không thay đổi bao nhiêu sau mấy năm không gặp.

Sau một phút ngập ngừng, Lisa chạy lại phía Lâm và Lâm cũng đứng vụt dậy, đưa hai cánh tay về phía cô gái lai Mỹ với thân hình nẩy nở hơn những cô gái Việt cùng tuổi. Lisa níu chặt lấy hai cánh tay Lâm như để tin chắc đây là sự thật, hay sợ Lâm biến mất như một bóng ma.

Lâm lên tiếng trước trong khi Lisa còn nghẹn lời trong cơn xúc động.

- Lisa làm ở đây à?

- Con mới làm ở đây được hai ngày.

Lâm đỡ Lisa ngồi xuống ghế, hỏi nhỏ:

- Không đi được à?

- Đi đâu ạ?

- Đi vượt biên.

- Sao bố biết?

- Chuyện dài lắm. Mẹ và em Tuấn ở đâu?

- Ở gần đây. Lát nữa con sẽ đưa bố về.

- Đưa bố về làm gì? Mẹ có chồng khác rồi mà.

Lisa có vẻ lúng túng vì không ngờ Lâm đã biết hết mọi chuyện. Cô nói sau vài phút suy nghĩ:

- Chú Thái không còn nữa. Chú chết trong lúc bắn nhau với công an ở bãi vì bị phản. Bố về với mẹ đi. Mẹ khổ lắm.

Lâm không biết phải hành động ra sao trước cái tin bất ngờ Lisa vừa cho biết. Lisa khẩn khoản:

- Bố về với mẹ đi. Mẹ và hai đứa con bị tù mấy tháng mới được về một tuần nay. Không có nhà phải ở ngoài vỉa hè. Em Tuấn đang bị nóng lạnh và ói mửa.

Lâm không còn chọn lựa nào khác. Anh theo Lisa tới "nhà" của ba mẹ con



Nhàn. Một cái mái làm bằng ván ép cũ và những tấm giấy thùng dựa vào vách tường một cao ốc trong con đường hẻm tráng xi măng. Nơi đây là khu sinh tồn của những người từ vùng "kinh tế mới" trở về, người vượt biên thất bại, người từ các miền quê đói rách chạy lên thành phố tìm sống... Những con thú hoang bên lề một xã hội đang tiến dần tới bờ vực thẳm.

Nhàn không có một phản ứng nào trước sự xuất hiện bất ngờ của Lâm. Giống như một người đang sắp chết đuối đã chống chọi hết sức mình với con nước lớn, giờ đã kiệt lực buông trôi.

Lâm gọi một chiếc xích-lô đưa Tuấn tới nhà một người quen, một bác sĩ quân y vừa đi cải tạo về. Ông ta khám cho thằng bé, cho nó uống hai viên thuốc và nói:

- Cháu chỉ bị cảm thôi. Tôi sẽ viết cho cháu một cái toa - ấy chết, vẫn còn quen mồm, dù đã đi học tập cải tạo mấy năm. Tôi sẽ viết vài tên thuốc và anh ra chợ trời mua cho cháu uống. Bây giờ có phác-ma-xi đâu và tôi cũng có phòng mạch đâu mà toa với tiếc. Khéo lại bị bắt đi học tập tiếp...

- Nhưng bác sĩ cũng vẫn còn cái bao tử. Vậy xin cho tôi được gửi tiền khám bệnh cho cháu.

- Tôi đã nói là tôi không có phòng mạch và không được hành nghề y sĩ. - Ông bác sĩ cười chua chát - Nghề của tôi bây giờ là bơm mực bút bi dưới gốc cây me ở ngoài đầu ngõ. Nếu anh có cái bút bi nào bị khô mực, đem tới đó tôi bơm cho và sẽ tính tiền.

Cả hai cùng cười và bắt tay nhau, tự hỏi tại sao họ lại cười. Người Việt Nam chỉ cười trước những cảnh ngược ngạo của cuộc đời.

Lâm đưa ba mẹ con Nhàn về căn nhà của Lý Thành trong Chợ Lớn. Một căn phố hai tầng lầu khá rộng. Tầng trệt dùng làm cửa hàng phân phối nước suối, hai tầng trên để ở. Lý Thành đã đưa vợ con ra Phan Thiết, thỉnh thoảng mới về ở một hai ngày.

Nhàn cảm thấy không khác gì được kéo lên khi đã chìm xuống đáy nước. Cô đi theo Lâm như trong một cơn mộng du, hay một người câm, cử động không còn tri giác.

Quá nửa đêm, hai đứa con đã ngủ say, Nhàn vẫn còn ngồi ở một góc phòng,



yên lặng như đã biến thành tượng đá. Lâm nhẹ nhàng bước tới, ngồi xuống bên cạnh Nhàn, đặt một bàn tay lên vai cô khiến cô khẽ rùng mình.

- Anh sẽ đưa em và hai con đi khỏi nơi này - Lâm nói nhỏ bên tai Nhàn.

- Anh đưa Tuấn và Lisa đi. Để em ở lại. - Nhàn đáp lí nhí.

- Sao vậy?

- Anh biết tại sao. Em không còn xứng đáng với anh. Em ghê sợ ngay chính bản thân em, và em không muốn sống bằng sự từ thiện của người khác.

- Anh có cảm tưởng đang nghe em nói những chuyện ở một xã hội nào khác. Cái xã hội ấy đã chết rồi. Xã hội của những con người liêm sĩ, xã hội của tôn ti trật tự, lễ nghĩa. Ngày nay, không ai có quyền xét đoán và kết tội ai. Nếu cần xét đoán, chính anh mới là kẻ có tội. Một người lính đã không làm tròn nhiệm vụ với đất nước, với dân tộc. Em cũng như bao nhiêu người khác, chỉ là những nạn nhân. Anh cảm phục và nhớ ơn tất cả những gì em đã làm cho con của anh. Hãy bỏ lại sau lưng những gì không còn thay đổi được. Mình hãy đem các con ra đi. Sống cùng sống, chết cùng chết với nhau. Anh yêu em, hiểu em và thương em...

Lâm quàng tay, ôm Nhàn.

Một lần nữa, Nhàn lại nhận ra mình đang khóc, như chưa bao giờ được khóc...

**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 7**

Kế hoạch vượt biên của Lý Thành rất táo bạo. Anh ta đã chọn đúng đêm 30-4 để ra khơi, sau khi đem vợ con, bạn bè ra Vĩnh Hảo dự tiệc do Giám đốc Huỳnh Điền khoản đãi để kỷ niệm "Đại thắng Mùa xuân" và mừng nhà máy nước suối sản xuất vượt chỉ tiêu.

Huỳnh Điền ngả một con bê để làm tiệc đãi tất cả công nhân viên nhà máy Vĩnh Hảo và cơ sở phân phối nước suối ở Sài-Gòn. Lý Thành đã lợi dụng dịp này để ra khơi vì có lý do đưa nhiều người ra Vĩnh Hảo mà không bị nghi ngờ. Ngoài ra, đây còn là thời gian bế yên sóng lặng nhất trong năm trên vùng Biển Đông. Thêm vào đó, Công an và Biên phòng sẽ lơ là trong việc canh gác vì bận liên hoan, tiệc tùng. Giờ chót Lý Thành còn được tin sẽ có một buổi chiếu bóng ngoài trời tại xã Vĩnh Hảo với cuốn phim tình báo Tiệp Khắc "Trên từng cây số" mà chắc chắn bọn công an sẽ tụ tập để xem tới khuya.

Lý Thành quyết định sẽ "đánh" sau khi dự tiệc tại nhà máy nước suối và trước khi vãn buổi chiếu bóng. Anh ta cũng cảm thấy áy náy cho cảnh ngộ của Huỳnh Điền trước việc sáng mai thức dậy, tất cả các người khách quý từ Sài-Gòn ra đã biến mất trong đêm tối, không một lời từ biệt.

Đây không phải là cách cư xử của những người tử tế, có văn hóa. Nhưng, xã hội này đã biến thành vô văn hóa và hầu như không còn ai tử tế với ai. Các nguyên tắc đạo lý được mọi người tự ý miễn trừ, coi như đang bị dày ải trong một trại tù mà người ta có quyền làm mọi điều để thoát ra. Hay từ trong thâm tâm, người dân miền Nam vẫn phân biệt bạn thù, và có lối cư xử khác đối với kẻ thù. Vì vậy, Lý Thành, một con người rất biết điều, rất biết cư xử, đã âm thầm đánh lừa Huỳnh Điền, một ân nhân của mình, để tổ chức một cuộc vượt biên trước mũi của y.

Huỳnh Điền không hay biết gì cả, bận rộn tổ chức liên hoan chiêu đãi lớn hơn mấy năm trước vì vừa xây cất xong một nhà sinh hoạt cho công nhân viên nhà máy, với một hội trường đủ chỗ cho hai trăm người và một phòng

đọc sách ở trên lầu. Ông ta rất hãnh diện với thành tích ấy, và lại nuôi được một bầy bò sáu con để bồi dưỡng cho công nhân viên.

Trong cảnh bế tắc và suy sụp của nền kinh tế "quá độ" trên toàn quốc, nhà máy nước suối Vĩnh Hảo là một trong số rất ít cơ sở sản xuất còn tiếp tục hoạt động thu lợi, nhờ nước suối là một sản phẩm thiên nhiên, và cũng do tài xoay xở của Huỳnh Điền.

Khi còn chiến tranh, nước suối Vĩnh Hảo là một xí nghiệp nhỏ nằm trong một vùng mất an ninh của tỉnh Phan Thiết, chỉ hoạt động cầm chừng và bị các loại nước suối nhập cảng đánh bật trên thị trường tiêu thụ. Khi Huỳnh Điền tới tiếp thu, nhà máy đang đóng cửa, chủ nhân bị kết tội "tư sản mại bản" phản động và bị bắt giam. Các nhân viên lâu năm người địa phương cố giúp phục hồi nhà máy nhưng không thể sản xuất, dù nước suối có sẵn dưới giếng để được bơm lên. Huỳnh Điền được công nhân cho biết muốn làm thành một chai nước suối để cung cấp cho thị trường, còn cần phải có chai, có nắp khoén, cần có hơi CO2 để nước cuối xúi bọt khi mở ra, và cũng được các công nhân chỉ vẽ nên vào Sài-Gòn tìm Lý Thành, thay vì báo cáo cho Bộ Công Nghiệp Nhẹ ở Hà-Nội. Hơn ai hết, Huỳnh Điền biết rằng Đảng có rất nhiều Ak-47, B-40... nhưng không có chai, nắp khoén... và không biết gì về việc sản xuất nước suối.

Khi ấy, Lý Thành đang thất nghiệp ở Chợ Lớn và được Ủy ban Nhân Dân phường khuyến khích đưa vợ con đi vùng kinh tế mới. Được đồng chí giám đốc nhà máy nước suối Vĩnh Hảo ngồi ô-tô con hiệu Peugeot 404 bắt ngờ tới thăm và mời hợp tác làm ăn, Lý Thành có cảm tưởng như đã gặp một ông tiên với cây đũa thần trong truyện cổ tích. Ngay ngày hôm sau, anh ta đã chễm chệ ngồi xe cơ quan nhà nước với cán bộ cách mạng ra Phan Thiết mà không cần xin phép công an. Và chỉ trong vòng hai tuần lễ, cái máy đóng chai nước suối già 20 năm lại tiếp tục sản xuất mà chính Lý Thành nắm quyền phân phối đi toàn quốc.

Dĩ nhiên là đồng chí Huỳnh Điền rất hãnh diện báo cáo lên thượng cấp thành tích khắc phục khó khăn của mình, và đã được nhiệt liệt khen thưởng. Lý Thành cũng rất vui mừng vì không những khỏi bị đi vùng kinh tế mới mà còn có công ăn việc làm, kiếm ra tiền, và được làm bạn với cán

bộ cách mạng. Anh ta tặng Huỳnh Điền một chiếc xe Honda gắn máy, và được tin cậy như người trong nhà. Lý Thành rất khôn ngoan. Anh ta đầu tư vào tình bạn với Huỳnh Điền hơn là tiêu xài tình bạn ấy. Anh ta để Huỳnh Điền mắc nợ mình hơn là lợi dụng hay nhờ cậy những việc không đáng nhờ.

Huỳnh Điền đã ngoài 50 tuổi nhưng vẫn còn độc thân, và sống trong một căn phòng ở ngay tại khu vực nhà máy. Đôi khi trong lúc nói chuyện tâm tình với Lý Thành, Huỳnh Điền thú thật chưa học hết "lớp ba trường làng" vì nhà rất nghèo và nhờ theo cách mạng mà có ngày hôm nay. Ông ta đã bỏ một làng quê thuộc tỉnh Bình Định vào Sài-Gòn làm công kiếm sống và đã được móc nối vào Đảng từ năm 16 tuổi, đã sống sót qua hai cuộc chiến tranh với quân hàm thượng úy. Huỳnh Điền được cử tiếp thu nhà máy nước suối Vĩnh Hảo có lẽ vì số kỹ sư ít ỏi ở miền Bắc không đủ để cung cấp cho cái xí nghiệp nhỏ ở nơi khỉ ho cò gáy ấy, và có lẽ cũng vì Huỳnh Điền có chút kinh nghiệm về sản xuất nhờ trước khi có súc chai ở nhà máy bia tại Sài-Gòn và có làm việc tại xí nghiệp thuốc lá Thăng Long ở Hà Nội một thời gian khi tập kết ra Bắc. Chính Huỳnh Điền cũng cười, thú thật với Lý Thành "chẳng biết mô tê" gì cả về nước suối, nói gì đến điều khiến một nhà máy sản xuất nước suối. Nhưng Đảng chỉ đâu thì đánh đấy.

Thật ra, Lý Thành cũng cảm thấy có một tình bạn nảy nở với Huỳnh Điền nhưng đồng thời anh ta vẫn thấy rõ bức tường ngăn cách giữa hai người, mặc dù nó vô hình. Lý Thành linh cảm việc hợp tác làm ăn với cách mạng sẽ không kéo dài và chiếc máy đóng chai nước suối nhập cảng từ Tây Đức năm 1956 đang chạy ì-ạch không biết sẽ nằm liệt lúc nào. Vì vậy, sau khi tổ chức ra đi "bán chính thức" thất bại, Lý Thành đã quyết định lợi dụng lòng tin của Huỳnh Điền để âm mưu một cuộc "đi chui".

Anh ta đã móc nối được với một người có chiếc ghe đánh cá ở Phan Rang - một chiếc ghe gỗ dài 15 thước có gắn máy Yanmar "ba đầu bạc" có thể chạy tới Phi Luật Tân. Hàng ngày, chiếc ghe này vẫn được đi biển đánh cá nhưng chỉ được cung cấp dầu đủ chạy trong một ngày và bị kiểm soát chặt chẽ mỗi khi ra khơi mà chỉ có các ngư phủ được phép lên tàu. Muốn dùng chiếc tàu này để vượt biên sẽ phải có một kế hoạch với những chi tiết tỉ mỉ

mà quan trọng nhất là một bãi đáp bí mật để chôn dàu và bốc khách. Sau mấy tháng nghiên cứu, Lý Thành đã chọn cái bờ biển được gọi là Vực Sút ở ngay trước mặt nhà máy nước suối để làm bãi đáp.

Điểm lợi của Vực Sút là nó vắng vẻ, xa các xóm nhà, ít người lui tới và chưa có ai dùng nơi này để làm bãi đáp, có lẽ vì nó nằm khá xa quốc lộ và đường ra bờ biển khó khăn, phải đi bộ khoảng một cây số băng qua một khu rừng cây thấp. Nhưng đây lại chính là yếu tố khiến Lý Thành chọn địa điểm này vì không ai ngờ, nó lại không xa với nhà máy nước suối và anh ta đã thuộc đường sau vài lần giả vờ ra tắm biển.

Lê Sang, người chủ chiếc ghe đánh cá, đồng ý với kế hoạch của Lý Thành, kể cả ngày giờ xuất quân. Thế là kế hoạch được âm thầm tiến hành.

Ngày 29-4, Lý Thành đưa vợ con và khách Sài-Gòn ra Vĩnh Hảo, gồm có gia đình Lâm và một số người bạn thân đã quyết tâm làm một chuyến ra đi không bao giờ trở lại. Họ được Huỳnh Điền tiếp đón niềm nở và không nghi ngờ gì về sự có mặt của mấy đứa trẻ, khi Lý Thành giải thích: "Mấy đứa nhỏ muốn nhân dịp này để được tắm nước suối. Để gì, trước đây chỉ có các quan lớn mới được vô đây ngâm mình trong nước suối Vĩnh Hảo. Bây giờ đúng là nhân dân làm chủ." Huỳnh Điền đáp lại bằng một cái cười hãnh diện, phô ra mấy chiếc răng vàng mới làm.

Hồ tắm nước suối nằm về phía trái trong khu vực nhà máy từ cổng vào, và được lát gạch men như hồ bơi của một nhà giàu, nhưng đây là một bể bơi duy nhất tại Việt Nam với nước suối khoáng chất thiên nhiên ấm khoảng 40 độ được bơm thẳng từ mạch ngầm dưới lòng đất lên. Ngâm mình trong hồ, người ta cảm thấy sáng khoái, phục hồi sinh lực và nghe đồn chữa được bệnh phong thấp. Ngoài bể bơi lộ thiên còn có mấy phòng tắm riêng biệt với bồn chứa nước suối để ngâm mình hàng giờ cho cơ thể được mơn trớn với làn nước ấm và khoáng chất thấm sâu vào trong những tế bào. Quả thật trước đây, ngoài công nhân viên nhà máy, chỉ có vua chúa, quan quyền mới được ngâm mình trong hồ tắm ở nhà máy nước suối Vĩnh Hảo, nên đám thuyền nhân tương lai đã không bỏ lỡ cơ hội thường thức thú tắm nước suối để tăng cường sinh lực trước khi mạo hiểm làm một cuộc viễn du đi tìm tự do.

Mấy đứa trẻ thích thú vừa tắm vừa chơi đùa trong hồ nước suối mà không biết rằng đêm mai chúng sẽ bỏ đất nước này để ra đi vào một nơi vô định. Người lớn thì ngâm mình trong những bồn nước suối, thả hồn theo giấc mơ tự do pha lẫn những bản khoan mà cuộc vượt biên đang chờ đợi họ.

Riêng Nhàn đá không xua đuổi nổi ra khỏi đầu những hình ảnh khiếp đảm của cuộc vượt biên thất bại mà cô đã đưa hai đứa con ra đi với Thái. Sau chuyến đi kinh hoàng ấy, Nhàn đã sợ hãi không dám nghĩ đến chuyện vượt biên nữa, nhưng cô không còn nơi nào để sống trên đất nước này và không có khả năng để quyết định làm một điều gì khác, ngoài việc ngoan ngoãn đi theo chồng. Lâm không khác nào một cứu tinh đã xuất hiện đúng lúc để cứu ba mẹ con Nhàn ra khỏi đường cùng, nhưng cô cũng nhận thấy rõ đã có một xa cách không thể lấp đầy giữa hai người. Cô bị ám ảnh, day vò nặng nề về việc ăn ở với Thái và về cái chết của Thái, dù Lâm tỏ ra rất hiểu biết và không bao giờ nhắc lại giai đoạn ấy trong cuộc đời của Nhàn. Cô thường tránh, không dám nhìn thẳng vào mắt chồng vì bị đè nặng bởi mặc cảm có tội.

Ngâm mình trong bồn nước suối ấm, Nhàn cảm thấy thật dễ chịu và ước gì được nằm đây mãi, trong bồn bức tường phòng tắm nhỏ bé này, trút bỏ mọi thứ trên người, thoát khỏi những bi lụy của cuộc đời quá nhiều bão tố. Cô lim dim mắt mơ màng thả hồn theo những ý nghĩ mông lung. "Phải chăng ta đang có thứ tự do tuyệt đối trên đất nước đạo đầy khi trốn vào căn phòng nhỏ hẹp này, với làn nước trong xanh ấm áp, với thân thể trần truồng, thoát khỏi mọi áp bức, tàn bạo... Và, ngày mai xuống thuyền ra khơi với bao bất trắc, ta sẽ có thứ tự do nào? Ôi, Tự Do! Mi là gì? Hình thù mi ra sao?..." Nhàn mơn trớn thân thể mình trong làn nước ấm, nhưng cô không cảm thấy những rạo rức trên làn da đáng lẽ còn phải tràn đầy sức sống ở tuổi gần bốn mươi. Dường như mọi tế bào đang chai lạnh dần sau cái chết của Thái. Từ ngày trở lại sống với Lâm, mỗi khi ăn nằm với nhau Nhàn chỉ coi như một hành động chiều chồng. Cô không cảm thấy thích thú trong việc chăn gối mà cô nghĩ rằng mình đang đi dần đến tình trạng lãnh cảm. Nhàn lo sợ nghĩ đến cuộc sống chung với Lâm trong những ngày còn lại trên đất lạ quê người, nếu may mắn đi thoát.

Đã có quá nhiều biến động xảy đến với gia đình nhỏ bé của Nhàn từ ngày được gọi là hòa bình. Nhàn tự hỏi việc trở về của Lâm, cái chết của Thái, phải chăng là sự sắp xếp của một bàn tay vô hình nào đó cho một câu chuyện "gương vỡ lại lành", mở đầu cho một cuộc đời khác trên một đất nước khác tốt đẹp hơn; hay cũng chỉ là khởi đầu cho một thảm kịch khác? Nhàn sợ hãi và thậm chí khẩn nguyện cho việc ra đi được bình an.

Thật ra, Nhàn không lo sợ nhiều cho bản thân mình. Nếu phải chết trong cuộc vượt biên gian truân này, cô cũng không có điều gì phải ân hận. Nhưng hai đứa con là những báu vật mà cô đã quyết định đưa chúng vào một cuộc mạo hiểm may ít rủi nhiều. Nếu có sự bất hạnh nào xảy ra cho những đứa trẻ ngây thơ này, ai là người chịu trách nhiệm? Cha mẹ chúng, hay những kẻ đã tạo ra tấn bi kịch cho cả dân tộc này? Nhàn nghĩ đến mấy triệu người đã chết trong cuộc chiến dài gần ba thập niên, đến hàng trăm ngàn người đã bỏ xác trên rừng sâu, trong lòng biển sau khi chiến tranh chấm dứt. Đây không phải là những bi kịch cá nhân mà là bi kịch của một dân tộc. Một bi kịch rất dài và chưa có màn chót. Cả một dân tộc đang là những con chuột để thí nghiệm cho một học thuyết viễn vông được du nhập bởi những tên học trò ngu dốt nhưng quý quái và điên.

Trên đường từ Sài-Gòn ra Phan Thiết, Nhàn đã được nghe những câu chuyện của từng người đồng hành trên xe. Những câu chuyện khác nhau, nhưng họ đều giống nhau một điều: bỏ lại tất cả gia tài, của cải để đi tìm tự do trong gian nguy. Tự do quý hơn tài sản, hơn sự an toàn.

Người duy nhất trên xe không nói gì là Phượng, nhưng Nhàn đã biết rõ tấn bi kịch của cô gái này do Lâm kể lại trước ngày ra đi và muốn Nhàn coi như người trong gia đình. Lâm không yêu cầu thì Nhàn cũng đã thực sự coi Phượng như người ruột thịt khi gặp nhau lần đầu và nghe Phượng nói: "Cuộc đời của cháu đã mất rồi, cô ạ. Cháu ra đi là vì người khác."

Đêm hôm ấy, mọi người ngủ trong căn nhà nằm bên ngoài nhà máy do Lý Thành xây cất dưới danh nghĩa là cơ sở của "Tổ Sản-xuất Cát Lồi", một phó sản của nước suối Vĩnh Hảo, được phép hoạt động do sự đỡ đầu của Huỳnh Điền. Công an địa phương không kiểm soát những người tới lui căn nhà này vì nó nằm trong khu vực xí nghiệp Nước suối Vĩnh Hảo, và Huỳnh



Điền không bao giờ thắc mắc về những người từ Sài-Gòn ra mà Lý Thành giới thiệu là tổ viên Tổ Sản-xuất Cát Lồi. Hôm nay Huỳnh Điền càng không thắc mắc vì họ là khách được ông ta mời và càng không thể ngờ đây là đêm cuối cùng của họ trên đất nước này.

Tối 30-4, sau mấy ngày bận rộn tổ chức tiệc tùng, Huỳnh Điền đi ngủ sớm. Lý Thành nói cho bảo vệ nhà máy biết sẽ chở những người khách Sài-Gòn ra xã Vĩnh Hảo xem chiếu bóng. Tối giờ xuất quân, mọi người lên hai chiếc xe vận tải nhẹ của cơ sở phân phối nước suối chạy ra Quốc lộ 1, quẹo trái về phía xã Vĩnh Hảo, nhưng đi được một đoạn thì rẽ vào con đường mòn đưa xuống Vực Sút. Lý Thành lái chiếc xe đi trước, Lâm lái chiếc xe kia thận trọng theo sau. Tối đoạn đường không còn dùng xe được, họ giấu hai chiếc xe vào một lùm cây, gỡ bỏ bảng số để công an mất đầu mỗi điều tra, và mọi người xuống xe đi bộ.

Trời đêm tối đen không trăng sao. Đoàn người mò mẫm đi, người nọ sau người kia. Đàn ông xách những thùng đựng nước ngọt và thực phẩm ăn đường, phụ nữ dắt hay bồng bế trẻ em. Đường dốc và khó đi, có người trượt ngã nhưng không một tiếng kêu la. Mọi người đều im lặng bước đi như những bóng ma. Mặt biển mênh mông đen ngòm hiện ra lơ mờ trước mặt không làm những người đi tìm tự do sợ hãi nhưng lại có sức quyến rũ mãnh liệt khiến họ háng hái thêm.

Tối gần bờ biển, Lý Thành dừng lại và chỉ dẫn cho mọi người ẩn núp vào những lùm cây rồi lấy ra một chiếc đèn pin, hướng ra bờ biển bấm hai chớp ngắn và hai chớp dài. Từ một lùm cây cách đó không xa có ánh đèn pin đáp lại bằng hai chớp dài rồi hai chớp ngắn - mật hiệu đã đồng ý trước để nhận ra nhau. Đây là toán khách người địa phương, trong đó có vợ con Lê Sang, chủ tàu. Lý Thành nhanh nhẹn tới gặp những người này rồi huy động vài người đàn ông khoẻ mạnh đi lấy dầu. Mấy tuần trước, anh ta đã chờ lúc vắng người chôn giấu dần mười hai can dầu trong những bụi cây kín đáo. Theo kế hoạch, dầu phải được đào lên sẵn sàng trước khi tàu đến để có thể ra khơi nhanh chóng.

Mọi việc có vẻ diễn ra lớp lang đúng theo kế hoạch.



**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 8**

Nhàn hồi tỉnh trong một bệnh viện ở thành phố Trenganu của Malaysia. Cô mở mắt và trông thấy Lisa trước mặt, khi mờ khi rõ, khi xa khi gần. Nhàn không có cảm giác rõ rệt là đang ở đâu. Trên trần thế hay cõi âm ti. Khi nghe tiếng kêu mừng rỡ "Mẹ!", Nhàn bóp nhẹ bàn tay Lisa để tin chắc là không nằm mơ. Bỗng cô chồm dậy, thảng thốt hỏi:

- Còn thằng Tuấn? Bé Tuấn đâu?

- Em Tuấn ở với chị Phượng trong trại tị nạn. - Lisa trả lời.

Nhàn để một tay lên ngực, cảm ơn Phật Trời, và lại ngã xuống giường, vừa vui mừng vừa đau khổ. Trong óc cô hiện ra hình ảnh Lâm nhấp nhô và chìm xuống giữa biển khơi, lẫn lộn với khuôn mặt mừng rỡ của Lisa. Nhàn nhắm mắt, cố thở đều và giữ bàn tay êm mát của Lisa, để tâm hồn chìm đắm trong một biển cảm xúc lôi kéo con người về nhiều hướng khác nhau. Vui, buồn, hạnh phúc, đau khổ - cảm giác nào cũng lên tới đỉnh cao.

Mấy hôm sau, Nhàn bình phục và được đưa về trại tạm trú ở Trenganu rồi di chuyển ra đảo Bidong cùng với hai con và Phượng.

Bidong, một hoang đảo nhỏ trước đây không có người ở, nay đã trở nên một thành phố của lều trại với một dân số khoảng mười ngàn thuyền nhân, một thiên đường trong giấc mơ của hàng triệu người Việt Nam khao khát tự do đang tìm đường ra đi. Người tị nạn ở đây từ vài tuần tới hàng năm để được một nước nhận cho đi định cư. Tuy đời sống ở đây chỉ là tạm bợ, mọi người như không muốn bỏ phí một ngày nào của tự do mà họ đã bị tước đoạt từ lâu ở quê nhà. Người Việt Nam từ mọi nơi trên đất nước gặp nhau ở đây mau chóng làm quen với nhau, thân thiết với nhau, và cả yêu nhau. Họ sống như chưa bao giờ được sống, họ bận rộn hoạch định tương lai nhưng cũng không bỏ phí hiện tại. Nào tiệm may, tiệm hớt tóc làm đầu, quán cà-phê, quán nhạc, tiệm ảnh, tiệm bán đồ thủ công, kỷ niệm, phòng đọc sách... Cái thành phố tí hon nhưng đời sống lúc nào cũng nóng bỏng, tấp nập, trừ giờ giới nghiêm. Hàng ngày, cứ lớp này đi thì lớp khác lại

đến. Nhịp sống nơi đây quay rất nhanh với những hợp tan, với những tiếng cười xum họp và những giọt nước mắt chia ly.

Tối Bidong được một ngày, trưa hôm sau trong lúc đang lo quét dọn túp lều nhỏ của một gia đình vừa rời đảo nhường lại, Nhân được một phóng viên Mỹ tìm đến phỏng vấn. Một gã hippy với hàm râu xồm, mái tóc bù xù và một cái áo sơ-mi ngắn tay có in hình những bông hoa nhiệt đới. Nhưng anh ta rất lịch sự, lễ phép mở đầu:

- Chào bà Phan. Tôi là Jimmy Walker, phóng viên của hãng tin ABC. Tôi được biết bà đã trải qua một cuộc vượt biển ly-kỳ nên muốn xin một cuộc phỏng vấn.

Nhân ngừng tay quét rác, chống cán chổi trả lời:

- Tôi sợ ông sẽ thất vọng vì cuộc vượt biển của tôi không có gì ly-kỳ cả, và chắc ông đã biết những gì xảy ra. Một thảm kịch. Thế thôi.

Walker lấy trong chiếc túi da ra một tấm hình và đưa cho Nhân:

- Thừa bà Phan, đây là tấm ảnh của bà mà một nhiếp ảnh viên của chúng tôi đã chụp được ngày hôm qua.

Nhân đưa tay cầm tấm ảnh và nhìn mặt nhìn. Đúng là ảnh của cô lúc đang đứng trên bờ biển, bên cạnh con tàu Blue Dart của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc để chờ đi Bidong, mái tóc bay trong gió, đôi mắt nhìn dõ ra biển khơi trông buồn vời vợi.

- Đôi mắt của bà trong tấm ảnh thật là đặc biệt. - Walker nói - Nó huyền bí như cái nhìn của Mona Lisa trong bức tranh La Joconde, nhưng cái nhìn của bà làm người ta xúc động hơn. Nó sâu thẳm và thật là u buồn khó tả...

- Thật à? - Nhân đáp hững hờ.

- Tôi đặt tên bức ảnh này là "Đôi mắt của một thuyền nhân Việt Nam", và muốn đăng lên báo với một bài phóng sự đi kèm.

- Tôi sợ không có gì để giúp cho bài phóng sự của ông.

- Tôi không nghĩ như vậy. Tôi đã nghe những câu chuyện do những người khác kể lại và được biết chồng của bà đã chết trong lúc cố bơi sang một chiếc tàu lớn để cầu cứu. Thật là một thảm kịch. Xin bà cho biết chuyện ấy có thật không?

- Đúng như vậy.

- Ô, xin chia buồn cùng bà. Dư luận thế giới rất xúc động về những cuộc vượt biển của người Việt Nam.

- "Xúc động" như những con tàu sắt vĩ đại đã lạnh lùng đi qua khi chúng tôi gặp nạn giữa đại dương à?

- Điều ấy thật đáng xấu hổ, nhưng người ta không thể hiểu những gì đang xảy ra tại Việt Nam đã gây ra làn sóng người tị nạn.

- Thế giới bên ngoài đã không hiểu gì về chiến tranh Việt Nam, và cũng không hiểu gì về cái gọi là hòa bình tại Việt Nam hiện nay.

- Nhà cầm quyền Việt Nam nói rằng những người bỏ nước ra đi là những cận bã, những kẻ bất lương, đĩ điếm. Bà có muốn cải chính không?

- Không. Tôi chỉ muốn bổ túc.

- Bổ túc?

- Vâng. Nếu gọi chúng tôi là cận bã, bất lương, đĩ điếm... thì chúng tôi chỉ mới trở thành cận bã, bất lương, đĩ điếm từ sau ngày chiến tranh chấm dứt.

- Tôi không thể hiểu.

- Tôi đã nói là không ai có thể hiểu, nếu không phải là người Việt Nam.

- Bà hy vọng gì sau khi rời khỏi Việt Nam?

- Tôi không hy vọng gì cả. Tôi ra đi để được hít thở một cách tự do và thoát khỏi một cuộc sống không còn chịu đựng nổi.

- Và những người khác?

- Ông hỏi họ.

- Tôi muốn hỏi bà thêm một câu có tính cách cá nhân. Tôi thấy bà có một cô con gái da trắng. Bà có thể cho biết vài điều về cô gái ấy?

Nhà bạn trầm ngâm:

- Vâng. Đúng là một chuyện cá nhân. Nó là con của tôi với người chồng đầu tiên, một quân nhân Mỹ. Anh ấy đã về nước trong cổ áo quan và nghe nói không được đón tiếp long trọng.

- Bà muốn nói...

- Tôi muốn nói đến sự công bằng đối với những người lính Mỹ đã tham dự cuộc chiến ở Việt Nam. Họ đã chiến đấu và chết cho tự do của nhân loại. Nhưng thôi, đó là chuyện của người Mỹ và nước Mỹ. Tôi chỉ muốn nói rằng người Việt Nam chúng tôi không nhìn người lính Mỹ giống như người

lính Pháp trước khi nhu tuyên truyền của cộng sản mà ở Tây phương người ta đã nuốt phải như một thứ độc trùng để tự huỷ hoại thân thể mình. Tôi không hiểu những trại tập trung cải tạo trên khắp nước Việt Nam và hàng trăm ngàn người bỏ mình ngoài biển khơi sau ngày được gọi là "giải phóng" đã đủ để giải độc chưa?

- Vâng. Đó là một bi kịch lớn và đã làm thay đổi cái nhìn về Việt Nam của một số người ở Tây phương. Tôi khâm phục sự can đảm của các thuyền nhân và rất xúc động về cái chết của chồng bà, và muốn hỏi bà một câu cuối cùng. Bà có cảm nghĩ gì khi đặt chân lên phần đất tự do và chờ đợi trong một trại tị nạn để đi định cư?

Nhàn ngẫm nghĩ:

- Rất khó để nói ra bằng lời. Nó như một người đã chết được sống lại trong một thế giới khác và nhận ra mình đã mất tất cả - kể cả linh hồn, và đang khởi đầu một cuộc tìm kiếm lại linh hồn của mình.

Cái chết của Thái, rồi cái chết của Lâm đã làm cho những ngày tự do đầu tiên của Nhàn biến thành mặt đắng mà cô phải nuốt, và sẽ không đứng vững nổi nếu không có sự hiện diện của ba đứa trẻ. Chúng như những cánh diều được tung lên gió và bay lượn trên bầu trời cao, như những con chim được tháo cũi sổ lồng dù là đang sống trong một hòn đảo nhỏ với những kỷ luật gắt gao. Chúng tỏ ra rất thích động với cuộc sống mới lạ ở trại tị nạn, và cũng như những người lớn tuổi, chúng nhận ra đã lấy lại được cái quyền quý nhất của con người: tự do nói ra những ý nghĩ trong đầu. Người ta không còn cảm thấy sợ hãi khi muốn nói ra một sự thật, và không còn cảm thấy có sự đe dọa vô hình vây quanh. Đó là cảm giác rõ rệt nhất của người tị nạn sau khi thoát khỏi nơi được gọi là "giải phóng" - nơi người ta buộc chiếc khăn màu đỏ vào cổ những đứa bé như buộc chiếc lục lạc vào cổ con trâu ghé để khởi đầu một cuộc đời nô lệ.

Nhiều đứa bé ở tuổi ấy đã được cha mẹ gạt nước mắt gửi người khác đưa đi và trở thành những "cô nhi" ở các trại tị nạn, và bao nhiêu đứa đã mất xác ngoài biển khơi vì không muốn đeo vào cổ chiếc khăn quàng đỏ?

Nhìn những đứa bé không cha không mẹ ở trại, Nhàn thấy hai đứa con của mình và cô bé Phượng vẫn còn là những đứa trẻ may mắn. Nếu Nhàn chết

trong những ngày lênh đênh trên mặt biển, ba đứa trẻ cũng sẽ là những "cô nhi" bơ vơ ở trại tị nạn, chờ đợi để được "hốt rác" tới một nước xa lạ, sống trong một gia đình xa lạ, và sẽ trở thành những con người xa lạ với chính quê hương của chúng.

Hai đứa con của Nhàn và cô bé Phượng thích ứng với cuộc sống mới rất nhanh. Trong lúc hàng ngày Nhàn bận rộn với công việc thông dịch cho phái đoàn Mỹ phỏng vấn người tị nạn trong trại. Phượng và Lisa đã cùng nhau làm mọi việc cần cho sự sống của bốn người. Xếp hàng lãnh lương thực và nhu yếu phẩm, xách nước, nấu ăn, xếp dọn nhà cửa, theo dõi những thông báo trong trại, dò danh sách những người có thư từ nước ngoài gửi tiền - sự trông đợi hào hứng nhất của người tị nạn trên đảo.

Thấy Lisa chiều nào cũng đi dò danh sách nhận thư, Nhàn nói:

- Con đi dò làm gì cho phí công? Không có ai gửi thư cho mình đâu.

- Biết đâu được, mẹ. - Lisa trả lời. - Con nghe nói người ở bên Mỹ có thể hỏi danh sách người tị nạn ở các trại để tìm thân nhân. Có thể bác Hùng, chú Trí, dì Nhã, Tony còn sống và biết mình tới đây. Có người ở đảo này đã nhận được thư của bà con mất liên lạc từ năm 1975 vì vậy con thấy ai cũng đi dò thư.

- Họ điên cả rồi, con ạ.

Nhàn không lạc quan được như con. Hùng và Trí mất liên lạc từ năm 1975 không biết sống hay chết, nhưng gia đình Nhã và Tony thì Nhàn không chút hy vọng. Gọi nhớ đến chỉ thêm đau lòng. Sau ngày "hòa bình", người Việt Nam chết nhiều và chết thảm hơn trong hai mươi năm chiến tranh, và ly tán cũng nhiều hơn. Ngồi làm thông dịch viên xét đơn xin định cư của người tị nạn, hàng ngày Nhàn có dịp chứng kiến sự tan vỡ của những gia đình Việt Nam, sự tan vỡ của những giấc mộng, và cả sự thất bại của những âm mưu. Một hôm, ngồi trước mặt Nhàn là một cặp vợ chồng tuổi trung niên và hai đứa con. Người chồng khai là một cựu trung úy Việt Nam Cộng Hoà và xin đi Mỹ. Nhưng vấn đề của ông ta là không có giấy tờ chứng minh, ngoài một tờ giấy ra trại cải tạo, nạn cơ bị thất lạc sau mấy năm đi cải tạo và sống cực khổ ở vùng kinh tế mới. Thịnh thoảng Nhàn bắt gặp cái nhìn trộm của người đàn ông và có cảm giác khó chịu, bất an. Cô mừng tượng

đã gặp người này ở đâu nhưng không nhớ rõ.

Viên chức phỏng vấn người Mỹ đọc qua hồ sơ và nói:

- Chào ông Lê Văn Toàn, tôi là Adam Smith. Ông có thể đọc cho tôi số quân của ông?

Nhàn dịch lại, và Lê Toàn trả lời:

- Tôi không nhớ vì đã tan hàng sáu bảy năm và bị Việt cộng đày ải khổ khổ.

Adam Smith gật gù, hỏi thêm vài câu về đời sống trong trại cải tạo và vùng kinh tế mới. Ông ta đẩy cho Nhàn một bức thư hai trang giấy viết tay bằng chữ Việt và một bản dịch ra Anh ngữ, tố cáo người đàn ông là một viên công an với một số chi tiết đã giúp trí nhớ cho cô. Đọc hết lá thư, mồ hôi tươm ra trong lòng hai bàn tay Nhàn. Khi cô trả lại bức thư, viên chức Mỹ hỏi:

- Bản dịch có đúng với nguyên bản không?

- Vâng. Đúng đấy. - Nhàn ấp úng.

Viên chức Mỹ nhún vai:

- Nhưng mà thư không có chữ ký, nên không thể cứu xét. Và trường hợp này vẫn thường xảy ra ở các trại tị nạn. Người ta tới đây không có giấy tờ gì cả, và vu cáo lẫn nhau vì ghét nhau.

Ông ta hỏi thêm người đàn ông và người vợ vài câu qua thông dịch của Nhàn rồi quyết định: - Lời yêu cầu được di cư sang Mỹ của ông và gia đình ông đã được chấp thuận.

Nhàn dịch lại và nghe lạnh buốt dọc xương sống và xây xẩm mặt mày.

Adam Smith nhìn Nhàn tỏ vẻ ngạc nhiên:

- You có okay không, Nhàn?

- Vâng. Tôi okay. Xin ông cứ tiếp tục.

Nhàn gắng gượng làm việc cho đến lúc giải quyết xong hết các hồ sơ trong ngày, và đầu óc rối loạn với những ý nghĩ quanh quẩn không lối thoát. Cô đã nhận ra người tự xưng là một cựu trung úy VNCH chính là Bảy Kế, viên trưởng công an huyện Lái Thiêu bảy năm trước đã đưa cô vào trại cải tạo. Bây giờ y đi vượt biên vì lý do gì? Tình ngộ? Hủ hoá? hay trà trộn vào làn sóng tị nạn ra nước ngoài làm công tác tình báo? Nhàn có nên tố giác y

hay không? Và y có nhận ra "con vợ lính nguy phản động" ngày nào không?

Đêm hôm ấy, Nhàn ngủ không yên. Nằm trên chiếc giường ghép bằng mấy tấm ván thùng trong túp lều cửa sổ nhìn ra bên ngoài trắng sáng vắng vặc, Nhàn có cảm giác sợ hãi giống như những ngày còn ở Việt Nam thường theo đuổi ám ảnh cô trong những cơn ác mộng. Nhưng đây không phải nỗi sợ hãi trong những giấc mơ. Có thật cô đã thoát khỏi móng vuốt của một guồng máy cuồng bạo? Biết đâu tên công an cũng đã nhận ra cô và sẽ tìm cách giết cô để tránh bị bại lộ tung tích? Nhìn mấy đứa trẻ đang ngủ say bên cạnh, Nhàn trấn trọc cho đến gần sáng mới chợp mắt được một lúc.

Trời vừa sáng, loa phóng thanh trong trại đã oang oang loan báo lệnh giới nghiêm, yêu cầu mọi người không được ra khỏi nhà cho đến khi có lệnh mới. Không bao lâu, tin xảy ra án mạng đã được loan truyền khắp trại. Viên công an trá hình đã bị giết chết một cách bí mật. Cái xác bị đâm nát bỏ nằm bên một bụi cây ngoài bãi biển. Cảnh sát Mã Lai đi từng nhà tìm kiếm tang vật và nghi can nhưng có lẽ cũng chỉ làm chiếu lệ nên không tìm ra manh mối gì. Tới gần trưa, lệnh giới nghiêm được giải tỏa, và đời sống trên đảo trở lại bình thường với đủ thứ tin đồn về vụ án mạng. Ai đã giết Bảy Kế? Một nạn nhân của y, hay chính một đồng chí của y được bí mật gửi ra để thi hành lệnh thanh toán một tên phản đảng? Dĩ nhiên là không ai biết rõ vì thủ phạm đã không để lại dấu vết gì.

Các chuyến rời trại đi định cư bị đình hoãn ba ngày rồi cũng lại tiếp tục. Các viên chức Mỹ không tới trại vài ngày nhưng sau đó công việc phỏng vấn người tị nạn cũng trở lại bình thường. Và Nhàn cũng trở lại với công việc thông dịch, với người khách đầu tiên là vợ của viên công an. Bà ta dắt theo hai đứa con nhỏ, và không có vẻ u buồn của một góa phụ có chồng vừa chết một cách thảm khốc.

Adam Smith chào người đàn bà bằng một câu tiếng Việt không có dấu (chao ba manh gioi) và hỏi bằng tiếng Anh:

- Bà Nguyễn Thị Lan, bà có nói được tiếng Anh?

Người đàn bà lắc đầu. Smith quay sang nói với Nhàn:



- You hỏi bà ta xem có đúng chồng bà là một công an V.C. không.

Nhàn dịch lại. Bà Lan không trả lời ngay câu hỏi, cúi đầu suy nghĩ vài giây trước khi đáp:

- Trước khi trả lời câu hỏi của ông ấy, tôi muốn xin ông ấy hứa sẽ tiếp tục cho ba mẹ con tôi đi Mỹ dù những câu trả lời của tôi ra sao.

- Tôi hứa sẽ xúc tiến thủ tục để bà và hai con đi Mỹ. - Smith gật đầu nói sau khi nghe dịch lại. - Nhưng bà phải khai đúng sự thật, không được giấu giếm gì cả.

Mặt bà Lan tươi hẳn lên:

- Vâng. Anh ta đúng là một công an Việt cộng, nhưng không phải là chồng tôi.

Sminh nhíu mày khi nghe Nhàn dịch lại và hỏi:

- Vậy thì chồng bà ở đâu và tại sao lại đi vượt biển với người đàn ông này?

- Chồng tôi là một sĩ quan Cộng Hòa. Anh ấy đã chết trong trại cải tạo. Anh công an đã lấy tên chồng tôi và đội lốt anh ấy để đưa tôi và các con tôi đi vượt biển.

Smith vò mái tóc vàng ánh trên đầu, lăm băm văng tục và nói với Nhàn:

- You yêu cầu bà ta thuật lại chi tiết câu chuyện xem đầu đuôi ra sao?

- Sau khi chồng chết, tôi rất chán đời và hết sức cực khổ với hai đứa con nhỏ, không một đồng xu dính túi, và bị ép đi vùng kinh tế mới. - Bà Lan buồn rầu kể. - Rồi anh ta xuất hiện, đề nghị giúp đỡ và nói là yêu tôi. Tôi cự tuyệt vì biết anh ta là một công an. Nhưng cuối cùng tôi chấp nhận vì đã cùng đường và anh ta hứa sẽ đưa ba mẹ con tôi đi vượt biển. Anh ta nói rằng trước kia anh ta rất thù Mỹ vì vợ con anh ta đã chết vì bom Mỹ, nhưng bây giờ đã tỉnh ngộ và muốn đi Mỹ làm lại cuộc đời. Anh ta đã làm giả giấy ra trại của chồng tôi để mang theo. Tôi không muốn giúp anh ta đánh lừa người Mỹ, nhưng tôi sợ và cũng muốn được đi Mỹ.

- Bà có biết mục đích anh ta đi Mỹ làm gì không?

- Không. Có thể anh ta chỉ giả vờ yêu tôi để sang Mỹ với một công tác gì đó. Tôi cũng đã có ý định, nếu thấy có gì khả nghi tôi sẽ tố cáo.

- Tốt lắm. Khi tới Mỹ bà có bằng lòng hợp tác với FBI để điều tra thêm về vụ này?



- Vâng. Tôi bằng lòng nói hết những gì tôi biết.
- Tốt. Chúc bà may mắn trong đời sống mới tại Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Bà Lan cảm ơn và dắt hai đứa con đi ra. Smith quay sang nói với Nhàn:

- Tôi muốn điên cái đầu. Người Mỹ cứ tưởng rút chân được ra khỏi Việt Nam là xong mọi chuyện, là không còn liên hệ và chấm dứt nhức đầu. Nhưng nay thì mọi người mới biết là mình đã lầm.

Nhàn cười và không nói gì nhưng thầm nghĩ: "Tại sao cái dân tộc vĩ đại và hào hiệp này cứ bị nhìn như những tên ngốc?"

- You thấy việc ấy buồn cười lắm sao? - Smith hỏi.
- Không. - Nhàn vội chữa. - Tôi vừa nhớ tới lời đồn loan truyền ở Việt Nam rằng người Mỹ rút khỏi nước chúng tôi là muốn để dân Việt Nam nếm mùi cộng sản để sẽ... trở lại đánh cho dễ.

Mặt Smith ngó ra và hình như vắng tục thăm trong họng.

Những lúc không làm việc tại phòng phỏng vấn, thỉnh thoảng Nhàn tới thăm những người đồng hành sống sót trong chuyến vượt biên. Mười bốn người. Không gia đình nào còn nguyên vẹn, trừ chủ tàu. Vì vậy, Lê Sang bị tố cáo là co chỗ giấu nước ngọt và lương thực bí mật trên tàu khiến y phải mòn lưỡi thanh minh nhưng vẫn bị nhìn một cách ác cảm. Người ta ghét y và ghét chiếc tàu xui xẻo của y. Nhàn là người duy nhất tới thăm Lê Sang.

- Thật tầm bậy hết sức. - Lê Sang phân bua với Nhàn. - Tôi cũng đã nằm mê man chờ chết như mọi người, có biết trời đất gì đâu. Mấy chục cây vàng bà con góp cho tôi cũng bị đốt tiêu với tàu. Vậy mà còn có người tố cáo với Cao uỷ Tị nạn khiến tôi bị điều tra, hỏi tới hỏi lui. Nếu "họ" để cho sống thì chẳng ai đi làm gì. Qua đến đây, ai cũng khổ cả mà còn không thương nhau. Tôi nhờ trời thương nên còn đủ gia đình chớ có hơn gì ai đâu?

Vậy ra "trời" ghét những người đã chết? Nhàn nghĩ thầm. Và cô không tin có một đấng chí công nào trong cuộc sống của loài người trên mặt đất này. Kẻ ác vẫn sống để tiếp tục gây tội và người tốt vẫn tiếp tục chết. Cô thường nhìn ra biển khơi tự hỏi bao nhiêu người đã bỏ mình trên đường

chạy trốn những kẻ ác và đến bao giờ bi kịch này mới chấm dứt, kẻ ác mới bị trừng phạt? Nếu có một đấng tối cao chí công, Người đang ở đâu?

Trong những ngày lênh đênh trên biển khơi, Nhàn có dịp thấy rõ con người xa cách thương đẽ hơn bao giờ và cũng đã cầu nguyện thương đẽ hơn bao giờ, vì đã tuyệt vọng và không còn biết nương dựa vào đâu. Giờ đây, sống trong một trại tị nạn, Nhàn tiếp tục cầu cầu trời khẩn Phật hàng đêm, dù không có đức tin. Tương lai trước mắt là một bầu trời tự do nhưng cũng đầy thử thách và bất trắc.

Nhàn đã nộp đơn xin định cư tại Hoa Kỳ cùng với hai con và Phượng mà cô khai là con nuôi, và chờ đợi để được phỏng vấn. Nhàn hy vọng sẽ được nhận nhưng chắc sẽ phải chờ đợi lâu vì không có người bảo trợ. Các cơ quan thiện nguyện sẽ phải tìm người bảo trợ.

Hôm được gọi lên phỏng vấn, cũng như mọi người tị nạn, Nhàn vui mừng pha lẫn hồi hộp nhưng hơi bất bình khi được hỏi một câu mà mọi người tị nạn phải trả lời: "Lý do bỏ nước ra đi? Bị đàn áp à? Đàn áp như thế nào?"

- Thưa ông Smith, chắc ông biết rất rõ rằng mọi con người sống dưới một chế độ cộng sản đều bị tước bỏ nhân quyền, đều bị đàn áp, nếu người ấy muốn sống đúng nghĩa một con người. - Nhàn trả lời bằng Adam Smith bằng tiếng Anh. - Đó là lý do chúng tôi đã liều mạng ra đi và cũng là lý do trước đây nước Mỹ đã can thiệp vào cuộc chiến tranh Việt Nam.

Adam Smith kiên nhẫn lắng nghe và ôn tồn trả lời:

- Tôi đồng ý với you, thưa cô Phan. Nhưng, luật là luật. Chúng tôi chỉ có thể nhận một người vào nước Mỹ với tư cách tị nạn chính trị khi người ấy chứng minh được bị ngược đãi và sẽ gặp nguy hiểm khi trở về.

- O.K. Thưa ông Smith. Tôi đã bị bắt đi cải tạo hai năm vì tội phản động. Tài sản, nhà cửa bị tịch thu, tôi sống không giấy tờ như một kẻ bị lưu đày trên chính quê hương của tôi.

- You có con với một quân nhân Mỹ sao không chờ xin đi hợp pháp mà lại chọn con đường nguy hiểm này? You có nghe về chương trình con lai Mỹ đang khởi đầu ở Việt Nam không?

- Tôi có nghe nói nhưng tôi không tin, và cũng không hy vọng gì sẽ được cho đi nếu chương trình ấy có thật.

Adam Smith lấy trong hồ sơ ra một tờ giấy và hỏi:

- You có quen ai tên Xuân Tran ở Mỹ không?

Nhàn ngạc nhiên đáp:

- Tôi có một người bạn thân tên như vậy và đã mất liên lạc từ năm 1975.

Có chuyện gì vậy, thưa ông Smith?

- Bà Tran gửi thư cho tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Kuala Lumpur xin bảo trợ gia đình you vào Mỹ.

Cái tin bất ngờ làm Nhàn nghẹn lời vì xúc động và vui mừng. Nhàn xúc động vì tình bạn chung thủy của Xuân nhưng không khỏi thắc mắc làm cách nào Xuân biết cô đang ở Bidong.

Adam Smith đưa tờ giấy đang cầm trên tay cho Nhàn và nói:

- Chắc you lấy làm lạ tại sao bà Tran biết you đang ở đây? Không phải một mình bà Tran mà cả thế giới đã biết về câu chuyện vượt biển của you.

Adam lại lấy trong xấp hồ sơ ra bản chụp một bài báo đưa cho Nhàn. Bài phóng sự của Jimmy Walker về cuộc vượt biển của Nhàn, kèm với mấy tấm hình trong đó có tấm "Đôi mắt của một thuyền nhân Việt Nam". Nhàn đọc qua rất nhanh và trả bài báo lại cho Smith:

- Cám ơn ông.

Adam Smith gấp lại xấp hồ sơ và nói:

- You và các con được nhận cho định cư tại Mỹ như những người tị nạn chính trị và do bà Xuân Tran bảo trợ. - Ông ta quay sang Lisa mỉm cười thân mật - Lisa, nước Mỹ welcome you.

- Thank you very much for your help and your kindness. - Lisa bạo dạn nói.

Việc làm của Xuân là một phần thưởng của tình bạn giữa hai người, và mấy ngày sau, Nhàn lại nhận được một tin mừng khác. Mỗi buổi chiều, Lisa vẫn kiên nhẫn đi dò danh sách những người có thư và cuối cùng Nhàn cũng có thư.

Lisa chạy về, vừa thở vừa mừng như bắt được vàng:

- Mẹ có thư! Mẹ có thư! Con đã nói mà, thế nào mình cũng có thư.

Không phải chỉ có thư mà còn kèm ngân phiếu 100 Mỹ kim của Hùng, người anh lớn của Nhàn, cũng nhờ bài báo của Jimmy Walker mà biết em

gái và các con đã tới Bidong.

"Em Tư,

Anh vừa đọc bài báo viết về chuyến vượt biển hãi hùng của gia đình em. Anh thương em nhiều lắm, nhất là về cái chết thảm thương của chồng em. Cầu mong em có đủ nghị lực để vượt qua gian đoạn khó khăn này. Nhận được thư này, trả lời cho anh ngay để anh làm thủ tục bảo lãnh gia đình em.

Từ ngày rời Việt Nam, anh tìm mọi cách liên lạc và gửi nhiều thư về nhà nhưng đều không được hồi âm nên không biết tin tức gì về ba má và các em.

Vài hàng để em biết tin. Thư sau sẽ viết dài.

Anh Hai,

Phan Văn Hùng"

Nhàn đọc đi đọc lại lá thư ngắn của Hùng và thắc mắc không thấy anh nhắc gì đến Trí, người em trai cũng rời nước vào ngày 30-4-1975. Trí đang ở đâu? Có đi thoát được không? Có thể Hùng không nói gì đến Trí vì viết vội để gửi cho Nhàn.

Lá thư của Hùng nhận được ở trại tị nạn đã như một luồng nước ấm chuyển vào tâm hồn đang bị ướp lạnh của Nhàn. Hình ảnh của người anh hiện ra rõ rệt trong óc cô cùng với những người thân khác trong gia đình và những biến cố đã xảy đến trong sáu năm qua từ ngày chiến tranh chấm dứt. Cô bị tràn ngập bởi những cảm xúc, vừa yêu thương ngọt ngào, vừa phẫn uất sục sôi. Tối hôm ấy, trời đổ mưa lớn. Sấm sét liên hồi, sóng biển rì rầm hòa lẫn tiếng mưa như thác đổ càng làm cho tâm hồn Nhàn bị lay động mạnh. Các con đã ngủ, cô ngồi trước ngọn đèn dầu leo lét trên chiếc bàn gỗ ọp ẹp viết cho Hùng lá thư dài, kể hết chuyện nhà. Sau đó, cô loay hoay ghi lên giấy những dòng thơ từ trong tim tuôn ra, không gọt dũa vần điệu, trong khi hình ảnh những người thân đã chết lần lượt hiện ra qua làn nước mắt:

*Hoà Bình!*

*Hòa Bình cho Việt Nam!*

*Thế giới hò hét trên đường phố*

*Nhân loại thấp nển nguyện cầu...*

Việt Nam bắn giết đã quá lâu  
Máu chảy ngập ruộng sâu  
Xương đã chất thành núi  
"Xin cho hòa bình một cơ hội"(1)  
Cho dân Việt không còn bắn giết nhau  
Cho "trẻ em đi hát đồng dao ngoài đường"(2)  
Và chiến tranh đã chấm dứt  
Bằng chiến thắng của xe tăng Nga Cộng  
Của gông cùm nhân danh giải phóng  
Từ ngày ấy  
Hàng vạn xác chết  
Tràn ngập ruộng đồng  
Dưới sông  
Trên lộ  
Trong lòng Biển Đông...  
Xác chết của những người chạy trốn  
Cái gọi là hòa bình.  
Hòa bình rồi!  
Việt Nam biến thành một nhà tù lớn  
Với hàng ngàn nhà tù nhỏ  
Giám nhất những con người chưa tiến bộ  
Cần cải tạo thành những món đồ công cụ.  
Hòa bình rồi!  
John Lenon không còn đòi cơ hội  
Cây đàn ghi-ta đồng loã nằm im  
Người nghệ sĩ đánh mất con tim  
Mặc cho dân Việt Nam rên siết  
Hippies, phản chiến thôi xuống đường la hét.  
Hòa bình rồi!  
Người Việt Nam vẫn còn tiếp tục bắn giết nhau  
Trẻ em không đi hát đồng dao  
Chúng lang thang trên những bãi đổ rác

Bụng đói, miệng khát  
Chúng làm đĩ ở tuổi mười ba  
Ma cô mười bốn  
Trịnh Công Sơn tiếp tục sáng tác  
"Em ra đi nơi này vẫn thế" ...  
Có thật Việt Nam đã hòa bình?...

- 
- (1) "Give Peace a Chance", nhạc John Lenon, The Beatles.  
(2) Nhạc Trịnh Công Sơn

**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 9**

Tới Mỹ được hơn một tháng, Thanh Nhân đi làm, dù Xuân khuyên:

- Gì mà vội đi làm thế? Nhân được ăn trợ cấp tới 18 tháng, mấy đứa nhỏ cũng được hưởng tiền xã hội tới năm 18 tuổi. Nghỉ ít lâu cho bù lại những năm cực khổ ở Việt Nam. Thằng thẳng rồi kiếm việc gì đàng hoàng mà làm, giỏi Anh văn như Nhân thì lo gì?

Nhân cũng đã thuê một cái apartment để mấy mẹ con dọn ra khỏi ngôi nhà của vợ chồng Xuân ở thành phố Mission Viejo, Nam California. Nhân muốn được tự do và cũng không thích hàng ngày chia sẻ cuộn sống của gia đình Xuân. Xuân có ngôi nhà bốn phòng ngủ rất đẹp trong khu nhà giàu vì chồng làm lương lớn, Xuân cũng đi làm và có thêm một con trai. Bé Oanh nay đã 12 tuổi và nói tiếng Việt ngập ngừng. Thằng con trai thì chỉ nói tiếng Mỹ. Mấy mẹ con lệch thếch từ trại tị nạn tới, Nhân không có mặc cảm nhưng thấy rõ sự cách biệt của hai đời sống. Nhân không quên ơn người bạn tốt nhưng đôi lúc cũng nghĩ nếu không vì bài báo của Jimmy Walker, Xuân không biết Nhân tới Bidong, và mấy mẹ con được một người Mỹ nhân đạo nào đó bảo trợ, có lẽ Nhân không thấy bị tổn thương tâm hồn hơn.

Gặp lại Xuân, dĩ vãng thường hiện về và Nhân lại nghĩ đến những bất hạnh cứ đeo đuổi mình trong lúc Xuân luôn luôn được số mệnh ưu đãi, dù trong chiến tranh hay khi hàng triệu người khốn khổ vì hòa bình. Nhân không ganh tị với bạn nhưng không muốn đóng vai phản diện bên cạnh cuộc đời hạnh phúc của người khác.

Khi được Xuân cho chiếc xe cũ làm phương tiện di chuyển, Nhân vui mừng cảm ơn bạn nhưng trong lòng cũng thấy bị tổn thương. Nhân cũng tìm cách khéo léo từ chối lời mời tới nhà Xuân ăn uống những ngày cuối tuần. Càng gần nhau Nhân chỉ càng thấy sự xa cách giữa hai người, giữa hai cuộc đời.

Vì vậy, Nhân nhận đi làm ngay khi cơ quan tìm việc giới thiệu cho một

tiệm McDonald s. Sau khi được huấn luyện vài giờ, cô bắt đầu làm việc. Xắt rau xà-lách, chiên khoai, nhớ tên các món ăn và làm thật nhanh cho khách mang đi. Phải mất mấy ngày Nhàn mới nhớ tên các món ăn được nghe lần đầu tiên trong đời và làm đúng, nhưng dù làm nhanh đến đâu vẫn bị viên quản lý - Joe, một anh Mỹ gốc Phi Châu - chê là vẫn còn chậm. Anh ta giảng giải tại sao người ta gọi là "Fast Food", và đời sống ở Mỹ cái gì cũng phải nhanh vì người ta thiếu kiên nhẫn. Người Mỹ thích tốc độ. Lái xe, ăn uống, yêu nhau, và đánh giặc. Cái gì cũng phải nhanh.

Nhàn cũng thấy đời sống của mình đã thay đổi và cảm nhận đã trở thành một con ốc trong guồng máy lớn. Nhưng Nhàn thích như vậy hơn là bị đẩy ra bên lề xã hội như rác rưởi mắc kẹt trong lau lách hai bên bờ của một con sông. Ở đây, trên một đất nước xa lạ mới đặt chân tới lần đầu, nhưng Nhàn cảm thấy có sự liên đới với cuộc sống chung quanh hơn là tại chính quê hương mình. Cái Nhàn yêu thích nhất trong đời sống tại Mỹ không phải là sự dư thừa vật chất nhưng là sự tự do mà con người được hưởng như hít thở khí trời, cái tự do nâng cao nhân phẩm và giá trị của mỗi cá nhân, dù cá nhân ấy là một triệu phú hay là một nhân công tại một tiệm McDonald s.

Nhưng, điều làm Nhàn vui nhất là được thấy Lisa và Tuấn hàng ngày được cấp sách đến trường học. Phượng cũng vào Trường Cao-đẳng Cộng-đồng với ý định học một nghề sau khi có trình độ Anh ngữ cần thiết. Những cuộc đời bị chà đạp khinh thị tưởng như đã úa héo bỗng nhiên xanh tươi trở lại như được tắm gội bởi những trận mưa rào và bén rễ trên miền đất màu mỡ.

Nhờ đã được mẹ dạy cho có một căn bản Anh ngữ, Lisa và Tuấn vào trường trung học không gặp khó khăn nào và thích thú được hưởng mọi tiện nghi ở trường học của một xã hội tân tiến. Chúng yêu đời và thích ứng rất nhanh với đời sống mới, hăm hở sống những năm tháng của tuổi ngây thơ còn lại.

Niềm vui khác của Nhàn là đã gặp lại anh Hùng và em Trí, hai người mất liên lạc từ ngày 30-4-1975. Nay họ cùng định cư tại vùng Nam California, chỉ cách căn apartment của cô ở Costa Mesa khoảng 15 phút lái xe. Họ đều đã ổn định đời sống, có nhà cửa, việc làm. Hầu như mọi người Việt Nam ở



Mỹ đều tập trung vào vùng này, tạo thành một nước Việt Nam thứ hai nhỏ, đông nhất là tại "khu tam tỉnh" gồm ba thành phố: Santa Ana, Westminster và Garden Grove. Tại đây, có một khu phố thương mại dọc theo đại lộ Bolsa được gọi là "Little Saigon", hoàn toàn là một thành phố Việt Nam với đủ thứ đem từ Việt Nam sang. Phở, ca nhạc, sách báo, sự chia rẽ, chức tước, và một số khuôn mặt quen thuộc trên chính trường và hí trường trước kia. Nổi nhất có lẽ là ông Nguyễn Cao Kỳ, người từng tuyên bố khi làm thủ tướng là sẽ không bao giờ chạy ra ngoại quốc vì không thể bỏ được cà ghém, mắm tôm. Nay, ông ta làm chủ một tiệm bán rượu và bà vợ có một tiệm bán quần áo. Ông thường đi Las Vegas tìm cảm giác nơi các sòng bài.

Khi còn ở Trại Bataan, Phi Luật Tân, chờ làm thủ tục đi Mỹ, Nhàn đã được thấy ông Nguyễn Cao Kỳ bằng xương bằng thịt, lần đầu tiên trong đời. Ông ta đứng ngoài nắng nói chuyện với người tị nạn. Ông ta nói làm lãnh tụ phải biết chịu nắng với đồng bào, ông ta nói về chuyện người Việt ở dơ và ăn thịt chó ở Mỹ làm nhiều người cười, nhưng Nhàn cảm thấy xấu hổ. Trước mặt cô là một anh hề, hay một lãnh tụ quốc gia, một cựu thủ tướng? Nhàn tiếc công đã ra sân tập họp đứng chờ và nghe ông Kỳ nói chuyện, nhất là khi được biết không phải ông ta từ Mỹ sang thăm thuyền nhân khổ khổ trong trại tị nạn nhưng đã ghé vào Bataan để đóng vai lãnh tụ sau khi sang Manila vì chuyện gia đình lủng củng.

Còn nhiều khuôn mặt ăn trên ngồi trước khác mà do cuộc đời, người Việt ly hương mới có dịp sánh vai với họ xếp hàng xin tiền trợ cấp, hay cùng ngồi chung một bàn trong quán phở.

Nhàn không cảm thấy thoải mái khi tình cờ gặp lại những khuôn mặt ấy, nhưng những phố chợ Việt Nam đem lại cho cô một chút ấm áp trong lòng, như tìm lại được một mảnh vỡ của linh hồn. Nhàn biết không bao giờ tìm lại được trọn vẹn tấm linh hồn cũ. Quá nhiều mất mát không bao giờ còn có thể tìm thấy lại.

Nhàn thường giật mình khi trông thấy một người hao hao giống một người thân đã chết. Khi thì Nhã. Khi thì Thái. Khi thì cha cô. Khi thì Dũng... Nhàn biết họ chết rồi, không bao giờ có thể hiện ra ở đây, nhưng

những cái chết đau thương đã không diễn ra trước mắt Nhàn nên cô vẫn mang một ảo ảnh rằng họ còn ở đâu đó trên mặt đất này. Cô không muốn chấp nhận họ đã chết cách phi lý như vậy. Nhưng, khi một người tưởng rằng đã chết xuất hiện trước mặt, Nhàn không biết đó là ma hay người.

Một hôm, Nhàn cầm một chiếc hamburger vừa làm xong đem ra cho một người khách đang đứng chờ - một thiếu niên da đen, đầu hơi cúi xuống và khuôn mặt bị che dưới cái lưới trai của chiếc mũ baseball. Khi hắt ngược mặt lên, Nhàn giật nẩy mình, há mồm và làm rơi chiếc bánh. Cô lúng túng cúi nhặt chiếc bánh văng tung toé dưới nền gạch. Khi cô đứng dậy, gã da đen đã không còn ở đó.

Rõ ràng Nhàn vừa trông thấy thằng Tony, không phải ma. Nhưng, tại sao nó lại biến mất? Cô không tìm được câu trả lời.

- Mẹ có nhìn lầm không? - Lisa hỏi khi nghe mẹ kể lại sự việc.

- Không. Lầm thế nào được. Trừ khi nó là ma. - Nhàn đáp, hơi bực mình.

Lisa âu yếm ôm mẹ:

- Dĩ nhiên là không có ma hiện về. Vậy thì chắc là có điều gì bí ẩn. Mẹ có nhìn rõ mặt Tony không? Mấy năm rồi, chắc phải đổi khác nhiều.

- Nó cao lớn hơn con, nhưng mặt mũi thì không thay đổi lắm. Nhất là cặp mắt của nó. Đôi mắt của con người không bao giờ thay đổi, con ạ, nếu nhìn kỹ. Cũng giống như dấu tay. Đúng là nó. Nhưng, tại sao nó sợ gặp mẹ?

Từ câu hỏi ấy đưa đến nhiều câu hỏi khác. Nếu Tony còn sống thì số phận của Nhã và chồng con ra sao? Chuyện gì đã thực sự xảy ra? Vết thương cũ lại rỉ máu. Từ hôm trông thấy Tony, Nhàn thường nằm thấy ác mộng và có cảm giác bất an như bị ai rình rập. Cô càng khó chịu khi đem chuyện ấy thuật lại cho Hùng và Trí thì họ đều tỏ vẻ nghi ngờ và không quan tâm.

Ba tháng sau, Nhàn lại gặp Tony. Đúng ra, nó đã tới tìm Nhàn, và khi thấy nó từ đâu xuất hiện ở bãi đậu xe, cô đã không giật bắn người như lần đầu trông thấy nó.

- Mẹ. - Tony thốt lên và khóc.

Nhàn nén xúc động, đứng nhìn Tony. Nó chạy lại ôm lấy cô và tiếp tục khóc. Cô quàng tay ra sau lưng nó và nói:

- Đi về nhà, đi về nhà và nói cho mẹ nghe mọi chuyện.

Trong căn apartment, Tony ngồi ôm đầu im lặng trên thảm, trông như mất hồn.

- Con có bệnh gì không? - Nhàn hỏi.

Im lặng.

- Hay con đói? Con có muốn ăn gì không?

Im lặng?

- Con làm sao vậy, Tony?

- Con sợ.

- Con sợ cái gì?

- Con sợ ma. - Tony rên rỉ. - Dì Nhã, chú Hữu, bé Hạnh... chết hết rồi... nhưng con cứ thấy họ cả đêm lẫn ngày.

Nhàn nghe như có một bàn tay lạnh buốt vuốt dọc theo xương sống. Cô ngồi xuống bên cạnh Tony, đặt một bàn tay lên vai nó, nói trong nước mắt:

- Mẹ thương mọi người. Mấy năm nay không lúc nào không nghĩ đến con và gia đình dì Nhã, và khẩn nguyện đêm ngày cho mọi người bình yên. Mẹ vẫn hy vọng, dù mong manh... Bây giờ gặp lại con, mẹ rất mừng và cũng rất buồn về chuyện gia đình dì Nhã. Con kể cho mẹ nghe chuyện gì đã xảy ra. Mẹ muốn biết, dù đau đớn đến đâu...

- Tàu đi được hai ngày thì gặp hải tặc. - Tony vừa nói vừa khóc. - Chúng nó bắt dì Nhã sang tàu của chúng, chú Hữu chống lại bị chúng nó chém rơi đầu. Dì Nhã cũng bị giết vì chống cự. Bé Hạnh thì bị ném xuống biển... Trước khi bỏ đi, chúng cướp hết vàng và tiền rồi đục cho tàu chìm.

Nhàn bất động rất lâu trong cơn tê tái. Dù những gì xảy ra không xa lắm với những cơn ác mộng đã đến trong trí Nhàn mấy năm nay, cô vẫn bị nhận chìm trong đau đớn như chuyện hãi hùng vừa xảy ra trước mắt. Cô ôm lấy Tony như tìm sự an ủi, và cuối cùng thở dài, hỏi nhỏ:

- Làm cách nào con sống được?

- Con cũng tự hỏi không biết làm sao sống sót được. Có lẽ trời cứu, mẹ ạ. Con bám vào được một cái phao, trôi dạt mấy ngày rồi được một chiếc tàu đánh cá của Indonesia vớt.

- Còn ai sống sót nữa không?

- Con không biết.

- Bây giờ nói cho mẹ nghe con đang ở đâu, làm gì? Có đi học không? Con có liên lạc được với cha không?

Tony bỗng òa lên vừa khóc lớn vừa nói:

- Con không muốn sống, con không muốn sống nữa...

Toàn thân Tony rung lên và co giật như bị kinh phong, bọt mép sùi ra, mắt trợn ngược.

Nhàn hốt hoảng chạy vào bếp lấy điện thoại gọi số 911.

Tony được cứu chữa trong bệnh viện và người ta tìm thấy chất cocaine trong máu nó. Nó thú nhận đã chơi ma túy trong lúc bỏ nhà người bảo trợ đi theo băng đảng.

Lisa ngồi bên giường bệnh Tony hàng giờ. Má thẳng con trai da đen ướt nước mắt của cô gái da trắng. Tony nay đã 14 tuổi và cao lớn, Lisa 17 và xinh đẹp, không liên hệ huyết thống nhưng vẫn coi nhau như hai chị em ruột. Hai đứa con lai, những sản phẩm phụ của cuộc chiến tranh ở bên kia nửa quả địa cầu, được tạo ra bởi hai người cha mà tổ tiên ở những lục địa cách biệt nhau hàng vạn dặm. Những nhân danh, những tàn bạo, những hận thù giả tạo đã không tiêu huỷ được tình thương mà Nhân đã gieo mầm trong những năm nuôi dưỡng chúng. Họ đã bị dày xéo trong chiến tranh và trong hòa bình, đã vượt qua nửa vòng trái đất, trải bao gian nguy, để mong được sống như những con người, nhưng tấn thảm kịch có vẻ chưa chấm dứt.

- Thôi, ác mộng đã qua rồi. - Lisa cầm tay Tony - Từ nay gia đình mình lại xum họp. Tony sẽ đi học lại.

- Đi học à? Cái đầu em nó chẳng nhớ được gì cả. Chỉ có những con ma.

- Cố gắng lên, Tony. Trong nhà ai cũng thương em hết. Qua đây mà không đi học thì uổng lắm.

Tony đã đi học lại, sau khi ra khỏi trung tâm phục hồi để bỏ ma túy và được đoàn tụ với gia đình. Hàng ngày xe trường tới đón tận nhà, ăn trưa miễn phí ở trường, và chiều xe lại đưa về nhà. Đứa con bị bỏ rơi đã tìm về đất tổ và đã được hưởng những chăm lo, giáo dục tân tiến như mọi đứa trẻ khác may mắn sinh ra trên đất nước giàu có này. Nhưng, có vẻ đã quá muộn với

Tony. Tâm trí nó đã bị nhiều con ma ám ảnh, xâm chiếm, khiến không còn chỗ cho bài vở, toán học, văn chương. Khi ngồi trong lớp học đầy tiện nghi, vui tươi với những bạn học hồn nhiên và cô giáo tận tâm dễ thương, Tony không xua đuổi được những bộ mặt hải tặc hung ác và những cảnh khủng khiếp diễn ra trên chiếc tàu vượt biên. Khi ngồi trên chiếc xe bus êm ái chạy qua các khu xóm khang trang an bình, trong óc Tony vẫn hiện ra cảnh chết chóc kinh hoàng trên con đường di tản 7B. Đêm đêm nó thường la hét và choàng thức dậy trong những cơn ác mộng.

Với nước da đen và khuôn mặt giống cha, Tony dễ bị nhìn là một đứa Mỹ đen, nhưng tâm hồn nó lại hoàn toàn Việt Nam. Nó thuộc nhiều bài vọng cổ và hát rất hay. Vài người Mỹ da trắng đã từng trở mắt nhìn thẳng Mỹ đen say sưa ca vọng cổ trên chiếc ghế của khu công viên trong chung cư. Dĩ nhiên họ không biết nó hát tiếng gì, nhưng có một lần một người đàn ông da đen tuổi trung niên ngồi xuống bên cạnh Tony, và gọi chuyện.

- You từ Việt Nam sang hả?

- Sao you biết?

- Người Mỹ dù da trắng hay da đen cũng không biết ca "vọng cổ". - Người đàn ông nói "vọng cổ" không có dấu, và cười.

- Sao you biết tôi ca vọng cổ? - Tony ngạc nhiên.

- Tôi đã sang Việt Nam đánh VC hai năm. Tôi tên là Sam, còn you?

- Tony.

- Cha you đâu?

- Không biết?

Sam bỗng trầm ngâm:

- Tôi cũng có một người vợ Việt Nam. Bà ấy có bầu thì tôi về nước và mất liên lạc. Đàn bà Việt Nam thật tuyệt. Ước gì tôi tìm lại được vợ con.

- Tôi cũng mong gặp lại cha tôi.

- You có biết tên cha you không?

- Scott Robinson.

Tony moi trong túi ra tấm hình Robinson bọc nylon, đưa cho Sam. Ông ta ngắm nghía và nói:

- Tôi có thể nhờ Hội Cựu Chiến binh Việt Nam tìm người này.

- Cám ơn you. Bây giờ you ở đâu và làm gì?
- Tôi làm thợ xây cất và cũng ở khu này. Sống một mình và uống rượu khi buồn. Tôi đã ly dị con đàn bà đốn mặt không thì có ngày tôi giết nó.

Sam đưa cho Tony miếng giấy ghi số điện thoại và bước đi với dáng mệt mỏi.

Tony cảm thấy cô đơn dù được sống trong sự yêu thương của người mẹ nuôi và của Lisa, Tuấn, và cả Phượng. Trong lúc Lisa và Tuấn học giỏi và có những dự định cho tương lai, Tony bị xếp vào loại học sinh kém nhất lớp và không biết ngày mai ra sao. Đôi khi nó nhớ lại những thiếu niên trong băng đảng mà có lúc nó coi như anh em một nhà. Chúng đến từ những trại tị nạn mà không có thân nhân, được những tổ chức từ thiện bảo trợ, và những gia đình có lòng nhân đạo nhận nuôi, nhưng không hội nhập được vào đời sống mới tại Mỹ. Chúng bỏ nhà, tập hợp với nhau và sống chung trong một phòng motel hay một căn apartment. Chúng cần tiền để sống, để mua cần sa ma túy, và chúng đã nhúng tay vào tội ác. Theo băng đảng một thời gian, Tony sợ hãi nhưng không tìm thấy đường thoát, cho đến khi tình cờ gặp lại Nhàn trong tiệm McDonald. Nó hoảng sợ chạy trốn nhưng sau đó nhận ra rằng tìm về với người mẹ nuôi là con đường duy nhất để ra khỏi bóng tối.

Tony đã ra khỏi băng đảng, đã già từ ma-túy, nhưng vẫn không thể sống bình thường. Nó cảm thấy ấm áp trong tình thương của gia đình bà mẹ nuôi, nhưng không quên được "những người anh em" thiếu may mắn trong băng đảng. Nó vẫn nghĩ đến họ, và vẫn mơ hồ cảm thấy có sự ràng buộc với họ. Đời sống phóng túng, lãng mạn vẫn có một cái gì quyến rũ đối với nó.

Một buổi chiều tại Sở Cảnh sát Thành phố Los Angeles, Trung úy Scott Robinson có một niềm vui. Ông vừa được Hội Cựu Chiến Binh báo tin đứa con trai của ông với người đàn bà Việt Nam đang có mặt tại Mỹ và muốn tìm gặp ông. Scott bồi hồi nhớ lại những ngày tháng ở Việt Nam, đến người đàn bà Á Đông đã đem lại cho ông một bóng mát trong cái chiến trường nóng bỏng đầy máu và lửa. Mỗi tình ấy đã chấm dứt khi Scott bị thương và được đưa về Mỹ rồi giải ngũ. Sau đó, ông viết thư và được

người đàn bà Việt Nam cho biết đã sinh được một con trai. Những lá thư sau không còn được hồi âm mà ông không biết lý do. Nay Scott đã có vợ và có con nhưng ông vẫn thấy vui nếu được gặp lại đứa con lai.

Sau khi từ Việt Nam trở về nước, trước thành kiến của quần chúng Mỹ với các người lính hồi hương, Scott mang mặc cảm và thường không muốn nhắc đến những ngày chiến đấu ở Việt Nam, nhưng từ khi có hàng triệu người Việt bỏ nước ra đi tị nạn Scott không bỏ lỡ dịp nào để tự hào là đã từng tham chiến để ngăn chặn cộng sản tại Đông Nam Á.

Scott chia sẻ tin mừng với các đồng sự và sửa soạn ra về thì được lệnh dẫn một toán cảnh sát truy nã một bọn cướp vừa ăn hàng một tiệm vàng ở Phố Tàu và đã bắn chết một nhân viên an ninh. Dọc đường, Scott được báo tin bọn cướp bị truy đuổi đã rút về cố thủ trong một căn phòng motel, ông ta liền hướng dẫn toán cảnh sát tới bao vây cái motel.

Quang cảnh tại đây hết sức căng thẳng. Cảnh sát núp sau các chiếc xe, chĩa súng vào căn phòng nghi có bọn cướp đang ăn náu. Phóng viên báo chí và các máy truyền hình bận rộn làm việc. Một sĩ quan cảnh sát cầm loa phóng thanh trên tay kêu gọi bọn cướp buông súng đầu hàng. Bên trong im lặng và các cửa đều đóng chặt.

Cùng lúc ấy, Nhàn cũng đang trên đường tới Los Angeles, vừa lái xe vừa nghe tin diễn biến của vụ cướp qua máy thu thanh, và cảm thấy như lửa đốt trong lòng. Cô vừa được Lisa cho biết Tony tâm sự muốn đi thăm mấy người bạn cũ ở Los Angeles và hôm nay nó đã biến mất, không đi học. Nhàn có linh tính một thảm kịch đang xảy ra khi cô trông thấy cảnh tượng trên màn ảnh truyền hình. Cô vội vàng ra xe lái đi Los Angeles.

Khi Nhàn tới nơi thì mọi việc vừa chấm dứt. Một viên đạn từ trong phòng bắn ra làm một viên cảnh sát bị thương. Cảnh sát đã đồng loạt nhả đạn và xông vào căn phòng motel. Họ tìm thấy hai xác chết và ba kẻ bị thương, trong đó có hai da vàng và một da đen.

Trung úy Robinson cúi nhìn quan sát những tên bị thương khi chúng được đưa ra xe cấp cứu. Thằng da đen mở mắt nhìn viên sĩ quan cảnh sát và đọc được bảng tên trên ngực áo ông ta. Trước khi nhắm mắt lại, nó thều thào nói:

- Dad. Có phải cha đó không?...  
Và nó không bao giờ mở mắt lại.



**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 10**

Bà Laura McCoy đọc đi đọc lại lá thư vừa được chồng trao cho. Hết đọc thư, bà lại ngắm nghía tấm hình gửi kèm với thư. Một thiếu nữ với mái tóc nâu dài, khuôn mặt thanh tú và đôi mắt màu hạt dẻ sáng long lanh pha trộn bóng sắc Đông Tây.

Bà McCoy reo lớn trong nỗi xúc động:

- Ô, Bill, coi này. Cái miệng nó cười giống hệt thằng John.

Ông William McCoy chậm chạp bước tới bên cạnh vợ, cầm tấm hình nhìn chăm chú và bâng khuâng đáp nhỏ:

- John có nói đến một người đàn bà Việt Nam nhưng không bao giờ cho biết có một đứa con.

Bà McCoy lại cầm lá thư lên, sửa lại kính và dán mắt đọc rồi nói:

- Đây này, honey. Nó viết rằng mẹ nó nói John đã chết mà không biết vợ đang có thai.

- Con bé tên là gì nhỉ?

- Lisa. Ô, con bé thật dễ thương và tuyệt vời. Nó sang đây được ba năm sau một cuộc vượt biển kinh hoàng với nhiều người chết vì hết nước uống và thực phẩm, và bây giờ nó tốt nghiệp trung học với điểm cao nhất trường, và mời mình tới dự lễ phát bằng. Thật là không thể tưởng tượng được.

- Tại sao tới Mỹ ba năm mà bây giờ nó mới liên lạc với mình?

- Ô, Bill. Người ta tới đây tị nạn chứ có phải đi du lịch đâu! Họ phải vượt qua biết bao nhiêu khó khăn. Nhưng, đây này, nó có cho biết lý do là vì không biết địa chỉ của mình, phải mất mấy năm tìm kiếm...

Đó là điều duy nhất không đúng sự thật mà Lisa đã viết cho ông bà William McCoy, ông bà nội của mình.

Nhàn đã tìm được địa chỉ ông bà McCoy từ lâu, và cũng muốn cho Lisa liên lạc, thăm viếng nhưng nghĩ rằng việc ấy không gấp và cần dè dặt để không bị hiểu lầm và tránh mặc cảm thua kém. Nay, đời sống của mấy mẹ con đã ổn định và Lisa tốt nghiệp trung học tối ưu, Nhàn nghĩ đã đến lúc

liên lạc với gia đình người Mỹ mà xuýt nữa cô đã trở thành con dâu.

Lá thư của Lisa là một bất ngờ lớn với ông bà McCoy và đã khơi dậy trong họ những cảm nghĩ pha trộn giữa đau đớn và vui mừng. Cái chết của đứa con trai tại một đất nước xa xôi ở nửa bên kia trái đất hai mươi năm trước như một vết thương nằm sâu trong tâm não họ lại có dịp gây cho họ những đau nhức, đồng thời sự xuất hiện bất ngờ của đứa cháu không mong đợi đã đến với họ như một món quà quý vào lúc tuổi già.

Ông McCoy lấy trong tập ảnh cũ ra một tấm hình John McCoy chụp chung với Nhàn ở Pleiku mà anh ta đã gửi về nhà không bao lâu trước khi tử trận. Ông đưa tấm hình đã phai màu cho vợ và nói:

- Hình như Thượng-đế muốn mình còn phải ràng buộc với cái đất nước xa xôi này. Laura, phải chăng đây là một sự đền bù cho mất mát của mình hay chỉ đem lại thêm những phiền hà?

Bà Laura im lặng nhìn tấm hình, trầm ngâm suy nghĩ, chớp mắt để làm tan những giọt lệ rồi nói với chồng:

- Bill, tôi nghĩ rằng có thể con bé này sẽ giúp mình tìm được sự trả lời cho câu hỏi đã dày vò mình bao nhiêu năm nay. John đã sang Việt Nam và đã chết tại đó vì cái gì? - Bà xúc động nấc lên mấy tiếng và nói tiếp trong nước mắt - Tôi cứ bị ám ảnh là John đã phạm một tội ác. Đứa con yêu quý của tôi... Bill, ông biết nỗi đau của tôi... Nó chết hai chục năm rồi nhưng tôi vẫn có cảm giác như mới nhận được tin, và đôi lúc còn không tin là nó đã chết tại Việt Nam trong sự nguỵên rủa của dân Mỹ...

Ông McCoy quàng một cánh tay ôm vợ, lặng lẽ chia sẻ cảm xúc. Cũng như vợ, Bill McCoy đã bị cái bóng đen Việt Nam ám ảnh. Ông tự hỏi tại sao ông không cảm thấy hãnh diện đã có một đứa con hy sinh cho nước Mỹ. Chiến tranh Việt Nam đã làm cho nước Mỹ và cả gia đình ông chia rẽ sâu xa. McCoy đã bị giăng co ở giữa cuộc tranh luận, và ông đã tránh không nghĩ đến nó, không nói đến nó, và cũng không muốn nghe đến nó. Nhưng bây giờ "nó" đang ở trước mặt ông, xuất hiện trong đời sống của ông một cách bất ngờ mà ông không bao giờ nghĩ tới.

Từng tham dự cuộc Thế Chiến II ở Âu Châu và nay là một y sĩ hồi hưu, Bill McCoy sống tuổi già bình yên với bà vợ trong ngôi nhà sang trọng ở

Vienna, Virginia. Ngoài John McCoy, ông bà còn hai người con khác - David, con trai lớn, và Jane, con gái út. Họ ở xa, thỉnh thoảng đến thăm cha mẹ và tránh không nhắc gì đến chuyện Việt Nam vì hai người có hai lập trường khác nhau. David ghét cộng sản và ủng hộ việc Mỹ can thiệp vào chiến tranh Việt Nam. Jane, ngược lại, đã nhiều lần xuống đường hò hét trong những cuộc biểu tình phản chiến từ khi còn là sinh viên, và nay nằm trong một nhóm đang vận động để chính phủ Mỹ bình thường hoá bang giao với Việt Nam.

Bill McCoy tôn trọng quyền tự do của hai người con và chỉ yêu cầu họ đừng bàn đến chuyện Việt Nam trước mặt ông, để ông được yên sống phần đời còn lại. Nay, Lisa như từ trên trời rơi xuống giữa nhà, ông không có cách nào trốn tránh. Sau khi đọc lá thư của Lisa, ông bàn với vợ và ngày hôm sau, bà gọi điện thoại để hai vợ chồng nói chuyện với Lisa và Nhàn, hẹn ngày đi California dự lễ phát băng của đứa cháu mang dòng máu Việt Nam.

Cuộc điện đàm làm cho ông bà McCoy rất hài lòng và cảm động về những lời lẽ chứa chan tình cảm và hiểu biết của mẹ con Nhàn. Nhưng chuyến đi California mới thực sự làm cho họ xúc động. Bà McCoy đã khóc khi ngồi nghe Lisa thay mặt học sinh toàn trường để đọc diễn văn tốt nghiệp. Cô đã nói đến những kinh nghiệm khổ đau trong những năm ở Việt Nam, đến cuộc vượt biển kinh hoàng và những ngày đầu tiên khó khăn trên đất Mỹ. Cô cảm ơn người mẹ kính yêu, cảm ơn những người Mỹ đã đổ máu vì tự do trên đất Việt Nam trong đó có cha cô, và cảm ơn nước Mỹ đã đón nhận và cho gia đình cô cơ hội sống trong tự do và nhân phẩm. Cô hứa sẽ tiếp tục cố gắng học và đền đáp lại những gì cô đã nhận để có được ngày hôm nay.

- Thật tuyệt vời! - Bà McCoy vừa chấm nước mắt vừa nói với chồng. - Tôi không thể tin được những gì diễn ra trước mắt. Tôi đang nghĩ đến John và cảm thấy tự hào. Tôi sẽ không bao giờ quên được ngày hôm nay. Cảm ơn Thượng-đế.

Ông bà McCoy cũng ngạc nhiên khi tới thăm ngôi nhà khang trang của mẹ con Nhàn đang làm việc tại một văn phòng luật sư trong lúc tiếp tục học luật. Họ cũng đi thăm khu phố Little Saigon để thấy sinh hoạt phồn thịnh

của hàng trăm ngàn người Việt tị nạn tại vùng Nam California.

Ngày Lễ Tạ Ơn năm ấy, ông bà McCoy đã mời Nhàn và hai con tới thăm Virginia. Nhân dịp này, họ đã cùng đi viếng mộ John McCoy trong Nghĩa trang Quốc gia Arlington và thăm Bức Tường Việt Nam ở Washington, nơi khắc tên gần 57,000 người Mỹ đã hy sinh trong Chiến tranh Việt Nam. Mấy ngày sống chung trong ngôi nhà ở Vienna đã xoá tất cả ngăn cách giữa những người khác chủng tộc, màu da, khác lục địa, mà cuộc Chiến tranh Việt nam đã đem họ lại với nhau trong những mối liên hệ đầy ngộ nhận và thành kiến.

Trước khi chia tay, bà McCoy nói với Nhàn:

- Nhờ you, chúng tôi đã thoát khỏi sự ám ảnh của "con ma Việt Nam". Chúng tôi tin rằng John đã yên nghỉ với lương tâm trong sáng của một người đã chiến đấu vì chính nghĩa. Chúng tôi rất đau buồn vì cái chết của con chúng tôi và cũng thấu hiểu nỗi đau buồn của you. Chúng tôi nghĩ rằng Lisa là niềm an ủi cho you và nay cũng là niềm an ủi cho chúng tôi.

Bà ta mỉm cười, và Nhàn cũng mỉm cười trong nước mắt long lanh. Cô biết từ nay ông bà McCoy có thể bình yên sống với những năm tháng còn lại, nhưng với mình thì cuộc hành trình đi tìm kiếm lại linh hồn đã mất vẫn còn tiếp tục.

Ngoài bốn mươi tuổi, Nhàn không còn trẻ nữa nhưng cũng chưa già, và còn cả một quãng đời dài để sống. Khi còn ở Việt Nam, Nhàn chỉ tìm mọi cách để thoát ra khỏi một cuộc sống không còn chịu đựng nổi. Nay, đã yên ổn trên một đất nước tự do, cô thấy không dễ dàng để chọn một cách sống.

Sống buông trôi và tạm bợ trên đất khách quê người để chờ ngày trở về Việt Nam hay chết già trên nước Mỹ như một kẻ lưu vong mãi kiếp?

Hay quên Việt Nam đi để nhận nơi này làm quê hương, hội nhập vào xã hội Mỹ?

Cả hai con đường trên đều có vẻ không phù hợp với Nhàn. Cô không muốn đóng vai kẻ lưu vong mãi kiếp nhưng cũng không muốn tự xem mình như một người Mỹ da vàng.

Những ràng buộc chằng chịt với hạnh phúc và thảm kịch trong nửa đời người trên mảnh đất ở bên kia bờ biển Thái Bình khiến Nhàn rất khó mà

gỡ bỏ, và có vẻ cũng đã quá muộn để hội nhập vào quê hương mới, nhưng Nhàn cũng không muốn nối tiếp cuộc sống bị đứt đoạn bởi ngày 30-4-1975 với những hoài thương, chấp nối, mộng mị trong những ốc đảo tị nạn. Và như thế Nhàn đã trở thành kẻ cô đơn giữa hai con đường mà hầu hết người Việt Nam ly hương đã chọn.

Ngoài những giờ đi làm và đi học, Nhàn quanh quẩn ở nhà. Lisa được học bổng của Đại học Harvard đã đi Boston để học y khoa, trong nhà chỉ còn Tuấn và Phượng. Một ngày không xa lắm, Tuấn cũng sẽ rời nhà để vào đại học, Phượng đang có người yêu, và không bao lâu nữa sẽ theo chồng. Mọi người đều có đời sống riêng, và Nhàn sẽ đứng lại trong nỗi cô đơn.

Văn phòng luật sư nơi Nhàn làm việc ở gần khu phố Bolsa, trung tâm thương mại nhộn nhịp nhất của người Việt tị nạn. Hàng ngày, Nhàn nhìn sinh hoạt của cộng đồng người Việt mà cảm thấy như đang sống trong những cơn mê giữa ban ngày, vừa nghe ấm trong lòng vừa xót xa trong nỗi chán chường.

Thấy Nhàn có nhan sắc và sống độc thân, nhiều người đàn ông đã xấp lại như những tay thợ săn nhìn thấy bóng nai. Những người đàn ông tuổi trung niên, phần đông đã ra đi một mình, nhưng cũng có người đang sống với vợ con và nghĩ rằng săn đàn bà cũng dễ như săn nai. Sau một thời gian theo đuổi, những người này đã bỏ cuộc trước sự lạnh nhạt, đôi khi tàn nhẫn của người đàn bà mang dáng vẻ nhu mì lịch lãm nhưng tâm hồn thì đã đóng băng. Không có người đàn ông nào đủ sống lay động và làm tan khối băng trong tâm hồn Nhàn.

Nhưng không phải tất cả đàn ông tị nạn đều là thợ săn. Có những người đàn ông trung thành mà Nhàn đã tiếp ở văn phòng luật sư. Họ tới để nhờ làm hồ sơ bảo lãnh cho vợ con ở Việt Nam. Họ tỏ ra đứng đắn và nôn nóng được đoàn tụ gia đình. Có người được toại nguyện, có người không.

Một buổi trưa, Nhàn tiếp một người khách quen bước vào văn phòng với gương mặt buồn bã.

- Chào ông Thông. - Nhàn lễ phép đứng dậy chào khách và mỉm cười nhưng đôi môi đã chợt đọng lại trước vẻ buồn trên gương mặt người đàn ông. - Mời ông ngồi ạ.

Thông ngồi xuống chiếc ghế trước bàn của Nhàn và cúi đầu im lặng. Nhàn ngồi xuống, nhìn người khách, bối rối trước thái độ kỳ lạ của anh ta.

- Ông có tin gì của gia đình bên nhà không? - Nhàn dè dặt lên tiếng. - Chúng tôi hy vọng bà và các cháu sẽ được phỏng vấn trong năm nay.

Người khách từ từ ngẩng đầu lên, vẫn với vẻ buồn trên mặt, và nói chậm chạp:

- Tôi tới đây để xin cô lại hồ sơ bảo lãnh.

- Tại sao vậy? - Nhàn ngạc nhiên hỏi.

Thông khẽ lắc đầu, nén một tiếng thở dài, trả lời:

- Họ không cần bảo lãnh nữa.

- Ồ, vì sao vậy? - Nhàn càng ngạc nhiên.

Thông không trả lời, và lại cúi đầu, chớp mắt vài cái, đôi môi mím lại trên gương mặt cương nghị. Nhàn đoán có chuyện gì quan trọng nên không dám nói gì thêm. Khi Thông ngước lên nhìn Nhàn, đôi mắt anh ta đỏ và rơm rớm ướt. Nhàn nói nhỏ vừa đủ cho Thông nghe:

- Chúng tôi sẽ trả lại hồ sơ cho ông cùng với một phần lệ phí.

- Không. Xin cô giữ lại tiền.

- Ông Thông, ông có thể cho tôi biết có chuyện gì không?

Thông nhìn vào mắt Nhàn ngập ngừng:

- Có lẽ tôi cũng cần nói với cô... nhưng ở một nơi thích hợp hơn...

- Hay mời ông tới nhà tôi... sau giờ làm việc? - Nhàn buột miệng nhanh nhẩu.

Nhàn đề nghị như vậy vì trước đây Thông đã đến nhà Nhàn vài lần để đưa các giấy tờ cần gấp và hai người coi nhau như bạn, tuy không thân. Vũ Quang Thông cùng xấp xỉ tuổi Nhàn, cựu trung úy Hải Quân, đã theo tàu di tản ngày 30-4-1975 không kịp về đón vợ và hai con. Nay là một kỹ sư điện tử, một người thương nhớ vợ con đặc biệt trong những người khách của Nhàn.

- Tôi vừa được tin hôm qua. Chờ đợi lâu quá, vợ tôi đã đưa hai đứa nhỏ đi vượt biên. Tàu chìm vì gặp bão, chỉ có vài người sống sót.

Nói xong, Thông ngồi ôm đầu bất động như một pho tượng trong phòng khách nhà Nhàn. Cô hiểu vì sao Thông không muốn nói ra những lời ấy tại

văn phòng trước mặt nhiều người. Anh ta như bị đè nặng dưới một khối đá ngàn cân sau khi thuật lại thảm kịch của vợ con.

Nhàn không tìm được lời nào để an ủi Thông. Cô cũng đã sống qua cảnh ấy, và không phải chỉ một lần. Cô lặng lẽ ngồi nhìn Thông hồi lâu rồi nhẹ nhàng đứng lên đi vào bếp, đem ra một tách trà nóng đặt xuống trước mặt Thông. Bỗng, cô thấy bàn tay mình đặt trên vai Thông. Để an ủi anh ta hay an ủi chính mình? Nhàn tự hỏi.

Từ đó, thỉnh thoảng Thông tới thăm hay gọi cho Nhàn, để nói vài câu chuyện, không liên quan đến ai. Nhàn cảm thấy bớt cô đơn mỗi khi nói chuyện với Thông, vì người đàn ông tị nạn này không giống những người đàn ông tị nạn khác - thường chỉ làm cho Nhàn cảm thấy cô đơn hơn mỗi khi tiếp xúc.

Có lần Thông hỏi Nhàn:

- Tại sao cô không làm nhà văn, hay nhà thơ?
- Tại sao anh không làm văn sĩ hay thi sĩ? - Nhàn cười hỏi lại.
- Tại tôi không có tài văn chương. Bài thơ cô làm ở trại Bidong thật hay. Tôi đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần và đã thuộc lòng.
- Đó không phải là thơ mà chỉ là những xúc cảm tôi không đè nén được. Anh là người duy nhất đã đọc bài ấy.
- Và đó chính là thơ khi nó làm người khác xúc cảm. Tôi đọc nhiều sách nhiều thơ của các văn sĩ thi sĩ mà không thấy xúc cảm gì cả. Chỉ phí thì giờ. Họ viết những điều không dính dáng gì đến mình.
- Nhưng họ là văn sĩ và thi sĩ. Cũng như anh là kỹ sư, là sĩ quan...
- Bởi vì vậy Cộng sản mới chiếm được miền Nam...
- Anh muốn nói gì vậy?
- Tôi muốn nói về những người đã không làm đúng với vai trò của mình. Đáng lẽ tôi không nên có mặt tại đây. Một người lính bỏ chạy trước quân thù, bỏ quê hương để đi tị nạn nơi nước khác.
- Ồ, việc ấy không đơn giản như vậy. Hơn nữa, anh có phải là người quyết định đâu.
- Vâng, tôi có thể lý luận như vậy để tự bào chữa. Nhưng tôi không muốn tự bào chữa.



- Anh tự buộc tội để làm gì?
- Tôi chỉ muốn thành thật với chính mình. Tôi không muốn lừa dối lương tâm mình.
- Vậy thì anh sẽ không bao giờ hết cô đơn và hết khổ.

Một ngày nọ, Nhàn bị một tai nạn xe hơi và bị thương nhẹ. Thông vào bệnh viện thăm với một bó hoa. Anh ngồi rất lâu bên cạnh giường bệnh và nói rất ít. Mấy ngày sau, anh đều tới thăm Nhàn cho đến ngày cô xuất viện. Nhàn nghe ấm trong lòng mỗi khi Thông tới và thấy mình vẫn còn là kẻ may mắn. "Nếu Thông bị như mình, biết có ai vào bệnh viện thăm anh ta?", Nhàn nghĩ và linh cảm mối quan hệ giữa hai người đã đi tới chỗ rất thân thiết dưới một bề ngoài bình thường. Nhàn cũng không biết mình sẽ phản ứng ra sao nếu Thông tỏ tình.

Nhưng Thông không bao giờ bước khỏi ranh giới tình bạn, mà Nhàn lại nhận được sự tỏ tình bất ngờ của một người Mỹ, Tom Blake, một trong mấy luật sư nơi Nhàn làm việc. Blake rất lịch sự, đã hai lần ly dị, thường hỏi thăm về đời sống của Nhàn và nói đến gia cảnh của mình. Vì giao dịch cần thiết trong nghề nghiệp, Nhàn nhận lời đi ăn trưa ăn tối với anh ta vài lần. Lần ăn tối sau cùng tại một nhà hàng sang trọng, Blake nhìn vào mắt Nhàn một cách say đắm và nói:

- I love you.

Nhàn bàng hoàng. Cô nghe như tiếng nói của John McCoy hai mươi năm trước, nhưng không còn rung động như được nghe lần đầu. Biết bao biến động và thảm kịch đã xảy ra trong thời gian hai mươi năm ấy. Thanh Nhàn ngày nay cũng không còn phải là cô sinh viên ngây thơ bồng bột muốn làm cách mạng của hai mươi năm trước. Sau giây phút bất ngờ, Nhàn lấy lại bình tĩnh và trả lời:

- Tom, hãy giữ mối liên hệ giữa hai chúng ta ở trong phạm vi tình bạn. Hạnh phúc của tôi bây giờ là hai đứa con, và tôi không muốn thay đổi cuộc sống hiện tại.

Tom thở dài:

- Tôi không thất vọng, và mong you sẽ đổi ý...

Blake là một người Mỹ trí thức, và dịu dàng. Anh ta có vẻ thích văn hóa Á



Đông, đồ ăn Á Đông, và dĩ nhiên, đàn bà Á Đông. Nhân không biết rõ lý do hai lần ly dị của Tom nhưng nghĩ một người vợ Á Đông có thể sống với anh ta lâu dài.

Tom không bao giờ nhắc lại lời tỏ tình và thỉnh thoảng vẫn mời Nhân đi ăn. Nhân miễn cưỡng nhận lời nhưng nghĩ rằng tình trạng này nên chấm dứt. Và có vài lý do khác khiến Nhân nghĩ đến thay đổi. Cô đã học xong luật và nhập quốc tịch Mỹ, đồng thời công việc ở văn phòng luật sư ngày càng trở nên nặng nề, không thích hợp với bản tính chân thật của Nhân. Nhân thấy đã đến lúc phải làm một sự lựa chọn: nhận làm vợ Tom và quên chuyện Việt Nam, hay giã từ văn phòng luật sư và trở thành một công chức của Sở Xã hội mà công việc là giúp đỡ người tị nạn. Nhân đã đủ điều kiện để xin việc này và có nhiều triển vọng được tuyển dụng.

Một hôm Nhân gọi cho Thông:

- Tôi có một việc quan trọng muốn hỏi ý kiến anh.
- Việc gì vậy?
- Không thể nói trong điện thoại.
- Hay là Thứ Bảy này mời cô tới nhà tôi. Tôi sẽ nấu phở đãi cô ăn trưa.

Nhà Thông là một condo nhìn ra một chiếc hồ nên thơ tại thành phố Lake Forest. Thông đã nấu xong phở khi Nhân đến. Anh vừa dọn phở ra vừa nói:

- Mời cô thưởng thức phở của tôi đã rồi mới có thể nói chuyện quan trọng sau.

Họ vừa ăn vừa nói về cách nấu phở. Ăn xong, Thông bưng ra hai tách trà nóng và nói:

- Nghe cô nói có việc quan trọng muốn hỏi ý kiến, tôi đâm lo. Chuyện của mình còn tối mờ, biết chỉ đường cho ai?

Nhân cầm tách trà lên uống và đứng dậy nói:

- Có lẽ tôi cũng không nên hỏi anh nữa. Không phải vì không cần ý kiến của anh mà vì có lẽ cũng chẳng có gì quan trọng. Từ lâu rồi, tôi không còn thấy có chuyện gì quan trọng. Có gì còn là quan trọng đối với những mảnh đời đã tan nát?

Nhân đi lại đứng bên cửa sổ, nhìn ra chiếc hồ có những con vịt trời đang

bình thản bơi lội. Không khí thật yên tĩnh và gợi cảm vào một buổi trưa mùa thu. Thông vẫn ngồi trước bàn ăn lặng lẽ nhìn Nhàn, và chợt nhận ra đây là lần đầu tiên có một người đàn bà trong căn nhà này, và Nhàn chưa bao giờ nói gì về mình với anh. Nhàn quay lại, khẽ cười và nói:

- Cám ơn anh đã cho ăn một tô phở ngon. Nếu anh mở tiệm bán phở chắc không tệ như nghề đánh giặc. Tôi cũng chẳng có điều gì quan trọng để phải làm phiền anh.

Và Nhàn bước ra cửa với vẻ hờn giận. Thông vội đứng lên, để một tay lên chặn cánh cửa, lúng túng:

- Tôi là một tên đàn ông vụng về và ngốc, nhưng không phải là không có một trái tim.

- Ai không có một trái tim?

- Tôi yêu cô. Nhàn, anh yêu em.

- Làm gì có chuyện yêu thương ở đây?

Nhàn kín đáo mỉm cười, hai gò má ửng lên, bước trở lại, ngồi xuống chiếc sofa. Cô ngạc nhiên thấy mình vẫn còn yêu được một người đàn ông và đã làm tình say đắm với Thông một cách dễ dàng.

**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 11**

Thanh Nhân đã trở thành một công chức của Sở Xã-hội Orange County với nhiệm vụ phỏng vấn và giúp đỡ các người xin trợ cấp xã hội, trong đó có một số người Việt tị nạn.

Cuộc tình với Thông đã đem lại những thay đổi trong tâm hồn Nhân. Con chim nhỏ trên vùng đất lạ đã có đôi và cảm thấy tươi mát lại sau những cơn dông bão dài.

Dưới con mắt của những người ngoài cuộc, có lẽ mối tình giữa Nhân và Thông cũng chỉ là sự chấp nối của hai người tị nạn cô đơn trên đất khách, giống như những mối tình tạm bợ của những mảnh đời bị tan tác trong ngọn lửa hòa bình. Nhưng Nhân như đã tìm thấy trong đó thấp thoáng mảnh linh hồn đi lạc của chính mình, những đốm sáng ở cuối đường tăm tối.

Gần một năm đã trôi qua từ cái buổi trưa Nhân tới nhà Thông ăn phở và yêu nhau, nhưng hai người vẫn chưa có dự định gì cho tương lai. "Mình làm gì có tương lai mà dự định?" - Nhân trả lời mỗi khi Thông hỏi về việc chính thức hoá tình trạng giữa hai người. Cô đã quá mệt mỏi với những lần tan vỡ đau thương và vẫn cảm thấy cuộc đời mình không phải ở đây. Trong tình yêu với Thông, Nhân không có sự đam mê và ý muốn chiếm hữu. Nó như một sự cho và nhận công bằng, về tinh thần nhiều hơn và thể xác. Một sự trộn lẫn vào nhau giữa tình thương và tình yêu. Cô đã bị phân thân và bị lôi kéo bởi nhiều phía khác nhau. Dĩ vãng, hiện tại, hạnh phúc cá nhân, con cái, trách nhiệm và hoài vọng về quê hương đất nước. Hàng ngày tiếp xúc với những người tị nạn tiếp tục từ các trại tạm trú tới càng đem đến cho Nhân những trăn trở và gấn bó với mảnh đất bất hạnh ở bên kia địa cầu. Nhân cảm thấy ngoài bốn phận với hai đứa con, giúp đỡ những người tị nạn tới sau là công việc còn đem lại cho Nhân chút ý nghĩa của đời sống.

Thông thì vẫn ngày ngày lái xe đi làm và trở về căn nhà vắng lạnh, thỉnh thoảng được sưởi ấm với hình bóng và thân xác Nhân. Anh ao ước được

làm một việc gì khác hơn là chỉ kiếm tiền nuôi thân. Anh đã từng cùng một người bạn tham gia một tổ chức kháng chiến, phục quốc. Người bạn đã lên đường trở về Việt Nam và chết mất xác đâu đó ở "biên thùy Đông Dương". Thông rời bỏ tổ chức sau khi các lãnh tụ chống đối nhau và tố cáo lẫn nhau. Anh cũng từng đi sinh hoạt với một số đồng đội cũ nhưng rồi cũng thưa dần vì không muốn nhìn lại mặt vài ông tướng tá đã bỏ chạy như vịt khi nghe tiếng tru của chó sói và bây giờ lại đòi lãnh đạo, cầm micro hô hào chống cộng ồn ào hơn ai trong những bữa tiệc linh đình.

Qua người quen và báo chí trong cộng đồng, Thông vẫn nhận được tin tức từ Việt Nam. Vẫn những chuyện chán ngấy và buồn thảm dưới chế độ cộng sản, chuyện về những người tiếp tục ra đi trong lúc các trại tị nạn ở Đông Nam Á tuyên bố đóng cửa và cưỡng bách hồi hương thuyền nhân. Cùng lúc, một số người Việt ở hải ngoại đã đáp ứng chính sách "đổi mới" vừa được ban hành ở Việt Nam, trở về nước đầu tư làm ăn, thăm thân nhân, hay chỉ để khoe khoang chút phần vinh dư thừa của tư bản với đồng bào bất hạnh ở quê nhà. Cửa hàng gửi quà về Việt Nam một thời rất phát đạt nay vắng khách được đổi thành văn phòng chuyển tiền và bán vé máy bay. Khi vợ con còn ở Việt Nam, Thông tuy sống độc thân tại Mỹ nhưng ngày tháng còn được khóa lấp với những hy vọng và với việc làm đầy các thùng quà để gửi về nuôi sống gia đình. Bây giờ cuộc sống trở nên hoàn toàn vô vị với Thông, nếu không có Nhàn. Nhàn đã đến với Thông như một tặng phẩm bất ngờ của định mệnh sau bi kịch đã gần như bẻ gãy anh. Nhàn đã cứu Thông trong cơn tuyệt vọng, đã kéo anh lên từ hố sâu và đưa anh bay bổng vào vùng trời ấm áp ngào ngạt hương hoa. Tuy hình ảnh vợ con vẫn không phai mờ trong tâm não Thông, dày vò Thông, nhưng sự hiện diện của Nhàn như một đèn bù cho những mất mát khủng khiếp. Với Thông, Nhàn không phải chỉ là một người đàn bà như những đàn bà khác. Nhàn không nói nhiều với Thông về quá khứ của mình, nhưng những gì Thông biết càng làm anh khâm phục và yêu thương sâu đậm hơn. Thông tự hỏi phải chăng những cuộc tình tan vỡ bi thảm trong quá khứ đã khiến Nhàn không muốn chính thức trở thành vợ anh, và vẫn lo sợ một cơn giông tố không báo trước.

Sau khi làm tình với nhau lần đầu tiên, Nhàn hỏi:

- Anh có khinh em không?

- Trái lại.

- Anh nói dối. Người đàn ông nào cũng khinh những người đàn bà dễ dãi với họ.

- Em không dễ dãi. Anh cảm thấy như mình là một kẻ trúng số độc đắc. Tại sao em yêu anh?

- Có lẽ tại vì anh... không có gì cả. Anh nghèo nhất trần gian nên em cho anh trúng số độc đắc.

Nhàn giễu cợt và cười.

Thông cố tìm hiểu tâm trạng Nhàn nhưng chỉ như chui vào một khu rừng rậm, vì ngay cả Nhàn cũng không thể hiểu chính mình. Cô yêu Thông và muốn có Thông trong đời sống nhưng mỗi lần nghĩ đến việc trở thành vợ Thông, Nhàn dừng lại, bỏ qua. Cô giữ gìn để tránh không mang thai với Thông. Một lần Thông nói:

- Anh ao ước mình có một đứa con.

- Anh... để đi em nuôi cho! - Nhàn đùa và nói sang chuyện khác.

Và như thế, họ sống với nhau trong một hạnh phúc vừa có thật vừa như hư không. Thông làm mọi điều để tạo niềm vui, đem tin tưởng cho Nhàn và hy vọng một ngày nào đó sẽ thuyết phục được Nhàn. Hôm sinh nhật Nhàn, Thông định đi mua một chiếc đồng hồ đeo tay thật đẹp có cần những hạt kim cương để làm món quà bất ngờ. Anh vào cửa tiệm của một người quen, một nhà tu xuất. Ông ta đang học để trở thành linh mục thì bị Việt Cộng đuổi ra khỏi chủng viện, đi vượt biên, lấy vợ và trở thành thương gia. Trước đây, cửa tiệm của ông ta chuyên nhận gửi quà về Việt Nam mà Thông là một khách hàng quen. Hồng hào, trắng trẻo, chào hàng rất dẻo, trông ông ta không ai nghĩ có thể là một nhà tu. Khi nghề gửi quà về Việt Nam bị "đổi mới" giết chết, ông ta xoay nghề làm đại lý các đồng hồ đắt tiền. Ông ta mừng rỡ khi thấy Thông bước vào tiệm:

- Trời ơi! Lâu quá không thấy anh, cứ tưởng anh về chiến khu phục quốc rồi.

- Yên chí đi, chừng nào về chiến khu tôi sẽ không quên rủ anh. - Thông

đùa. - Còn bây giờ, tôi muốn mua một cái đồng hồ đeo tay.

- Cho anh à?

- Không. Đồng hồ phụ nữ, Rolex hay cái gì đó.

- Chà, hay đấy. Bà xã qua rồi à? Hay là có chiến khu khác ở đây rồi?

- Anh muốn bán đồng hồ cho tôi hay muốn làm công an?

Thông chọn một cái đồng hồ vừa ý, trả tiền, và khi ra cửa thì chủ tiệm gọi giật lại:

- Anh Thông! Tí nữa thì tôi quên mất. Có người nhắn muốn gặp anh. Khá lâu rồi nên tôi quên lửng đi. Một nhân viên Hội Hồng Thập Tự tới đây hỏi về anh. Họ nói muốn gặp anh về một việc gì đấy. Xin lỗi nhé. Đẹp chuyện gửi quà, giấy tờ thất lạc hết nên tôi không còn địa chỉ của anh.

Ngạc nhiên, ngày hôm sau Thông tới văn phòng Hội Hồng Thập Tự. Tiếp anh là một phụ nữ Mỹ đứng tuổi, có nhiều tàn nhang trên một gương mặt rất trắng với một cặp kính lão có hai sợi dây lòng thòng đeo trên cổ. Bà ta chỉ xưng tên là Jacqueline, và căn đầu bút chì ngấm nghĩ sau khi nghe Thông trình bày lý do tới đây. Cuối cùng, bà ta đứng lên.

- Để tôi hỏi xếp của tôi xem ai nhắn gặp ông có việc gì. Chúng tôi có rất nhiều việc phải làm và có những người phụ trách khác nhau. Ông ngồi đây chờ tôi một tí nhé.

Jacqueline đi vào trong và một lúc sau trở ra với một bì đựng hồ sơ trên tay. Trên cái mồm rộng có một nụ cười dễ thương. Bà ta ngồi xuống và hỏi Thông:

- Tên ông là Thông Vu Quang phải không?

- Vũ Quang Thông theo cách gọi của người Việt Nam và Thông Quang Vu theo cách gọi của người Mỹ.

- Vợ ông tên là Bít (Bích) Thi Nguyen, đúng không?

- Đúng rồi. Có chuyện gì vậy? - Thông sốt ruột hỏi.

- Tôi có một tin vui và một tin buồn cho ông. Vợ và hai con ông vượt biển trốn khỏi Việt Nam hơn một năm trước đây và bị chìm tàu.

- Vâng, tôi đã biết.

- Chắc ông được tin là vợ con ông đã chết hết.

- Đúng như vậy, rồi sao?

- Hai con ông không may đã chết, nhưng vợ ông trôi giạt vào một hòn đảo hoang của Indonesia, mấy tháng sau mới có một tàu đánh cá ghé vào đảo tránh bão gặp được và đưa vào trại tị nạn Galang. Bà ấy nhờ Hội Hồng Thập Tự liên lạc với ông, nhưng không còn giữ được địa chỉ của ông, chỉ nhớ tên thành phố và tên của cửa hàng mà ông thường gửi những thùng quà về. Chúng tôi đã tìm ra cửa hàng ấy và nhắn tin cho ông vì họ không có địa chỉ của ông...

Thông chỉ nghe được đoạn đầu, sau đó không còn biết Jacqueline nói gì. Những âm thanh trôi nổi khi gần khi xa trong một vũ trụ đang quay cuồng hỗn loạn. Thông không biết mình đang vui hay buồn, đang mừng hay đang lo.

- Chúng tôi sẽ giúp ông làm hồ sơ bảo lãnh vợ ông. Có lẽ khoảng sáu tháng vợ ông có thể sang đây đoàn tụ với ông. - Jacqueline nói. - Ông làm sao thế? Ông không được khoẻ à? Hay là ông quá xúc động trước cái tin mừng bất ngờ này? Ai mà không xúc động! Thật là một sự may mắn hiếm có. Từ ngày có người Việt Nam vượt biển đi tị nạn, đây là trường hợp thứ hai mà chúng tôi gặp.

- Cám ơn bà. Tôi sẽ trở lại để làm hồ sơ bảo lãnh.

**Sơn Tùng**  
Lửa Hòa Bình  
**Chương 12 (chương kết)**

Vũ Quang Thông đã gặp lại Nguyễn Thị Bích, người vợ mà anh yên trí là đã chết trên đường vượt biển đi tìm tự do và đã làm cho anh tưởng như không còn lẽ sống. Nhưng, nay sự đời đã đổi khác. Hình ảnh Thanh Nhàn không lúc nào rời khỏi tâm trí anh với những kỷ niệm còn nóng bỏng. Bích thì nay chỉ còn thấp thoáng cái bóng của ngày xưa. Người vợ một thời dấu yêu từ cõi chết trở về đã mang theo tấn thảm kịch mà Thông đang cố quên đi để sống.

Bích kể đi kể lại với Thông từng chi tiết những gì đã xảy ra trên đường vượt biển. Không ngày nào không kể và không rấm rức khóc khi nhắc đến hai đứa con đã bỏ thân trong lòng biển. Bích đã kể với Thông cả việc mình bị hải tặc hãm hiếp, điều mà trước đây anh không hay biết. Bích thường rên rỉ khi nằm bên cạnh chồng:

- Tại sao trời lại bắt em sống để làm gì? Sao không cho em được chết với hai con để khỏi phải sống lây lất với nỗi đau đớn không giây phút nào nguôi, khỏi làm khổ lây đến anh...

Hay:

- Sao trời không cho em chết và để hai con sống, chúng ngây thơ vô tội và cần được sống hơn em...

Thông cố an ủi vợ, cố giúp vợ hội nhập vào cuộc sống thực tại nhưng dường như chỉ làm cho vết thương của Bích lở loét thêm. Thấy những đứa trẻ cắp sách đến trường, khóc. Nhìn những người Việt Nam vui cười trên phố Bolsa, khóc. Nghe một khúc nhạc xưa, khóc. Được một người quen thăm viếng, khóc. Bích đã hoàn toàn trở thành một người đàn bà lãnh cảm, từ chối chuyện chăn gối với chồng và thường thức dậy giữa đêm khuya, đi quanh quần trong nhà hay ngồi ôm hình hai đứa con khóc thầm một mình. Thông bối rối, lo sợ vợ sẽ tự tử trong lúc ở nhà một mình. Một hôm anh gọi cho Nhàn:

- Em đừng bỏ anh trong lúc này. Anh cần em.



- Anh cần em nhưng em giúp gì được cho anh?
- Em không cần giúp gì cả. Chỉ đừng từ chối nói chuyện với anh, đừng tránh né gặp anh.

- Thông. Anh phải hiểu cho em.

Thông kể tình trạng của Bích và hỏi:

- Em nghĩ anh phải làm gì?

Nhàn thở dài:

- Em cũng không biết nữa.

Đã nửa năm trôi qua sau buổi chiều hấp tấp rời khỏi nhà Thông và đi Phi Luật Tân, Nhan không gặp lại và cũng không trả lời điện thoại mỗi khi anh nhắn trong máy. Cô bối rối trước những điều vừa nghe về tình trạng của Bích.

- Anh cũng sắp khùng luôn rồi đây. - Thông nói.
- Anh có đưa chị ấy đi khám bác sĩ tâm thần không?
- Không.
- Tại sao vậy?
- Bà ấy nói "anh nghĩ là em điên à", và không chịu đi. - Thông ngập ngừng
- Hay... em đóng vai bác sĩ tâm thần giúp anh khuyên giải Bích được không?
- Anh điên rồi à?

Nhan ngạc nhiên nhận ra mình đã dứt tình Thông một cách nhẹ nhàng, như trả lại món đồ mà cô đã nhặt được cho chân chính sở hữu chủ. Sau cơn choáng váng lúc đầu, Nhan nghĩ đến vợ Thông, đến nỗi đau khổ của người mẹ đã mất hai đứa con trên đường vượt biển. Cô hiểu sâu xa và kính trọng nỗi đau khổ ấy vì chính mình đã sống qua, nhưng Nhan không ngờ tâm thần của Bích lại ở trong tình trạng bi đát như vậy. Từ ngày ở Phi-luật-tân về với thằng bé mồ côi, Nhan cũng có nỗi vui riêng và những bận rộn mới nên không có thì giờ nghĩ nhiều đến Thông. Thằng bé nay đã lên tám, và được đặt tên là May, họ Nguyễn.

Khi tách nó ra khỏi cái xác chết của người mẹ trên con tàu trôi nổi giữa biển khơi, không ai nghĩ đến việc tìm xem có giấy tờ gì liên quan đến nó? Về sau, người ta mới nhận ra rằng một con người không thể không có một

giấy tờ gì. Nhưng không ai biết gì về nó. Theo yêu cầu của Cao-ủy Tị-nạn Liên Hiệp Quốc, một tòa án ở Mã-lai đã làm cho nó một tờ "thế vì khai sinh" với tên là May, họ Nguyễn, cha mẹ vô danh, trước khi được một nữ tu người Việt đem về Phi Luật Tân. Nguồn gốc của cái tên May là từ chữ "May" trong tiếng Anh, tháng 5, khi thằng bé được cứu sống và đem đến miền đất tự do. Còn Nguyễn là cái họ rất phổ biến của người Việt Nam - như Kim của Triều Tiên, Smith của người Mỹ.

Với ngôn ngữ Việt Nam, May cũng mang một ý nghĩa thích hợp với thằng bé mồ côi. Nó sống sót là một sự may mắn gần như nhiệm mầu, nhờ những giọt máu tươi từ ngón tay của người mẹ sắp chết khát. Khi ấy, nó còn quá nhỏ để hiểu được tầm thức to lớn của tấn thảm kịch, nhưng được nuôi dưỡng trong một viện mồ côi trên xứ người, tâm trí non nớt của nó không tránh khỏi những bóng đen.

May nói được một ít tiếng Việt, nhưng không có một ý niệm gì quê hương của nó. Nó như một con thú nhỏ và yếu luôn luôn cảnh giác trước những đe dọa chung quanh. Khi giao thằng bé cho Nhàn, người nữ tu đồng hương nói:

- Chúa đã cho thằng bé này may mắn thứ hai khi nó có một gia đình, mà lại một gia đình Việt Nam, những người từng chia sẻ với nhau những đau thương.

Sau khi đưa May về Mỹ, Nhàn không chỉ cho thằng bé một gia đình, cô còn cố gắng tạo dần cho nó một ý niệm về quê hương gốc gác của nó. Điều đó không phải dễ đối với những đứa trẻ không lớn lên tại Việt Nam và không thấy có một ràng buộc nào với mảnh đất nhiều ruộng ở nửa bên kia quả địa cầu, nhưng Nhàn không thối chí. Cô dạy nó tiếng Việt và nói tiếng Việt với nó khi ở nhà, cho nó ăn đồ ăn Việt Nam, nghe nhạc Việt Nam, dạy nó lịch sử Việt Nam, đưa nó theo mỗi khi đi chợ ở khu Saigon Nhỏ Bolsa. Phụng và Tuấn cũng rất thích thú với sự có mặt của May trong nhà và thương yêu thằng bé như ruột thịt.

Bận rộn với thằng bé cũng là một cách giúp Nhàn để mỗi tình ngần ngủi với Thông sau lưng, và tưởng anh đã tìm lại hạnh phúc với người vợ cũ. Ai ngờ... Tâm hồn Nhàn lại bị khuấy động sau khi nói chuyện với Thông. Cô

có thể không gặp Thông, không nói chuyện với Thông, nhưng không thể quên hẳn Thông. Những kỷ niệm, những lời nói, những hơi thở, những phút ái ân, những cảm xúc... vẫn lẫn khuất đâu đó trong tâm hồn để vào một lúc bất chợt hiện ra làm cô xao xuyến, dù phần lý trí có ngôn ngữ khác. Nhàn cũng không biết chắc mình sẽ phản ứng ra sao nếu rơi vào hoàn cảnh bất ngờ bị Thông cảm dỗ trong một phút yếu lòng.

Một buổi sáng vào đầu tháng 11, hai đứa bé đã đi học, Phượng đã đi làm, Nhàn cũng đang sửa soạn rời nhà bỗng Thông xuất hiện ở cửa với một bó hoa hồng trên tay, miệng cười thật tươi, và đôi mắt long lanh những tia sáng mà chưa bao giờ Nhàn được thấy. Cô đứng sững nhìn Thông, miệng lắp bắp:

- Cái gì thế này? Anh lại điên rồi à?

Thông đưa bó hoa cho Nhàn rồi giơ cao hai cánh tay nói lớn:

- Điên rồi! Điên thật rồi! Sướng quá! Cộng sản sụp đổ hết rồi!

Bất ngờ, Thông ôm chặt lấy Nhàn và hôn lên môi cô. Nhàn không đáp lại mà cũng không phản đối. Cô bị tê cứng vì xúc động. Phải mất khoảng một phút cô mới mở miệng được.

- Anh nói cái gì vậy? Cộng sản nào sụp đổ?

- Thế em không coi ti-vi à? - Thông bước ra giữa phòng, chỉ tay vào chiếc máy truyền hình ở một góc - Mở ra đi, sẽ thấy... Ba-lan, Hungary, bây giờ tới Đông Đức. Người ta đang kéo nhau ra đập phá Bức Tường Bá-ling... Thật không khác nào trong một giấc mơ...

Nhàn mở máy truyền hình. Quả thật tất cả các đài đang trực tiếp tường trình cảnh đập phá "bức tường ô-nhục" ở Berlin với cả một rừng người đang cuồng nhiệt reo hò, phát cờ, ca hát, ôm nhau, hôn nhau...

Nhàn nhìn như bị thôi miên. Cô trông thấy những ánh mắt long lanh hạnh phúc, những giọt lệ trên má những người già, những nụ cười rạng rỡ trên môi những người trẻ... Sau hơn 40 năm bị đàn áp và nhục mạ, những con người can đảm ấy đã dành lại được tự do. Nhưng, dường như trong những tia nhìn, những giọt nước mắt của họ chứa đựng nhiều thứ khác hơn chỉ là tự do. Nó bộc lộ sự hồi sinh, niềm tự hào. Họ như muốn hét to lên rằng: "Chúng tôi không phải là loại người mà thế giới bên ngoài đã nhìn trước

đây. Chúng tôi xứng đáng đứng cao mặt dưới ánh mặt trời này."

Nhàn ngồi yên chăm chú theo dõi những hình ảnh tuyệt vời mà cô chưa bao giờ được chứng kiến. Sự việc đang diễn ra ở một nơi cách xa mấy ngàn dặm với những con người ở trên một lục địa khác nhưng Nhàn xúc động như đang có mặt tại chỗ và muốn nắm chặt tay những con người này để chia sẻ niềm vui cũng như sự nguy hiểm. Đúng là nhân loại hồi sinh. Một nửa quả địa cầu đang đắm chìm trong đêm tối bỗng bừng chói lòa ánh sáng tự do.

- Thật là khó tin. - Nhàn lẩm bẩm.

Thông đứng dậy nói:

- Em có chai champagne nào không? Mình uống mừng tự do của những con người lại được làm người.

Nhàn mở tủ rượu lấy ra một chai champagne và hai cái ly. Thông cầm chai rượu mở nút. Một tiếng nổ "bốp" rất lớn, một ít bọt trắng xối lên miệng chai. Anh rót rượu ra và đưa một ly cho Nhàn, trịnh trọng:

- Hãy uống mừng các dân tộc Đông Âu thoát ách cộng sản, và cầu mong cho Việt Nam một ngày không xa.

Họ cùng nâng ly và uống cạn. Khi Nhàn đặt chiếc ly xuống bàn, Thông nắm lấy tay cô và hai cặp mắt xao động gặp nhau. Giống như hai con thú quen hơi, họ nhìn nhau một cách nồng nàn. Nhưng đúng lúc ấy, Nhàn nghe một cảm giác lạnh ở bàn tay. Cô vừa chạm vào chiếc nhẫn cưới trên ngón tay Thông. Ngọn trào lòng vừa dâng lên vội lắng ngay xuống. Cô rút bàn tay lại, bước tới tắt máy truyền hình và nói:

- Trễ giờ đi làm của em rồi. À... vợ anh thế nào?

Thông cũng vừa chột tinh, trả lời:

- Ờ, anh quên nói với em. Chiếc ti-vi đã chữa bệnh cho bà ấy...

- ?

- Mấy hôm nay, bà ấy không rời chiếc ti-vi, cả đêm lẫn ngày, theo dõi từng biến chuyển ở Đông Âu. Tinh thần bà ấy như được đổi mới, không còn than khóc nữa. Bà ấy bảo sẽ sống để nhìn bọn Cộng sản Việt Nam đền tội...

Một luồng gió phấn chấn truyền nhanh qua cộng đồng người Việt tị nạn.

Nhiều người gọi điện thoại cho Nhàn để bày tỏ sự vui mừng và bàn luận về tình hình Việt Nam. Cô cũng được ông anh và người em mời tới nhà dự tiệc mừng thắng lợi của tự do, cộng sản đã tới ngày tàn.

Nhưng không phải ai cũng vui mừng và nghĩ rằng Cộng sản Việt Nam cũng sẽ theo bọn đàn anh sụp đổ nhanh chóng.

Một hôm, Nhàn gọi cho Xuân, người bạn cũ, để hỏi thăm và cũng để chia sẻ chuyện cộng sản sụp đổ tại Đông Âu. Xuân vờ lấy điện thoại như một ngư ông ngồi đã lâu không giựt được con cá nào:

- Cũng vì chuyện Đông Âu mà mình đang muốn... bỏ chồng đây. Nhàn là bạn thân từ ngày còn nhỏ mình không muốn giấu làm gì nhưng thật là xấu hổ. Nhìn thấy nước người ta rồi ngó lại nước của mình chỉ muốn khóc mà thôi. Ông chồng của mình Nhàn biết rồi đấy... Thời kỳ chiến tranh không đi lính một ngày. Du học về ăn trên ngồi trước. Cộng sản vào trốn ra ngoại quốc. Vậy mà bây giờ lại giở giọng hòa hợp hoà giải, theo bọn đón gió trở cờ... Ông ấy bảo Đông Âu khác, Việt Nam khác. Việt cộng sẽ chẳng bao giờ sụp đổ vì dân Việt Nam chậm tiếng, không có truyền thống dân chủ, không biết đòi tự do. Họ quen sống nô lệ rồi. Mà nếu có một số người đứng lên thì cũng sẽ bị dẹp tan như vụ Thiên-an Môn bên Tàu. Vợ chồng đã cãi nhau nhiều lần về việc đó, và bây giờ mình không còn sự kính trọng ông ấy. Khinh nữa là khác. Những tên khoa bảng làm mướn, giống như những con chó lúc nào cũng cần có một ông chủ để liếm chân. Hết Tây tới Mỹ, bây giờ tới mấy thằng Việt cộng... mà bọn này thì cũng chỉ là những con chó của Nga cộng, Tàu cộng... Sao nước mình nó thảm quá vậy hả?

Nhàn lặng người. Cô không ngờ gia đình bạn đi đến chỗ đổ vỡ nhanh chóng như vậy. Trước kia Nhàn vẫn nghĩ họ là những con người đứng ngoài mọi đau khổ của dân tộc Việt Nam. Nay, họ đã nhận được một phần của số phận chung, dù là cái phần ít cay đắng nhất. Nhàn cảm thấy thương Xuân và hơi hối hận trước đây có lúc đã ghen với cuộc đời bằng phẳng sung sướng của người bạn từ ngày còn đi học.

- Ông chồng của Xuân có định về Việt Nam làm gì không? - Nhàn hỏi.

- Muốn lắm đấy, nhưng trở cờ theo chúng mà chúng không thềm xài. Nhục không?

- Hình như mọi con đường của người Việt Nam đều bế tắc, cách này hay cách khác...

- Đúng vậy. Muốn khai thông thì phải làm như dân Đông Âu.

Nhiều người Việt ở hải ngoại hy vọng làn gió dân chủ ở Đông Âu sẽ thổi qua Việt Nam và họ say mê theo dõi những biến chuyển dồn dập xảy ra trên vùng đất ấy. Sau Ba-lan, Đông Đức đến Bun-ga-ri, Tiệp-khắc, và Romani. Trước kia, Nhàn rất ít xem ti-vi và đọc báo nhưng trong những ngày cuối năm 1989, không đêm nào cô không dán mắt vào chiếc máy truyền hình cho đến khuya, nhất là cuộc cách mạng hào hùng và đẫm máu ở Romani mà cuối cùng vợ chồng tên độc tài đỏ Ceausescu đã bị xử bắn trong ngày Lễ Giáng Sinh.

Sang năm 1990, toàn bộ các chế độ cộng sản ở Đông Âu đã sụp đổ. Những ngày sôi động đã lắng xuống. Các dân tộc dành lại được tự do bận rộn xây dựng nền móng mới cho cho một xã hội dân chủ. Đó cũng là lúc người tị nạn Việt Nam bắt đầu cảm thấy buồn và thất vọng khi nhìn về đất nước của họ vẫn im lặng chìm trong bóng tối.

Nhàn trở lại công việc hàng ngày với một tâm hồn trống trải. Người tị nạn vẫn tiếp tục tới Mỹ. Những người ra đi muôn màng mà Nhàn gặp mỗi ngày ở Sở Xã-hội với những bộ quần áo tặng phẩm nhà thờ và những gương mặt chưa phai nắng gió nơi các trại tị nạn, những đôi mắt còn in dấu những cuộc vượt biển gian truân. Trong khi đó, những người ra đi trước lại trở về với tư cách Việt kiều ngày càng nhiều, nhất là vào dịp Tết Nguyên đán, xênh xang "áo gấm về làng". Đôi lúc Nhàn không tránh khỏi cảm giác hổ thẹn và không muốn người khác nhìn mình như một người Việt Nam.

Tết năm ấy không nhằm ngày nghỉ cuối tuần, Nhàn vẫn tới sở làm việc. Sáng mừng một Tết, cô ngồi ở văn phòng và cảm thấy thật cô đơn. Lisa từ Boston gọi điện thoại tới sở chúc Tết mẹ. Nhàn vừa nói chuyện với con vừa giấu những giọt nước mắt. Lại một cái Tết nhạt nhẽo nữa trôi qua trên xứ người.

Vài người tị nạn đang ngồi trong phòng đợi để chờ được phỏng vấn xin tiền trợ cấp. Nhàn xem hồ sơ và bước ra gọi tên một người. Nguyễn Văn Bình. Cái tên không có gì đặc biệt, và người thanh niên đẩy cửa bước vào

cũng không có gì đặc biệt, cử chỉ dè dặt lễ độ. Nhìn chỉ chiếc ghế trước bàn giấy ra hiệu cho khách ngồi rồi lại cúi nhìn xuống xấp hồ sơ.

- Anh ở Thái-lan lâu dữ hả. - Nhìn nói trong lúc vẫn coi hồ sơ.
- Vâng, ba năm. - Bình trả lời.
- Anh đi đường bộ à?
- Dạ... vâng.
- Anh không có thân nhân nào ở Mỹ à?
- Dạ... không.
- Vậy ai nhận bảo trợ cho anh?
- Em được nhận vào diện "hốt rác".
- Anh nói tiếng Anh khá không?
- Dạ... tạm tạm thôi.
- Chính sách mới của tiểu bang đối với người tị nạn không dễ dãi như mấy năm trước nữa. Trong khi nhận trợ cấp, anh sẽ phải trình diện sở tìm việc. Người ta sẽ khảo sát tiếng Anh và giới thiệu việc làm cho anh. Nếu anh không nhận việc và không đi làm, tiền trợ cấp sẽ bị cúp.
- Vâng.
- Anh có gì cần hỏi không?

Bình ngập ngừng:

- Cô Nhìn, cô không nhận ra cháu à?

Nhìn giật mình ngạc nhiên, nhìn kỹ người thanh niên, cố bới trí nhớ xem Nguyễn Văn Bình là ai.

- Cháu là cháu chú Thái.

Nhìn đưa một bàn tay nén ngực, trở mắt nhìn Bình, miệng không thốt nên lời. Hình ảnh đứa cháu ở chung với Thái trong ngôi nhà ở đường Tú Xương hiện nhanh trong óc cô. Lúc ấy Bình mới mười lăm mười sáu tuổi, nay trên gương mặt người thanh niên tị nạn dạn dày không còn dấu vết gì của cậu bé năm xưa. Khi Thái tổ chức vượt biên có đem Bình theo, nhưng cuộc ra đi bị đổ bể, người bị bắn chết, kẻ bị bắt. Nhìn không còn gặp lại Bình. Trong lúc Nhìn vẫn còn ngồi im vì xúc động, Bình nói tiếp:

- Khi cuộc vượt biên thất bại, cháu bị tù một năm. Ra tù, cháu cố tìm cô nhưng không biết cô ở đâu.



- Chuyện dài dòng lắm. - Nhàn nói nhỏ và thở dài.

Cô nhớ tới Thái, tới những ngày chung sống với nhau, những hạnh phúc, những đau khổ. Gần mười năm qua, Nhàn vẫn bị ám ảnh về cuộc vượt biên thất bại và vẫn bị dẫn dắt về cái chết của Thái mà cô có một phần trách nhiệm. Cô biết, tuy đã chán ghét cộng sản Thái cũng sẽ không vượt biên nếu không vì tình yêu với Nhàn và bị Nhàn đốc thúc ra đi. Giờ đây, với sự xuất hiện bất ngờ của Bình trước mặt, vết thương cũ lại rỉ máu.

- Lúc nào cô sẽ kể cho cháu những gì xảy ra sau ngày ấy. - Nhàn nói tiếp - Cô không bao giờ quên được cái chết của chú Thái.

- Chú Thái không chết, cô ạ.

- Há? - Nhàn há mồm.

- Ai cũng tưởng là chú Thái đã chết vì chú bị thương nặng và máu ra nhiều, mê man bất tỉnh... Nhưng chú không chết, sau đó bị bắt và bị xử bí mật 20 năm tù. Chú còn đang bị giam ở trại cải tạo ngoài Bắc.

Nhàn thấy hình ảnh Bình trước mặt như hiện ra một đám sương mù và những gì cô nghe về Thái có vẻ như ở trong một giấc mơ trên giường ngủ.

Sau giờ làm việc, Nhàn đưa Bình về nhà, giới thiệu với Phượng, Tuấn và bé May để ăn với nhau một cái Tết đoàn tụ không hẹn trước. Cô cũng gọi điện thoại báo tin cho Lisa. Lisa rú lên trong máy:

- Trời ơi! Phật ơi! Chuyện gì mà như là ở trong tiểu thuyết?

- Chuyện thật con ạ. Bình đang ở đây. Đó là món quà Tết quý nhất cho mẹ.

- Mai con về ăn Tết với mọi người hai ngày rồi sẽ trở lại đây.

- Thôi, con ạ. Đi máy bay như vậy tốn tiền lắm và cũng mệt cho con.

- Con đi làm thêm ở đây, có tiền. Trong đời mẹ mấy khi có chuyện vui đâu. Con muốn cùng vui với mẹ lúc này.

Nhàn nghẹn lời, không nói gì thêm được nữa. Ngày hôm sau, Lisa về nhà. Không khí ngày Tết rộn lên trong tiếng cười, với bánh chưng, mứt, củ kiệu... như ở Việt Nam. Mấy ngày vui hiếm có với những con người quay cuồng như những chiếc lá trong cơn gió lốc. Thực ra, ngoài việc gặp lại Bình, những tin anh ta đem lại cũng không hẳn là vui. Thái không chết nhưng vẫn còn ở trong tù không biết bao giờ ra. Đời sống buồn thảm ở



Việt Nam. Cuộc vượt biên đường bộ gian nan. Những năm cay đắng nhục nhã ở trại tị nạn Thái-lan... Nhưng mọi người vẫn muốn nghe. Nghe để thấy mình vẫn còn là những kẻ may mắn. Tối hôm ấy, khi mọi người đã đi ngủ Bình còn ngồi nói chuyện với Nhàn:

- Cuối cùng thì cháu cũng có vận may trong đời. Làm sao mà nghĩ được là sang đây sẽ gặp lại cô. Những năm năm chờ tuyệt vọng ở trại tị nạn Thái-lan đã mấy lần cháu định tự tử hay trốn theo kháng chiến. Bây giờ cháu học thêm được bài học. Đừng bao giờ tuyệt vọng.

- Cháu nghĩ chú Thái có ngày được ra khỏi nhà tù không? - Nhàn hỏi.

- Tinh thần chú Thái rất vững. Ít ai can đảm bằng chú. Chú có mộng lớn lắm. Biết đâu một ngày kia chúng ta không trở về và gặp lại chú trong một đất nước tự do.

- Cháu nghĩ chuyện đó có thể xảy ra à?

- Có thể lắm, cô ạ. Trước đây nửa năm, ai nghĩ là nó sẽ xảy ra ở Đông Âu? Người ta cứ cúi đầu như con trâu cày và yên trí rằng cộng sản không bao giờ bị lay chuyển... Cộng sản Việt Nam bây giờ chỉ còn như cái cây đã thối rữa...

- Cháu có mơ mộng quá không?

- Cháu có ước mơ chứ không mơ mộng. Mình phải biết ước mơ, cô ạ. Ước mơ có ngày sẽ thành sự thật.

\*\*\*\*\*

Đêm hôm ấy, Nhàn lên giường với niềm ước mơ có ngày trở về và gặp lại Thái. Có lẽ vì định mệnh, nhiều người đàn ông đã đi qua đời cô nhưng hình như Thái là người đã để lại trong lòng cô hình ảnh đậm nét nhất. Con người có đầu óc sắc bén, có trái tim nồng nàn, có tư tưởng và dám hành động. Những kỷ niệm sống với Thái trong những ngày tháng tuyệt vọng nhất vẫn còn làm cô xao xuyến mỗi khi nhớ lại. Nhàn nhận ra sau bao năm trôi nổi, mình vẫn còn yêu con người ấy. Lần đầu tiên từ nhiều năm nay cô cảm nghe lòng ấm áp, như tìm thấy lại mảnh linh hồn đi lạc của chính mình.

*(Xuân Quý Mùi 2003)*

**HẾT**

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vũ.

Nguồn: thuvientoancau

Được bạn: NHDT đưa lên

vào ngày: 11 tháng 7 năm 2007